

NGÔ THỊNH



Gánh vác
ngọt ngào

Mục lục

Lời Tác Giả: Tôi Mong Đợi Sự Đồng Cảm Của Độc Giả Việt Nam

Tiến Xa Hơn Trong Giao Lưu Văn Học Đài Loan Và Việt Nam

Con Dân Của Làng Quê, Ông Lão Của Làng Quê

Khúc Song Tấu 1: Hàng Quán

Khúc Song Tấu 2: Bàn Tay

Khúc Song Tấu 3: Hoa Bìm Bìm

Khúc Song Tấu 4: Nụ Cười Buồn

Khúc Song Tấu 5: Gánh Vác

Khúc Song Tấu 6: Chẳng Hẹn

Khúc Song Tấu 7: Đêm Lạnh

Khúc Song Tấu 8: Khách Qua Đường

Khúc Song Tấu 9: Bia Hồn Thú

Khúc Song Tấu 10: Đừng Quên

Khúc Song Tấu 11: Hãy Ngăn Cản Họ

Khúc Song Tấu 12: Tôi Không Nói Chuyện Với Anh

Khúc Song Tấu 13: Đất Đen

Khúc Song Tấu 14: Chúng Tôi Cũng Có Nỗi Nhớ Quê Hương Của Mình

Khúc Song Tấu 15: Nghĩa Trang Rừng

Mục Lục

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Lời Tác Giả: Tôi Mong Đợi Sự Đồng Cảm Của Độc Giả Việt Nam

Sau tập thơ My Village - Làng tôi được dịch sang tiếng Anh (dịch giả là học giả người Mỹ John Balcom, xuất bản vào năm 1996), tập thơ Báo cáo về cuộc đời được dịch sang tiếng Hàn Quốc (dịch giả là học giả người Hàn Quốc, giáo sư của Học viện Khoa học Kỹ thuật Tu Bình - Đài Loan là Kim Sang-ho, xuất bản năm 2014), tác phẩm văn học của tôi Gánh vác ngọt ngào – Song tấu thơ và tản văn Ngô Thịnh do hai dịch giả của Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội là Nguyễn Thu Hiền và Nguyễn Thanh Diên chuyển ngữ, giáo sư Lâm Minh Đức viết lời giới thiệu, sắp được xuất bản tại Việt Nam vào tháng 9, năm 2018. Đây là cuốn sách thứ ba được xuất bản ở nước ngoài của tôi. Vì sự kiện này, tôi đặc biệt viết vài dòng này thay cho lời tựa.

Tôi từng tự nói với mình: Tôi chưa bao giờ mơ ước viễn vông rằng thơ của mình có thể nổi tiếng đến mức được lưu truyền rộng rãi, càng không bao giờ kỳ vọng xa xôi rằng chúng có thể được biết đến ở nước ngoài. Tôi chỉ mong con em Đài Loan có được chút trải nghiệm trong thơ văn của tôi, để biết tôn trọng hơn luân lý tự 6 Gánh vác ngọt ngào nhiên, trân trọng hơn giá trị sinh mệnh của vạn vật. Thế nhưng tôi lại may mắn đến thế khi trên con đường văn chương của mình nhận được sự ủng hộ, yêu quý của bao nhiêu người, không chỉ có nhiều bài thơ được chọn vào sách giáo khoa, giáo trình các cấp tiểu học, trung học, đại học, được đông đảo người học đọc chúng, mà thậm chí còn nhận được nhiều sự ưu ái cao hơn kỳ vọng của rất nhiều học giả nước ngoài, họ đã chuyển dịch tác phẩm của tôi thành ngôn ngữ của đất nước họ. Tôi vô cùng biết ơn vì điều đó.

Cá nhân tôi ngoài Trung văn thì không có được khả năng về các ngôn ngữ khác. Từ khi tuổi còn trẻ đến nay, tôi đã đọc rất nhiều tác phẩm kinh điển của các nước trên thế giới nhưng đều nhờ vào dịch thuật, tuy vậy cũng đã thực sự mở ra cho tôi tầm mắt rộng lớn, nuôi dưỡng cho tôi tri thức văn chương phong phú. Vậy thì, tôi cũng mong muốn, tác phẩm của tôi có thể sẽ đem đến cho bạn đọc ở những quốc gia khác đôi chút cảm nhận nào đó.

Đặc biệt là Việt Nam và Đài Loan, cùng thuộc khu vực Đông Á, có nhiều điểm chung với nhau về phương thức đời sống, về văn hóa ẩm thực, chẳng hạn như cùng ăn các món ăn từ gạo. Gần hai mươi năm trở lại đây, sự qua lại giữa hai bên ngày càng thường xuyên, mật thiết, người dân Việt Nam sang Đài Loan làm việc một thời gian ngắn, hoặc trở thành cư dân mới, hòa nhập vào xã hội Đài Loan, số lượng ấy tương đối lớn. Còn người dân Đài Loan cũng sang Việt Nam đầu tư, công tác, định cư, số lượng cũng không phải là nhỏ.

Tuy vậy, có một thực tế không thể không nói tới, trước nay chúng ta quá xem nhẹ các giao lưu về văn hóa, trước mắt chỉ có thể nói là vừa mới khởi động, tôi hy vọng sự giao lưu này được thúc đẩy nhanh hơn. Để thúc đẩy nhận thức, hiểu biết giữa con người với con người, xóa bỏ mọi sự đối lập được tạo ra bởi khoảng cách để chuyển hóa thành lòng bao dung ấm áp, để học tập, trân quý lẫn nhau, có lẽ chính là bản chất tiềm ẩn, là một trong những tác dụng quan trọng của văn học, nghệ thuật.

Tôi rất vinh dự, cũng rất vui mừng khi Song tấu thơ và tản văn Ngô Thịnh sắp được xuất bản ở Việt Nam. Tôi chợt nghĩ, tôi có thể tổ chức một buổi đọc sách cho người dân có quốc tịch Việt Nam ở Chương Hóa để lắng nghe cảm nhận của họ, sau đó tôi sẽ mời họ kể những câu chuyện cuộc đời mình, biết đâu có thể nhận được những hiệu ứng bất ngờ.

Người ta có câu, bạn tri âm thường khó tìm thấy. Tôi đặc biệt gửi lời cảm ơn tới Giáo sư Trần Ích Nguyên, chuyên gia về tiểu thuyết chữ Hán ở nước ngoài, chuyên gia về văn học dân gian, người bạn trẻ tuổi của tôi đã

tích cực lên kế hoạch, liên hệ, giúp đỡ hoàn thành việc tốt đẹp này. Tôi xin cảm ơn người bạn thân giao cả cuộc đời tôi là Giáo sư Lâm Minh Đức đã viết lời tựa cho cuốn sách. Xin cảm ơn sự ủng hộ của Giám đốc Bảo tàng Văn học Quốc lập Đài Loan Liêu Chấn Phú cũng như các cộng sự ở đơn vị triển khai dự án là Đại học Quốc lập Thành Công gồm Lý Thục Như, Trang Thu Quân, Liêu Khải Bình. Tôi đặc biệt muốn gửi lời cảm ơn tới hai dịch giả Nguyễn Thu Hiền và Nguyễn Thanh Diên đã vất vả trong công việc dịch thuật này. Tôi xin gửi lời cảm ơn tới thầy Phó Hiệu trưởng Trường Đại học KHXH&NV Hoàng Anh Tuấn, thầy Trưởng Khoa Văn học Phạm Xuân Thạch. Họ đã từng đến thăm Đài Loan để giao lưu học thuật, nhờ sự sắp xếp của Giáo sư Trần Ích Nguyên, chúng tôi đã có duyên gặp mặt. Họ đều là những học giả chân thành, gần gũi, khiến cho tôi có cảm giác vô cùng thân thiết.

Giờ đây khi bản dịch tiếng Việt của Song tấu thơ và tản văn Ngô Thịnh sắp được ra mắt ở Việt Nam, tôi tha thiết mong mỗi cuốn sách này sẽ có thể nhận được sự đồng cảm của đông đảo người đọc Việt Nam.

Tôi có mấy lời như vậy thay cho lời tựa.

Ngô Thịnh

Ngày 17 tháng 7 năm 2018

Chương Hóa, Đài Loan

(Nguyễn Thu Hiền dịch)

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Tiến Xa Hơn Trong Giao Lưu Văn Học Đài Loan Và Việt Nam

Liêu Chấn Phú

Bảo tàng Văn học Quốc lập Đài Loan

Từ năm 2017, Bảo tàng Văn học Quốc lập Đài Loan đã có kế hoạch dịch thuật văn học Đài Loan ra ngôn ngữ của các nước Đông Nam Á. Dự án Dịch thuật văn học Đài Loan ra nước ngoài - Các bản dịch từ ngôn ngữ Đông Nam Á được khởi động trong năm 2017 đã đồng thời dịch thuật giới thiệu truyện ngắn của Đài Loan và truyện ngắn của Malaysia, tháng 12 xuất bản cuốn Đi đêm - tuyển dịch truyện ngắn Đài Loan và Malaysia. Ngoài ra, để quan tâm tới thế hệ thứ hai đông đảo của cộng đồng di dân mới, bảo tàng cũng đã thực hiện dự án Sách âm thanh song ngữ giới thiệu truyện thiếu nhi Việt Nam và tháng 12 năm 2017 cũng đã cho xuất bản hai cuốn sách có bản dịch tiếng Việt, kèm âm thanh song ngữ là Sự tích chú cuội cung trăng, Sự tích cái chổi (1). Đó là những thành quả bước đầu trong chính sách hướng Nam mới về văn học của bảo tàng.

(1) [ND] Đây cũng là dự án hợp tác giữa Bảo tàng Văn học Quốc lập Đài Loan và Khoa Văn học, Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội, nội dung dịch sang Trung Văn do dịch giả Nguyễn Thu Hiền đảm nhiệm.

Dựa vào thống kê tháng 11 năm 2017 của Bộ Nội chính, số lượng nhân khẩu là cư dân mới của Đài Loan đã đạt tới 520.000 người, trong đó số lượng nhân khẩu của cư dân mới mang quốc tịch Việt Nam đứng ở vị trí

thứ nhất. Khi mối quan hệ giữa Đài Loan và Việt Nam ngày càng mật thiết, việc tiến hành dịch thuật văn học Đài Loan sang Việt ngữ càng trở nên cần thiết. Vì nghĩ đến những vấn đề về môi trường, về đất đai hiện nay xã hội Việt Nam bắt buộc phải đối mặt khi đang phát triển nền kinh tế, nên chúng tôi đặc biệt lựa chọn các tác phẩm của nhà thơ, nhà văn nổi tiếng của Đài Loan là Ngô Thịnh để giới thiệu và dịch sang tiếng Việt. Ngoài bản dịch được xuất bản ở Việt Nam, chúng tôi cũng cho xuất bản sách dưới dạng song ngữ tại Đài Loan. Chúng tôi tin rằng cuốn sách này không chỉ là một tác phẩm hay để giới thiệu về văn học Đài Loan, mà còn là một tác phẩm có nhiều giá trị tham khảo đối với người đọc Việt Nam.

Để có thể giúp cuốn sách được xuất bản một cách thuận lợi, tôi xin gửi lời cảm ơn tới Khoa Văn học Trung Quốc của Đại học Quốc lập Thành Công Đài Loan đã đứng ra triển khai dự án này. Tôi xin cảm ơn Phó Giáo sư Trưởng Khoa Phạm Xuân Thạch và hai dịch giả Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Thanh Diên của Khoa Văn học, Trường Đại học KHXX&NV, Đại học Quốc gia Hà Nội đã chịu trách nhiệm phiên dịch và hỗ trợ để cuốn sách này được xuất bản tại Việt Nam. Ngoài ra, tôi cũng muốn cảm ơn Giáo sư Lâm Minh Đức đã chịu trách nhiệm cố vấn biên tập cho cuốn sách.

Tôi hy vọng cuốn sách này sẽ nhận được sự yêu thích của độc giả Việt Nam để từ đó thúc đẩy nhiều hơn sự giao lưu về văn học giữa hai bên, giúp hai bên hiểu nhau sâu sắc hơn.

(Nguyễn Thu Hiền dịch)

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Con Dân Của Làng Quê, Ông Lão Của Làng Quê

Lâm Minh Đức (1)

I. Nhà thơ Đài Loan Ngô Thịnh

Ngô Thịnh sinh năm 1944, tên thật là Ngô Thắng Hùng, người thôn Quyển Liêu, làng Khê Châu, huyện Chương Hóa, Đài Loan. Cha của ông là Ngô Thiêm Đăng (1914~1966) từng công tác trong Nông hội làng Khê Châu, “gần như không một ngày nào cha không chạy lo cho việc xây dựng trong làng, không một ngày nào không bận rộn hòa giải cho dân làng, chòm xóm”. Mẹ của ông là bà Ngô Trần Thuần (1914~1999) là một người phụ nữ nông thôn điển hình. Sau khi chồng mất vì tai nạn ô tô, bà một mình gánh vác toàn bộ gia đình, bà khắc phục mọi khó khăn và nuôi con cái học hành thành tài.

Việc học của Ngô Thịnh tương đối trắc trở, tốt nghiệp đứng đầu ở cấp tiểu học, cấp trung học ông học mất 8 năm, chuyển tất cả 5 trường. Năm 1965, ông đỗ vào trường trung cấp nông nghiệp Bình Đông, vì đam mê với văn chương mà mãi đến năm 1971 ông mới tốt nghiệp. Sau khi ra trường, ông quay về quê bầu bạn với mẹ và kết hôn với bà Trang Phương Hoa sinh năm 1950. Hai vợ chồng ông cùng dạy trường cấp 2 ở Khê Châu. Ngoài giờ đi làm, ông ra đồng làm ruộng với mẹ, sống cuộc đời của nghề nông, nghề giáo và đọc sách, viết lách.

(1) [ND] Lâm Minh Đức sinh năm 1946, người Cao Hùng, Đài Loan, có bằng tiến sỹ Văn học Trung Quốc Trường Đại học Chính trị. Ông

nguyên là Hiệu phó Trường Đại học Sư Phạm Chương Hóa, Giáo sư của Sở nghiên cứu Văn học Đài Loan thuộc trường. Hiện nay là Chủ tịch Quỹ nghệ thuật Folklore Trung Hoa dân quốc. Các lĩnh vực nghiên cứu của ông bao gồm: Văn học Trung Quốc, Văn học Đài Loan, Nghệ thuật Folklore và văn hóa âm thực.

Năm 1980, Ngô Thịnh được mời tham gia Workshop các nhà văn quốc tế Iowa trong bốn tháng, thời gian này ông được mở rộng tầm mắt. Ông trước sau thể hiện tinh thần tự nhiệm, ưu thời mẫn thế của người trí thức, đối với các vấn đề chính trị, bầu cử, nông nghiệp, môi trường, “ông hiểu càng nhiều, suy nghĩ càng nhiều, quả thực càng nhiều trăn trở không cách nào kìm nén được”.

Trong suốt thời gian dài, “tính cách cương trực ở ông đã đấu tranh cho sự công bằng, để thúc đẩy một xã hội hợp lý hơn”, thông qua các tác phẩm thơ hoặc tản văn của mình, ông đã đưa ra thái độ phê phán nghiêm khắc, thông qua các tác phẩm thơ hoặc tản văn của mình ông đã đưa ra những ý kiến phê phán nghiêm khắc.

Năm 2000, hai vợ chồng ông chính thức nghỉ hưu. Năm 2005, Ngô Thịnh lên chức ông, khi đối mặt với tuổi già, ông đã cho đăng chùm thơ Suy tư cuối đời để nói lên tiếng lòng của “con dân làng quê, ông lão làng quê” thông qua sự quan sát chín chắn. Bởi tình cảm với đất đai nên vào năm 2010, để phản đối dự án hóa dầu Quốc Quang, ông đã đứng ra khẳng khái viết nên tác phẩm Chỉ có thể viết cho anh một bài thơ để kêu gọi mọi người cùng nhau bảo vệ hệ sinh thái trên đảo Đài Loan. Năm 2011, đối mặt với sự kiện Khu công nghiệp khoa học Trung bộ cướp nguồn nước, ông đã kết hợp với những người nông dân trong Hội tự cứu bảo vệ kênh nước Thích Tử là huyết mạch của quê hương ông.

Sáng tác của Ngô Thịnh bao gồm thơ và tản văn. Năm 16 tuổi (1960), ông bắt đầu làm thơ, cho đến năm 70 tuổi (2014) với hơn 50 năm, ông đã lần lượt xuất bản 5 tập thơ, bao gồm Trong phiêu bạt, Ấn tượng làng tôi,

Nói với con, Tạm biệt làng tôi và Anh ấy vẫn còn trẻ. Về tản văn, ông đã xuất bản 6 tập gồm Người phụ nữ nông thôn, Cửa hàng, Không hối hận, Chẳng bằng quên nhau, Một bài thơ một câu chuyện và Ghi chép về sông Trọc Thủy.

II. Ý thức luân lý trong thơ Ngô Thịnh

Luân lý là cơ sở cho sự hòa hợp và trật tự của con người, phạm vi của nó bao gồm ba phương diện là luân lý gia đình, luân lý xã hội và luân lý đất đai (tự nhiên) cấu thành nên mối quan hệ theo hình vòng tròn đồng tâm. Ngô Thịnh tôn thờ luân lý gia đình, quan tâm đến luân lý xã hội và kiên trì với luân lý đất đai. Ông là con dân nhà nông đích thực, tình cảm gia đình, tình làng xóm, cây trồng, đất đai giao kết thành mạng lưới các mối quan hệ và cũng là nội hàm chủ yếu trong thơ ca của ông.

1. Luân lý gia đình

Trong sáng tác của ông, chúng ta rất dễ dàng quan sát thấy những bài thơ viết về luân lý gia đình, ví dụ như Lời tựa, Thanh minh viết về tổ tiên; Trên đê, Mười năm viết về cha; Khuôn mặt, Bàn tay viết về mẹ; Tâm trạng giặt quần áo, Bến xe phương Nam.

- Ga tàu Cao Hùng; Gánh vác, Bản đồ khoai lang viết về con cái. Vợ chồng Ngô Thịnh sống trong một căn nhà ba gian cũ, nuôi dạy ba người con. Năm 2000, sau khi sửa lại nhà cũ, ba thế hệ lại sống chung một nhà, hai vợ chồng lại giúp đỡ con cái chăm sóc bốn đứa cháu, hồi ức lại “sự gánh vác ngọt ngào”. Năm 2001, hai vợ chồng họ lại gây rừng từ đất trống, trồng cây trong suốt mười năm, họ còn tặng lại cho làng Khê Châu để tiến hành công viên hóa từ khu nghĩa trang thôn Quyển Liêu.

Năm 2009, ông xây dựng một căn nhà để sách trong rừng cây long não trước căn nhà ba gian cũ. Căn nhà gồm hai tầng rưỡi, khoảng hơn 200 mét

vuông, bước vào phòng khách là có một cây to, trở thành cảnh quan cây và người sống chung một nhà.

Ngô Thịnh có tất cả 7 anh chị em, ông là con thứ 4, tuy mỗi người ở một vùng, một nước khác nhau nhưng họ vẫn thường xuyên quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau. Ông kể rằng điều này có liên quan tất yếu tới việc giáo dục gia đình của cha mẹ ông.

2. Luân lý xã hội

Những bài thơ về luân lý xã hội là sự mở rộng của luân lý gia đình, là kết quả của việc đặt mình vào người khác để suy nghĩ cho họ. Ông thâm nhập vào thế giới tâm hồn của những người già quê ông kể những câu chuyện chung về số phận, ông chỉ ra những phẩm chất đạo đức tốt đẹp được truyền lại ở những người dân quê ông. Như ngày tết thanh minh hàng năm “Người dân làng tôi thờ cúng tổ tiên/ Luôn nhìn thấy rõ rõ ràng ràng/ Trên mỗi một tấm bia, đều rõ rõ ràng ràng/ Khắc tên họ của mình” (Thanh minh). Truyền thống “nhớ nguồn” này được truyền từ đời này sang đời khác, chính là cơ sở cho trật tự xã hội.

3. Luân lý đất đai

Tình cảm sâu nặng và tình yêu đối với đất đai của Ngô Thịnh rất có thể được di truyền từ mẹ ông, người phụ nữ nông thôn đã dùng mồ hôi của cả một đời mình tưới tắm đất đai trên đồng ruộng nhà họ Ngô. Ngô Thịnh kế thừa ý thức đất đai từ mẹ, ông tham gia canh tác, chăm sóc vác cày, thậm chí ông còn có một lời hứa sẽ gắn bó với đồng ruộng mãi mãi: “Nếu có một ngày bị bắt dừng lại/ Tôi cũng nguyện trở thành/ Một mảnh đất rộng dầy”.

4. Công dân của đất

Ngô Thịnh đóng vai “công dân của đất” ở làng quê, ông bảo vệ đất đai. Quan niệm luân lý thâm căn cố đế bắt nguồn từ luân lý gia đình rồi mở

rộng ra ngoài và hình thành nên vòng tròn đồng tâm của luân lý xã hội và luân lý đất đai (tự nhiên). Đây là kết cấu sâu xa nhất trong thơ của ông - là chỗ đặc biệt có giá trị, cũng là điều khiến cho thơ của ông thu hút người đọc. “Cha đẻ của bảo vệ giáo dục môi trường cận đại” Aldo Leopold (1887~1948) có cuốn A Sand County Almanac (Quyền niên giám xứ cát), tác giả cho rằng cuốn sách này là kinh thánh của chủ nghĩa bình đẳng sinh thái. Trong đó, khái niệm “luân lý đất đai” (Land Ethic) đã trở thành một giá trị phổ biến.

“Luân lý đất đai” là một loại triết học về môi trường, giá trị hạt nhân của nó là khái niệm “cộng đồng đất đai” (Land-community), tức là đất đai (hoặc tự nhiên) là do con người, và các động thực vật, thổ nhưỡng, nước cùng tạo thành. “Luân lý đất đai” không chỉ khẳng định những thành viên trong cộng đồng có “quyền lợi tiếp tục tồn tại” mà đồng thời còn phải tôn trọng giá trị nội tại của các thành viên khác. Aldo Leopold cho rằng con người là một thành viên trong cộng đồng, con người có quyền lợi và cũng có nghĩa vụ đối với đất đai, cái đó tức là “lương tri sinh thái”. Những quan điểm này đều là trí tuệ và lý luận được xây dựng nên sau những suy nghĩ sâu sắc về tự nhiên. Trong đó, có thể dùng “luân lý đất đai” để kiểm nghiệm, đánh giá “tình yêu đất đai” của Ngô Thịnh, mà “lương tri sinh thái” gần như là quan niệm mà Ngô Thịnh vẫn tôn thờ, còn “công dân của đất” có thể nói chính là chứng minh thư của Ngô Thịnh. Ba điều đó đều tập trung trong con người ông, để từ đó ông có thể nói ra hộ Đái Loan tiếng nói của “tình yêu và trách nhiệm sâu sắc”.

III. Cảnh quan văn học đặc biệt - song tấu của thơ và văn

Là một nhà thơ bản địa, Ngô Thịnh tự yêu cầu mình phải viết về người Đái Loan, kể về chuyện của Đái Loan, vẽ cảnh của Đái Loan, bộc lộ tình cảm của Đái Loan. Ông hiểu rất rõ tính hàm chứa và tính ẩn dụ của thơ, để thu hút được sự đồng cảm của người đọc và mở rộng phạm vi ảnh hưởng, từ năm 1980 ông đã chuyển sang sáng tác dưới hình thức tản văn. Bắt đầu

từ năm 1992, ông đã mượn tản văn để giải thích cho thơ của mình, từ đó hình thành nên cảnh quan văn học là sự song tấu giữa thơ và văn.

Song tấu (Duet) là thuật ngữ của âm nhạc, để chỉ bản nhạc do hai người cùng diễn tấu và có tầm quan trọng ngang nhau, không tính là có đệm hay không, gọi là song tấu. Ở đây tôi đặc biệt muốn giới thiệu sự tương hỗ, thông diễn lẫn nhau giữa thơ và văn của Ngô Thịnh để làm nổi bật những tầng ý nghĩa sâu xa ẩn chứa sau các ký hiệu của văn bản và gọi đó là song tấu.

Các sáng tác thơ của Ngô Thịnh có nhiều bài trở thành song tấu vượt qua các giới hạn có bài thơ trở thành đề tài của họa gia, có bài thơ được các nhạc sỹ biến thành bản nhạc, thậm chí là các loại thiệp, gạch lát bằng đá... “Song tấu” thơ văn của ông có khoảng 15 nhóm tác phẩm, đa phần được sáng tác từ những năm 70 đến những năm 80, phản ánh bối cảnh về sự thống trị của quyền lực, khủng bố trắng và nổi ưu tư của người trí thức. Các sáng tác thơ đề cập đến nhiều phương diện và thể hiện nhiều chủ đề, bao gồm: quan niệm luân lý, chính trị và bảo vệ môi trường, nông nghiệp và trồng lúa, cùng sự phản tư về sinh mệnh...

Khúc song tấu đầu tiên được bắt đầu với Cửa hàng, bởi những ý nghĩa mà song tấu thơ - tản văn thể hiện, có thể chia thành ba vấn đề: (1) Về bối cảnh sáng tác, (2) Tìm hiểu ý thức chủ đề, (3) Mỹ học phản trào phúng.

1. Về bối cảnh sáng tác

1.1. Hàng quán

Năm 1972, Ngô Thịnh sáng tác Hàng quán khắc họa hình

tượng hàng quán, đó là nơi nghỉ ngơi của người dân làng quê, là trạm truyền tin để trao đổi thông tin, khi đêm xuống đó là nơi tránh nạn trong xã hội nông nghiệp. Tác giả dùng thủ pháp tả thực huyền ảo để thể hiện niềm

tin về số phận không do mình quyết định của người nông dân, là một bài thơ về nông dân mang đậm hơi thở làng quê Đài Loan

Năm 1983, với cùng một tên gọi, Ngô Thịnh đã viết một tác phẩm tản văn. Năm 1985, ông tiếp tục dùng tên gọi ấy để xuất bản một tuyển tập tản văn. Có thể thấy vị trí và sự quan trọng của “hàng quán” trong đời ông.

Bài tản văn này được kể từ lời của người trong hàng quán, thúc đẩy sự trao đổi về kiến thức và tình cảm của người dân trong thôn. Trong đêm mưa và giá rét, ba bốn người đàn ông bày một cái bàn ra rồi đứng hoặc ngồi quanh bàn, một chai rượu, một gói lạc, trong cuộc rượu vui vẻ, họ trêu đùa, phàn nàn, than phiền về cuộc đời... có bao nhiêu tâm tư trút ra hết.

Đối với người già trong thôn, hàng quán là một nơi ấm áp. Ngô Thịnh muốn mượn lối kể chuyện của tản văn để tìm hiểu về “ý nghĩa phức tạp hơn” của hàng quán, để cung cấp thêm một cách thông diễn khác cho bài thơ Hàng quán.

1.2. Nụ cười buồn

Tháng 9 năm 1976, khi 32 tuổi, Ngô Thịnh đăng bài thơ Nụ cười buồn. Ông gắn việc trồng lúa với thuốc sâu, nói lên nỗi trăn trở về tình trạng ô nhiễm, những câu thơ cuối bài “Những hạt cơm đã ngấm quá nhiều thuốc trừ sâu, khổ sở chẳng nói nên lời/ Đã không thể lắc đầu được nữa/ Chỉ lặng lẽ cười buồn thôi” như một lời tố cáo lặng lẽ.

Hai tác phẩm tản văn Thuốc trừ sâu (1982) và Gạo thượng thủy vùng Khê Châu - kế hoạch phục hồi ruộng đất ngập nước (2016) rõ ràng là một bước giải thích, phê phán tiếp theo và có tác dụng bù đắp tích cực cho bối cảnh sáng tác của Nụ cười buồn. Tác phẩm trước hướng tới tả thực, phản ánh tình hình nước thải tràn lan, thuốc trừ sâu sử dụng bừa bãi, những cảnh đẹp tự nhiên bị hủy hoại trong những năm 70. Tác phẩm sau có ý nghĩa phản tư toàn diện, là một tác phẩm văn học báo cáo ghi chép tỉ mỉ về lịch

trình trồng lúa ở Đài Loan, đồng thời tích cực tham gia vào việc cứu giúp cho công việc đó.

Nhà thơ mượn tản văn để giải thích cho bối cảnh sáng tác của thơ, đồng thời cũng dẫn dắt người đọc đối mặt với khó khăn, tìm kiếm con đường cứu giúp. Thông qua những hành động tích cực để tìm ra cách giải tỏa cho những trăn trở, cho nụ cười buồn của người phụ nữ nông thôn là mẹ mình. Trong tâm hồn Ngô Thịnh ẩn chứa những câu chuyện xưa cũ từ bốn mươi năm trước, cuối cùng ông cũng đã được giải tỏa, tin rằng mẹ ở trên trời cao khi người thấy “mùi hương tự nhiên” chắc chắn sẽ từ “nụ cười buồn” nở thành “nụ cười rạng rỡ”.

1.3. Chẳng hạn

Năm 1977, Ngô Thịnh đăng bài thơ Chẳng hạn, về hình thức giống như lời răn dạy trong gia đình, nhưng sâu xa lại ẩn chứa thông điệp về sự phê phán xã hội.

Năm 1998, Ngô Thịnh đăng tản văn Không lâu nữa tôi phải về, như một lời đối thoại với Chẳng hạn, nó cũng thể hiện tiếng lòng tố cáo đối với sự thống trị từ trên cao áp xuống. Ông nhớ lại quãng thời gian trải nghiệm vào năm 1980 khi được mời tham gia Workshop dành cho các nhà văn quốc tế ở Đại học Iowa, Hoa Kỳ.

Ở Viện Nghiên cứu dịch thuật của trường này có một sinh viên người Đài Loan, người này đã dịch ba tác phẩm thơ của ông và đưa ra trình bày, thảo luận trên giảng đường, đó là Câu chuyện bình thường, Mẹ không phải là nhà thơ, Chẳng hạn. Ông nhận lời tham gia, nhà văn xuất hiện. Khi ấy, có một nam sinh nước ngoài hỏi ông: Chẳng hạn có ý nghĩa phê phán rất đậm nét, liệu có phải ám chỉ chính quyền Đài Loan rất biết nói dối không?

Ngô Thịnh nói: Tôi có thể không cần thiết trả lời, mời bạn tự cảm nhận. Sinh viên này hỏi tiếp câu thứ hai: Ông dùng phương thức phê phán

ấn dụ, có phải vì ở Đài Loan không có tự do ngôn luận?

Khi ấy, Ngô Thịnh trả lời bằng cách không trả lời, ông cười nói: “Tôi chỉ ra ngoài vài tháng, không lâu nữa tôi phải về”. Rất nhiều sinh viên nghe được, những tiếng cười như hiểu ra vang lên. Ông kể rằng, đằng sau sự hời hợt “hài hước” là nỗi buồn đau không gì sánh được trong tâm hồn.

1.4. Đêm lạnh

Tháng 5 năm 1978, Ngô Thịnh đăng bài Đêm lạnh thể hiện tình cảm giữa cha và con, đồng thời bộc lộ nỗi ưu tư về “sự đen tối rộng lớn không cách nào xua đi được”.

Bối cảnh sáng tác của Đêm lạnh tương đối giống với Gánh vác (1977). Tác phẩm kể về cảnh người cha ôm con vỗ về, địu con trên lưng đung đưa trong đêm lạnh, tiếp đến là những lời tự nhủ, những nỗi khổ tâm, tất cả được đúc rút thành những câu thơ bình dị. Sau cùng với giọng điệu gần như cầu xin “Chúng ta ngủ đi thôi” khiến cho người đọc thấy xót xa.

Năm 1998, Ngô Thịnh đăng bài Căn nguyên của tập thơ (3) – Nói với con, như là một sự giải thích cho bối cảnh sáng tác của bài Đêm lạnh.

Tháng 6 năm 1972, ông và Trang Phương Hoa lần đầu được làm cha mẹ, cùng lúc đảm nhiệm vừa việc dạy học, việc gia đình và việc làm nông. Mỗi khi đêm xuống, ông thay vợ trông con, bất giác cùng con trò chuyện. Đặc biệt khi đêm lạnh, cảm xúc làm cha thường dâng lên, cộng thêm những suy nghĩ trong đời sống thường ngày, dần dần chuyển thành các ý niệm của thơ.

1.5. Hãy ngăn cản họ

Năm 1981, Ngô Thịnh đăng bài Hãy ngăn cản họ, bài thơ này dùng từ nghiêm khắc, thể hiện tinh thần phê phán mạnh mẽ. Nhà thơ ca ngợi Đài Loan bằng tình cảm tha thiết, núi rừng là xương cốt, sông suối là mạch

máu, đất đai là da dẻ, hòn đảo xinh đẹp này chính là mẹ của “chúng ta”. Đối mặt với sự chặt phá tràn lan, gây ô nhiễm của những đứa con bất hiếu, những người khách qua đường, phá hoại khung cảnh gia đình đến mức hoang tàn, ông đứng ra dùng tiếng nói nghiêm khắc, không quanh co, không giấu giếm để kêu gọi hãy ngăn cản “họ” lại.

Năm 1990, ông đăng tải văn Giàu có, giải thích thêm về những vấn đề mà Hãy ngăn cản họ đã đề cập đến.

1.6. Tôi không nói chuyện với anh

Tôi không nói chuyện với anh là bài thơ được đăng vào năm 1982. Nguyên nhân sáng tác của tác phẩm tản văn Phông tác - Tôi không nói chuyện với anh có tính kịch tương đối cao. Ngày 25 tháng 6 năm 2017, Ủy ban nhân dân huyện Nghi Lan tổ chức giải thưởng văn học nhi đồng Lan Dương lần thứ 12, tác phẩm được giải cao nhất thể loại thơ nhi đồng lớn tuổi là Tôi không nói chuyện với anh, có người phát hiện ra điểm khả nghi là sao chép. Ba vị giám khảo phải thẩm định lại tác phẩm của học sinh và sửa thành tác phẩm hay. Ngô Thịnh bày tỏ suy nghĩ trước sự việc này và cung cấp thêm nhiều thông tin về bài thơ gốc.

Chủ đề của bài thơ gốc là mối quan hệ giữa nghệ thuật thơ, nhân sinh và xã hội. Tác phẩm được giải của học sinh, tên gọi tương đồng, những chủ đề tập trung vào vấn đề ô nhiễm, xói mòn đất đá và bảo vệ môi trường. Ngô Thịnh cho rằng đây rõ ràng là phông tác, có điều nên chú thích rõ để thể hiện trách nhiệm với tác phẩm của mình. Chẳng hạn như tác phẩm Trong giang hồ (1970) của nhà thơ Dư Quang Trung sinh năm 1928 cũng thoát thai từ bài hát Bay trong gió của chủ nhân giải thưởng Nobel Văn chương Bob Dylan sinh năm 1941. Ở cuối bài thơ, Dư Quang Trung ghi rõ: “Các câu lặp lại trong bài thơ này lấy từ bài hát Blowin’ in the wind của ca sỹ nhạc đồng quê và nhà thơ trẻ tuổi tài hoa nhất nước Mỹ Bob Dylan”.

Ngô Thịnh chỉ ra động cơ, bối cảnh sáng tác của Tôi không nói chuyện với anh gồm có ba yếu tố: một là kinh nghiệm của người nông dân, hai là chịu ảnh hưởng sâu sắc của người phụ nữ nông thôn là mẹ, ba là quan niệm thơ ca cơ bản của nhà văn tả thực vì xã hội: nhìn trực diện và phản ánh hiện thực cuộc sống

Ông nhớ lại, tôi không nói chuyện với anh, không tranh biện với anh (tranh biện căng thẳng đầu óc làm sao), xin hãy để “tôi đưa anh đi tản bộ trên những cánh đồng bao la”, hòa vào khung cảnh, dùng cách “không trả lời thay cho trả lời”, kỳ thực cũng là đang kêu gọi bản thân hãy lao động nhiều hơn (Đây là ngày xuân vội vã gieo trồng), gần gũi với thiên nhiên hơn (Làn gió xuân đã thổi dịu dàng trên mặt đất rộng lớn thế nào), đừng lao vào vòng xoáy của những rối rắm, tranh luận thì rất nhiều mà vẫn là những vấn đề không có câu trả lời.

2. Tìm hiểu ý thức chủ đề

2.1. Bàn tay

Năm 1974, Ngô Thịnh đăng bài thơ Bàn tay, rõ ràng đây là những miêu tả mộc mạc về mẹ. Bài thơ gồm có bốn khổ, đặc tả về đôi bàn tay nhiều năm tháng lấm bùn đất của người phụ nữ nông thôn. Ba khổ thơ đầu miêu tả những vất vả sớm tối, gánh vác những công việc nặng nhọc của mẹ. Hai bàn tay từng lớp kén dày, thấm đẫm những giọt mồ hôi, tất cả vì gia đình họ Ngô. Khổ thơ sau cùng miêu tả sự ngỡ ngàng khi thấy mẹ già đi, từng lớp kén dày dần dần bong ra, chứa đựng một cảm giác buồn thương thấm đẫm trên những con chữ. Ngô Thịnh tập trung vào đôi bàn tay của người phụ nữ nông thôn, hình tượng vừa thô vừa mộc mạc, tựa như một bức điêu khắc bất hủ bằng câu chữ.

Năm 1979, Ngô Thịnh đăng tản văn Một cuốn sách dày, mang ý nghĩa đối thoại với bài thơ Bàn tay.

2.2. Hoa bìm bìm

Năm 1975, Ngô Thịnh đăng bài thơ Hoa bìm bìm, ông dùng hình tượng cỏ cây để miêu tả về diện mạo “làng tôi”. Hoa bìm bìm giống như một bài thơ tự sự nhỏ, tác giả dùng thủ pháp nhân hóa để miêu tả về bốn nhóm nhân vật của làng tôi là những đứa trẻ, những cậu thanh niên, những người già và chúng tôi để viết về tâm trạng bất an, cô đơn, buồn tủi, sợ hãi. Kỳ thực hoa bìm bìm chính là hóa thân của nhà thơ, bốn nhóm nhân vật ấy phản ánh tâm lý của nhà thơ, thể hiện tình cảm sâu sắc và nỗi lo lắng cho làng mình.

Năm 1996, ông đăng tản văn Thơ và ca, kể về mối liên quan giữa Hoa bìm bìm và dân ca trường học. Năm 1970, xã hội Đài Loan có nhiều thay đổi, từ nông nghiệp chuyển sang công thương nghiệp, chòm thơ trong Ấn tượng làng tôi đã thể hiện rõ nét quá trình văn minh thâm nhập vào nông thôn, cùng với đó bộc lộ “nỗi buồn khi thời đại đổi thay”. Điều mà Hoa bìm bìm phản ánh chính là diện mạo đổi thay của nông thôn lúc bấy giờ, bao gồm các phương diện như truyền hình hóa, dòng nhân khẩu di cư ra bên ngoài...

Những năm 1980, phong trào dân ca trường học nổi lên, xã hội thịnh hành hát những ca khúc của chúng tôi. Hoa bìm bìm được chú ý đến và đã được nhạc sỹ phổ nhạc, bài hát có tên là Hoa bìm bìm của quê hương nhưng nhà thơ lại chưa từng biết đến việc này. Ông rất muốn biết bài hát ấy có hát lên được nỗi buồn khi nhìn thấy thời đại đổi thay như trong thơ không. Tâm tư ấy đã phần nào thông diễn cho ý nghĩa chủ đề của bài thơ gốc.

2.3. Đất đen

Đất đen được đăng báo vào năm 1996, là sự ca ngợi đối với vùng đất đen bên bờ sông Trọc Thủy.

Toàn bộ bài thơ kể về mối quan hệ giữa ông và đất đen từ khi còn nhỏ, đến lúc thiếu niên, đến khi trưởng thành và theo mẹ học làm ruộng. Trải qua mọi biến đổi của nông thôn nhưng ông vẫn kiên trì làm các công việc chân tay, dùng dẫu chân, dáng người, mồ hôi để ngưng kết tình yêu đối với đất đai và nguyện hứa bảo vệ từng tấc đất màu đen.

Năm 2005, hai tác phẩm tản văn Quê hương của đất đen - Sông Trọc Thủy và tôi cùng Gạo thượng thủy vùng Khê Châu - kế hoạch phục hồi ruộng đất ngập nước được sáng tác như là một sự giải thích, làm rõ thêm cho hình tượng đất đen của Ngô Thịnh.

Sông Trọc Thủy là dòng sông dài nhất Đài Loan, toàn bộ chiều dài của sông là 186km, khởi nguồn từ giữa đỉnh phía Bắc của núi Kỳ Lai và đỉnh phía Đông của núi Hợp Hoan, chảy qua hai huyện Chương Hóa và Vân Lâm, nó mang đất phù sa màu đen đặc thù được tích tụ lại ở đồng bằng và nuôi dưỡng bao nhiêu thế hệ con dân Đài Loan.

Tác phẩm tản văn thứ hai chỉ ra rằng, làng Khê Châu nằm ở bên bờ sông Trọc Thủy, dẫn nước Trọc Thủy tưới tắm rộng đồng, cái “đục” của sông Trọc Thủy là “lăn đất cát liên tục bị sạt lở từ vách núi đá ở thượng lưu, theo dòng nước chảy về ruộng đồng, dần dần lắng xuống và hình thành nên đất có màu đen vừa có độ kết dính, lại vừa có chất hữu cơ phong phú”. Nguồn nước tốt, thổ nhưỡng phì nhiêu, lại có thêm phương pháp canh tác tự nhiên, nên hạt gạo được nuôi dưỡng từ đó cũng có mùi vị tự nhiên, vừa mềm vừa ngọt.

Từ những nội dung thông điệp này, hình tượng “đất đen” của Ngô Thịnh đã có được sự lý giải sâu sắc hơn.

2.4. Gánh vác

Bài thơ Gánh vác được sáng tác vào năm 1977, ngôn ngữ giản dị, thể hiện tình cảm sâu đậm của người cha đối với con cái, có thể gọi đây là tác

phẩm tiêu biểu cho phong cách sáng tác của Ngô Thịnh. Mùa hè năm 1990, Ngô Thịnh đưa con trai lớn đi tham gia kỳ thi vào cấp 3 của khu vực Đài Trung, đề thi môn Quốc văn có yêu cầu viết một đoạn văn ngắn nói về cảm nhận sau khi đọc bài thơ Gánh vác. Con trai tuy biết cha mình là tác giả của bài thơ, nhân vật chính trong bài thơ chính là mình, nhưng do quy định của kỳ thi nên thí sinh không được để lộ thân phận của mình, vì thế cậu chỉ viết rằng “bài thơ này thể hiện tình cảm của người cha, chúng em đọc xong đều rất cảm động”.

Đối với Ngô Thịnh, sự việc này quả thực là một sự trùng hợp hiếm gặp, vì thế ông đã viết riêng tác phẩm tản văn Không thể lộ thân phận (1992) để kể chi tiết về sự việc.

Tản văn Đề thi (1997) lại mở thêm không gian cho ngữ cảnh của Gánh vác. Có một năm, trong kỳ thi nhập học của trường dạy nghề cao cấp thuộc quận Phong Nguyên, môn Quốc văn có một câu hỏi lựa chọn: Cụm từ “bầu trời lấp lánh những vì sao rực rỡ” trong câu “Thi thoảng Cha cũng ngược nhìn lên bầu trời lấp lánh những vì sao rực rỡ/Nhưng không đắm chìm vào đó” dùng để so sánh với: (A) Đêm tối bận rộn, (B) Trách nhiệm lịch sử, (C) Niềm vui tan ca, (D) Hưởng thụ sự đủ đầy.

Có người hỏi ông đáp án, Ngô Thịnh còn đang suy nghĩ thì Trang Phương Hoa bên cạnh nói rằng, cả bốn đáp án này đều không phù hợp, ý nghĩa chính xác phải là chỉ “giấc mơ tuổi trẻ”.

Năm 2012, Ngô Thịnh đăng tản văn Gánh vác triền miên để truy nguyên về bối cảnh sáng tác của bài thơ gốc, đồng thời mở rộng thêm ý cảnh của văn bản gốc, thể hiện tình cảm ruột thịt phá bỏ mọi giới hạn của không thời gian, kéo dài vô hạn tình cảm ấm áp ấy.

Năm 1971, con gái lớn chào đời, năm 1975, con trai thứ hai chào đời. Nhân vật chính trong Gánh vác năm ấy đã trở thành bác sỹ, trở thành chồng thành cha của người khác, nuôi dưỡng bốn người con, thêm con gái của con

trai thứ hai, chúng đều có phần gánh vác của mình. Sau khi lên chức, vợ chồng Ngô Thịnh lại “tiếp tục chia sẻ sự gánh vác của gánh vác của tôi”. Từ sự gánh vác của người làm cha mẹ, Ngô Thịnh có được sự “bảo bọc”, ông không chút phàn nàn, sẵn sàng gánh vác và bảo bọc con cái. Con trai ông cũng tiếp tục đón nhận sự gánh vác nặng nề nhất trong cuộc đời mình, bảo vệ thế hệ mới ra đời. Đời này tiếp nối đời khác thể hiện sự gánh vác chung của con người - sự gánh vác ngọt ngào.

2.5. Nghĩa trang rừng

Năm 2005, Ngô Thịnh đăng chùm thơ gồm 10 bài Suy tư cuối đời, thể hiện sự bắt đầu trở lại của ông. Trong đó có nhiều bài thơ tập trung vào những suy nghĩ về thời kỳ chớm già, về cái chết. Ông sống an phận thủ thường, lựa chọn làng quê, vừa muốn học cách “Sau cùng làm sao đối mặt với bản thân/ Ung dung tự tại chào từ biệt”, ông vừa muốn tranh thủ chút thời gian để đọc thêm vài trang của “cuốn sách dày này”. Từ chùm thơ này, chúng ta không khó để nhận ra thái độ tôn trọng và thực hành luân lý tự nhiên của nhà thơ, ông là một “công dân của đất”, ông tuyệt đối không nở chà đạp bất cứ linh hồn sống nào, không để hao phí tài nguyên đất. Trong đó, bài thơ Nghĩa trang rừng vô cùng đặc biệt, chủ đề đa nguyên, là niềm tin về số phận, cũng là giấc mơ của công dân của đất, hơn thế nữa đó là sự thực hành luân lý đất đai ở ông.

Năm 2013, ông dùng chính tên gọi này sáng tác tản văn, tiếp tục thể hiện quan điểm của mình và cung cấp thêm cho hình tượng trong sáng tác thơ những cách nhìn mới. Vì gia đình sống gần nghĩa địa, nên ông thường xuyên nhìn thấy các nghi lễ mai táng, nghe thấy tiếng khóc ai oán, bởi thế từ nhỏ đã sớm cảm nhận về sự sắp đặt của số phận trước sinh ly tử biệt.

Năm 2001, hai vợ chồng Ngô Thịnh bắt đầu cải tạo đất bằng thành rừng, trồng các loại cây nguyên sinh của Đài Loan. Ông đưa giấc mơ vườn rừng ra không gian công cộng, hy vọng cải tạo khu nghĩa địa của làng

thành nghĩa trang rừng. Mong muốn lớn hơn của ông là mở rộng mô hình này ra khắp các thành phố, thị xã, thôn làng.

Mười năm sau, ông hợp tác với trưởng làng Khê Châu, chuyển hơn 2000 cây ngọc lan từ vườn tới nghĩa trang, cải tạo thành nghĩa trang rừng. Ông muốn trồng cây ở không gian công cộng để từ đó thúc đẩy thực hiện thụ táng (1), để lại cho Đài Loan thật nhiều rừng cây.

(1) [ND] Thay vì chôn dưới đất, thì tro cốt của người đã mất sẽ được rắc dưới gốc cây.

Năm tiếp theo, ông đăng tải văn Biển hoang vu thành bóng mát, để giải thích rõ hơn về Nghĩa trang rừng: Nghĩa trang rừng là rừng hóa nghĩa trang, có nhiều ý nghĩa, biến nghĩa trang hoang vu, bản bừa thành rừng cây xanh mát, nâng cao chất lượng môi trường sống, đồng thời có thể đóng góp chút sức lực làm giảm thiểu hiện tượng nóng lên của trái đất, bảo vệ môi trường của Đài Loan.

Chủ trương của Ngô Thịnh thể hiện trong Nghĩa trang rừng vừa dẫn dắt phong trào thụ táng, nhưng cũng thể hiện sâu sắc quan niệm đưa tro cốt trở về với tự nhiên. Điều này đã giúp cho việc lý giải ý thức chủ đề của bài thơ có ý nghĩa sâu sắc hơn.

3. Mỹ học phản trào phúng

3.1. Khách qua đường

Năm 1978, Ngô Thịnh đăng bài thơ Khách qua đường để nói tới trào lưu di dân trong sự trốn chạy đầy sợ hãi “vì để tháo chạy khỏi làng quê”. Thông qua sự đối lập với tình hình lúc đó, ông đã thể hiện sở trường phản trào phúng của mình.

Năm 1998, tản văn Khách qua đời được đăng tải. Thơ và tản văn cùng một tên gọi, thông điệp đầy ẩn ý cho nhau, cùng với đó là những câu chuyện thú vị.

Năm 1987, vở kịch Đứa trẻ mồ côi chốn nhân gian của đạo diễn Ưng Kỳ Mi công diễn tại Trung tâm Giáo dục Xã hội thành phố Đài Bắc, bà đã sắp xếp cho diễn viên đọc một đoạn trong bài thơ Khách qua đường. Khi đọc đến đoạn “Tôi không phải là người trở về, tôi là khách qua đường” có tiếng nói chuyện giữa Giáo sư Diêu Nhất Vi và Trịnh Sầu Dư vọng lên từ hàng ghế sau chỗ Ngô Thịnh ngồi: “Sầu Dư, đang đọc thơ của anh đấy!”, “Là thơ của Ngô Thịnh, không phải của tôi”. Quả là trùng hợp như vậy, tác giả của hai bài thơ Sai lầm, Khách qua đường đều đang có mặt xem kịch mà còn người ngồi trước người ngồi sau, một người từ Hoa Kỳ trở về Đài Loan, một người từ Chương Hóa lên Đài Bắc, gặp gỡ nhau ở cùng một vở kịch.

Trong tản văn, Ngô Thịnh tiết lộ bài thơ này phê phán mạnh mẽ và trực diện đối với xã hội Đài Loan. Khi chính quyền thể hiện lòng yêu nước về hình thức, nhưng bên trong lại hướng đến quê hương mới là Âu Mỹ, tạo ra một làn sóng di dân phát triển trong xã hội. Chính quyền còn thông qua các hình thức truyền thông để tiêm nhiễm tư tưởng phiêu dạt, tinh thần lãng mạn của người khách qua đường, mê hoặc người dân Đài Loan. Tiếng nói này cũng được thể hiện tương đối rõ rệt trong Giàu có in trong Không hối hận.

Sau cùng, tác giả hỏi ngược lại: “Đài Loan quả thực là môi trường nuôi dưỡng nỗi nhớ quê hương sao?” thể hiện sự phê phán mạnh mẽ và trực diện đối với tâm thế “trốn chạy” của khách qua đường.

3.2. Bia hồn thú

Năm 1977, Ngô Thịnh đăng bài thơ Hồn thú, đây là một bài thơ vịnh vật điển hình, nhưng thông qua cách xử lý ẩn dụ của tác giả mà nó trở

thành một bài thơ ngụ ngôn. Toàn bộ bài thơ miêu tả về người đồ tể ở làng quê vừa giết lợn chó gia cầm, vừa hoảng hốt, lo sợ cầu khẩn để những oan hồn không quay về đòi mạng.

Điều hấp dẫn người đọc là ở chỗ thông qua sự đối sánh nhân vật giữa các người (lợn, chó, cầm thú) và họ (đồ tể) đã hình thành nên sự phản trào phúng, ý nghĩa nhằm chỉ sự tố cáo phong trào khủng bố trắng đã bức hại nhân dân.

Năm 1993, Ngô Thịnh đăng tản văn Nhật một mẩu rác, như một sự giao đãi về tâm trạng và bối cảnh sáng tác Bia hồn thú. Đầu tháng 3 năm 1992, đồng nghiệp của ông là thầy Trương đưa vợ con đến Cung Thể thao Đài Trung xem bóng chày. Đưa bé nhật được một mẩu rác dưới chỗ mình ngồi, đó là một tấm thiệp bị vứt đi, phía trên có một bài thơ không đề tên tác giả, chỉ có tên bài thơ là Bia hồn thú. Thầy Trương kể lại với Ngô Thịnh về sự việc này và lấy tấm thiệp ra. Dựa theo thời gian, địa điểm và bài thơ để suy đoán thì có thể đây là sản phẩm tuyên truyền về buổi diễu hành kỷ niệm sự kiện ngày 28 tháng 2 năm 1947 được tổ chức ở thành phố

Đài Trung vào cuối tháng 2. Nhà thơ kể rằng, bài thơ này có tính trào phúng mạnh mẽ, nhưng không chỉ rõ đối tượng. Ông vận dụng kỹ thuật ẩn dụ, chuyển hóa thành thơ ngụ ngôn, để làm cho ý cảnh của bài thơ thêm sâu sắc, như thể đó là tấm gương chiếu yêu của quyền lực tà ác.

3.3. ĐỪNG QUÊN

Năm 1980, Ngô Thịnh đăng bài thơ ĐỪNG QUÊN, đây là sáng tác thơ sau khi xảy ra sự kiện Formosa (1) ở Cao Hùng, dùng quan điểm của người cha để nói với hai con (hai anh em trai) về sự bất hòa giữa hai anh em. Người cha dặn các con đừng quên các con là anh em ruột thịt, cần phải đối xử tốt với nhau, vị tha lẫn nhau. Sự kiêu ngạo tự mãn của người anh trai là hạt giống của oán hận gieo vào vết thương hở miệng, nó dần dần nảy mầm

trong bóng tối. Sau cùng người cha nhắc nhở hai anh em ruột “Sao chẳng chìa bàn tay ấm áp” để phản ánh sự mong đợi tha thiết trong lòng.

(1) [ND] Sự kiện Formosa xảy ra vào ngày 10 tháng 12 năm 1979 tại thành phố Cao Hùng. Đây là phong trào đấu tranh của các nhân sĩ trí thức ngoài Quốc dân đảng, mà nòng cốt là các thành viên của Tạp chí Formosa. Trong ngày này, họ tập hợp quần chúng thành các đoàn biểu tình đi diễu hành và thuyết giảng để kêu gọi dân chủ và tự do, kết quả phong trào bị dập tắt. Sau khi sự kiện này xảy ra, cơ quan phụ trách an ninh công cộng thuộc Bộ Quốc phòng đã bắt toàn bộ các nhân sĩ trí thức ngoài đảng và tiến hành các trừng phạt quân sự.

Hiển nhiên, đây là một bài thơ viết về tình cảm giữa những người thân, nói về sự bất hòa giữa anh em, nhà thơ đã vận dụng thủ pháp ẩn dụ để ám chỉ cục diện chính trị đương thời, đề cập tới sự đối lập giữa quyền lực của Quốc dân đảng và các thế lực bên ngoài đảng mới nổi lên. Trong không khí khủng bố đương thời, ông không dám trực tiếp thể hiện lớp ý nghĩa này, mà chỉ dùng phương thức giáo dục gia đình để nói với con trẻ, để phản ánh sự dồn nén và bất lực trong tâm hồn.

Mười sáu năm sau, ông đăng tải văn Bài thơ yếu đuối để đối thoại cùng Đờng quên, hé lộ ra chuyện cũ bị bụi phủ mờ đã lâu, đồng thời cũng nói rõ về căn nguyên sáng tác bài thơ này.

Cuối năm 1979, các nhân sĩ trí thức ngoài đảng tuần hành tại thành phố Cao Hùng và xảy ra “Sự kiện Formosa”. Nhà cầm quyền bịa đặt tội danh có ý đồ làm phản, thẳng tay bắt bớ các nhân sĩ tham gia phong trào dân chủ, bầu không khí tang thương bao trùm khắp đảo. Đầu năm 1980, nữ văn sĩ định cư tại Hoa Kỳ là Trần Nhược Hi trở về Đài Loan gặp gỡ với Tưởng Kinh Quốc, trực tiếp nói với chính quyền rằng sự kiện này là “trấn áp trước, bạo loạn sau”, không nên nhìn nhận đó là phản loạn. Tiếp đó Trần

Phong trào này là sự kiện xung đột với quy mô lớn thứ hai giữa cảnh sát và dân thường trong lịch sử Đài Loan, sau sự kiện xảy ra ngày 28 tháng 2 năm 1947.

Ánh Chân, Hoàng Xuân Minh đã tập hợp nhân sĩ trong giới văn học nghệ thuật tổ chức một buổi đón tiếp, Ngô Thịnh nghiêm khắc chỉ trích các phóng viên đã không có lương tâm, đóng vai tay sai cho chính quyền. Không khí nặng nề, u ám ngưng đọng khắp hội trường, đồng thời cũng thúc đẩy Ngô Thịnh biến nỗi căm phẫn, bi thương trong bao nhiêu ngày tháng trở thành ý tưởng thơ.

Sau nhiều lần chỉnh sửa, tên bài thơ đã được đặt là Đừng quên. Trong lòng Ngô Thịnh băn khoăn, liệu có thể đăng được không? Ông hỏi ý kiến bà Trang Phương Hoa. Vợ ông xem xong liền nói: “Anh sợ cái gì? Nếu vì bài thơ này mà bị bắt, thì chẳng những cam lòng, mà còn rất vẻ vang”. Tháng 3, bài thơ được đăng báo, “về cơ bản chẳng ai hỏi han, chẳng ai quan tâm”. Sau này khi ông đọc lại Đừng quên, ông thấy chủ đề ẩn dụ yếu đuối quá, chưa thể trực tiếp bộc lộ được nỗi căm phẫn tột độ, vì thế ông cảm thấy nhiều tiếc nuối.

3.4. Chúng tôi cũng có nỗi nhớ quê hương của mình

Năm 1999, bài thơ Chúng tôi cũng có nỗi nhớ quê hương của mình được đăng tải, ý thức chủ đề rõ ràng hướng tới tâm thế trốn chạy của phong trào di dân như đã thể hiện trong các bài thơ Khách qua đường, Trở về sáng tác năm 1978, đồng thời còn thể hiện sự nghi hoặc “Đài Loan là môi trường nuôi dưỡng nỗi nhớ quê hương sao?”.

Bài thơ bắt đầu bằng việc chỉ ra hòn đảo nhỏ này đã trở thành nơi nuôi dưỡng nỗi nhớ quê hương của những kẻ lãng tử khắp đất trời, của những vị khách qua đường, của những kẻ trốn chạy, nỗi nhớ quê hương như trong mơ thịnh hành khắp nơi, tâm hồn phiêu bạt khiến người ta mơ ước. Kinh qua bao nhiêu phá vỡ giấc mơ sông núi, giải kết cấu các thần thoại chính

trị, cuối cùng cũng làm con người tỉnh ngộ, cất lên những thanh âm lạc giọng “Hóa ra hòn đảo nhỏ bé/ Cũng có nỗi nhớ quê hương của chính chúng tôi”. Sau cùng, nhà thơ thẳng thắn chỉ ra, nỗi nhớ quê hương duy nhất của chúng tôi, chính là mảnh đất đang đặt chân ở đây. Nỗi nhớ quê hương lãng mạn, hư vô, phiêu bạt của khách qua đường trở thành nỗi nhớ quê hương của chính chúng tôi.

Năm 2005, Ngô Thịnh đăng tác phẩm tản văn có cùng tên gọi với bài thơ. Ông bày tỏ, hàm ý của nỗi nhớ quê hương có rất nhiều phương diện, bao gồm nỗi nhớ của sinh mệnh, nỗi nhớ của tâm hồn và nỗi nhớ của thời gian. Cùng với năm tháng, với trải nghiệm cuộc sống nơi làng quê và tình cảm với làng quê, những điều ấy đã khiến ông phản tư sâu sắc “từ chỗ bối rối, hoài nghi dần dần tôi biết cách phải nhìn thẳng vào điều mà mình thực sự thuộc về, thực sự dựa vào nó để an thân lập mệnh”. Cuối thế kỷ 20, ông tuyên bố rõ ràng: Nỗi nhớ quê hương duy nhất của chúng tôi/ Chính là mảnh đất đang đứng ở đây. Nhà thơ cảm thán, đây là sự kiếm tìm vừa gian khổ vừa dai dẳng biết chừng nào!

IV. Kết luận

Qua nội dung phân tích 15 khúc song tấu từ ba phương diện nói trên, chúng ta có thể thấy song tấu thơ và tản văn Ngô Thịnh tuyệt đối không phải là sự phiên dịch thơ, cũng không phải là sự hé lộ đáp án. Ông thông qua tự thông diễn với tản văn để cung cấp bối cảnh sáng tác, để trình bày thêm nhiều ý nghĩa phức tạp hơn cho thơ. Chẳng hạn như niềm tin con người sinh ra có số phận định sẵn ở những người nông dân trong Cửa hàng; sự lan tràn của nước thải công nghiệp, thuốc trừ sâu trong Nụ cười buồn; sự tự kiểm soát, tự kìm nén trước quyền lực trong Chẳng hạn; tình phụ tử khi điu con đung đưa trong Đêm lạnh, Hãy ngăn cản họ thể hiện quyết tâm bảo vệ môi trường, bảo vệ hòn đảo mẹ xinh đẹp của “chúng ta”; Tôi không nói chuyện với anh từ chối sự tranh luận và đối mặt với đời sống thực tế.

Về ý thức chủ đề, các tác phẩm tản văn của ông cũng chứa đựng những thông điệp sâu sắc, hỗ trợ cho việc hiểu sâu hơn về ý cảnh trong sáng tác thơ. Chẳng hạn như thông qua hình tượng người phụ nữ nông thôn trong Một quyển sách dày, khiến cho hình tượng về đôi bàn tay nhiều năm tháng vùi trong bùn đất ở Bàn tay càng trở nên sắc nét, chủ đề càng có ý nghĩa sâu xa hơn. Hoa bìm bìm thông qua dân ca, tản văn đã chứa đựng một thanh âm đặc biệt, đó là “nỗi buồn khi thời đại đổi thay” khi văn minh thâm nhập vào nông thôn. Bài thơ Đất đen có hình tượng độc đáo, hàm ý phong phú, đồng thời thể hiện tình yêu và quyết tâm bảo vệ đất đai. Gánh vác, Nghĩa trang rừng đều thuộc phạm trù luân lý, tác phẩm thứ nhất là luân lý gia đình, tác phẩm thứ hai là luân lý đất đai, chúng thông diễn lẫn nhau khiến ngữ cảnh của tác phẩm được mở rộng, chủ đề cũng được mở rộng đa nghĩa hơn.

Về mỹ học phản trào phúng, đây là thủ pháp thể hiện xuyên suốt trong thơ Ngô Thịnh, đặc biệt thường trở thành sự phê phán mạnh mẽ đối với chính trị, xã hội, việc bảo vệ môi trường. Chẳng hạn như Khách qua đường đặt ra câu hỏi nghiêm khắc đối với thái độ trốn chạy của khách qua đường “Đài Loan quả thực là môi trường nuôi dưỡng nỗi nhớ quê hương sao?”, đằng sau đó là sự tố cáo mạnh mẽ. Bia hồn thú bám chặt vào thực tế lịch sử, mượn hình thức ngụ ngôn để tố cáo chính quyền khủng bố trắng đã gây ra tai họa cho vô số những linh hồn oan khuất. Đừng quên hàm ẩn nói tới sự kiện Formosa ở Cao Hùng, dùng phương thức ngụ ngôn viết về tình cảm gia đình, nhưng thể hiện cảm giác bất lực và chịu đựng trước uy quyền chính chính trị đương thời. Chúng tôi cũng có nỗi nhớ quê hương của mình có sự tương phản rõ nét, đối ứng với điều mà bản thân vừa gian truân, vừa triền miên đi tìm kiếm là “nỗi nhớ quê hương duy nhất”, bài thơ mang đến sự cười nhạo và bao dung mạnh mẽ.

Ngô Thịnh xuất thân từ trường trung cấp nông nghiệp, hơn 50 năm trở lại đây, ông gắn bó với làng quê, ông quan tâm đến Đài Loan, ông vừa đích

thân trải nghiệm vừa trực tiếp thực hiện, đó là sự nghiệp của một người tiên tri, đó là công việc của một người trí giả.

(Nguyễn Thu Hiền dịch)

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Khúc Song Tấu 1: Hàng Quán

Hoặc uống tràn hát vang, đánh toan (1) hò hét Hoặc lặng thầm đối ẩm,
than thở nhẹ nhàng Hoặc chuyện đông chuyện tây, việc đời hay dở Đi qua
một đêm không biết làm gì

Đây là hàng quán của chúng tôi

Đây là trạm truyền tin của chúng tôi

Đây là trại tị nạn duy nhất của chúng tôi

khi màn đêm buông xuống

Ngàn đời nay, vẫn mãi nhộn nhịp thế này

... vẫn mãi hoang lạnh thế này

(1) [ND] Trò chơi đoán số ngón tay lúc uống rượu: hai người cùng giơ ngón tay ra và mỗi người nói một con số, con số của ai khớp với tổng số ngón tay của hai người giơ ra thì người ấy thắng, người thua bị phạt uống rượu.

Ngàn đời nay, ngàn đời sau

Chúng tôi - những kẻ không thể tỏa sáng

Chỉ là những cái bóng, nơi hàng quán

Chập chờn trong cõi mơ hồ

Chẳng biết ai đang bày đặt

Lạc rang, cho thêm một gói

Rượu nếp, mang tiếp một chai

Ti vi ư, xe hơi ư, những thiếu niên từ thành phố trở về ư

Không cần phô bày với chúng tôi

Những tin đồn hào nhoáng phương xa

Trên chiếc ghế gỗ nơi hàng quán

Bó gói chuyện trò, chúng tôi - lũ quê mùa gốc gác

Nhân sinh dằng dặc, đi tiếp thế nào

Vẫn là mấy con đường xe trâu ngấn ngùi

Trước cửa quán này.

Tháng 8 năm 1972,

Văn nghệ Ấu Sư số 224

Nguyễn Thanh Diên dịch

Hàng quán

Mỗi một thôn xóm trong xã, đều có vài ba cái quán nhỏ, khi chúng tôi gọi là quán, đơn thuần là chỉ cái cửa hàng nhỏ bình thường, nhưng khi chúng tôi nói là hàng quán, thì lại có ý nghĩa phức tạp hơn.

Quán là trạm tiền tiêu của văn minh đô thị du nhập vào làng, là trạm cung ứng đồ dùng hàng ngày cho thôn dân, đương nhiên cũng cung ứng cả những hàng tiêu dùng có cũng được mà không cũng chẳng sao. Còn như thế nào là đồ dùng hàng ngày, thế nào là hàng tiêu dùng, thì cũng phải tùy theo sự biến đổi của xã hội và lối sống của mỗi một gia đình mà có sự phân biệt khác nhau.

Xét riêng chuyện giấy vệ sinh, chỉ mới hơn chục năm về trước, khi phần lớn người dân trong làng vẫn dùng “que chùi” được chế thành hai nửa từ thân cây đay, trong con mắt của dân làng, giấy vệ sinh vẫn là một thứ hàng xa xỉ cao sang, vậy mà bây giờ đã là thứ hàng tiêu dùng không thể thiếu của mọi gia đình.

Quán cũng là nơi đám trẻ con nông thôn trông ngóng nhất, những thứ đồ uống, bánh kẹo tương đối rẻ, cùng đồ ăn vặt, đồ chơi luôn thay đổi kiểu dáng, theo quảng cáo trên ti vi mà không ngừng tràn về làng, luôn thu hút mọi ánh nhìn của chúng. Rất nhiều gia đình nông thôn ít khi có những đồ ăn khác ngoài ba bữa cơm, bởi thế mà đám trẻ hết sức thèm khát. Một khi xin được tiền tiêu vặt, mà cũng họa hoằn lắm, là hầu như chúng chẳng giữ được lâu, bất kỳ lúc nào cũng có thể chạy ngay ra quán.

Bên trong bên ngoài mỗi quán đều bày mấy chiếc ghế để khách ngồi, buổi tối và những ngày mưa, dân làng thường ngồi chật kín, mọi người ra vào tự nhiên, không cần giữ ý, cùng lắm thì lúc mới đến hoặc trước khi ra về, tùy ý chào hỏi một vài câu, cứ thế tự nhiên trở thành nơi tụ tập cố định thường ngày của thôn dân.

Và nữa, trước cửa mỗi quán đều trồng một vài gốc cây tán dày rộng để lấy bóng râm, phần lớn là cây đa, nhất là vào những trưa hè, dân làng ra hóng mát, kẻ đứng người ngồi kín cả gốc cây, đám trẻ con thì nô đùa chạy nhảy xung quanh, hết sức vui nhộn.

Còn đây là hàng quán như đã nói:

Dân làng tụ tập hàng quán, ngồi buồn khó tránh khỏi chuyện đồng hoang sang đồng rậm, nào là trao đổi chuyện nhà nông, nào là bàn chuyện chính trị thời sự, nào là chuyện xảy ra trong làng, bình phẩm một hồi, chẳng câu nệ hình thức, chẳng cần biết đề tài, ai nấy đều có thể tùy ý phát biểu chính kiến và quan điểm của mình.

Hàng quán là trạm truyền tin của làng.

Vì có hàng quán, nên nhà nào hộ nào trong thôn có chuyện vui chuyện buồn, chuyện hay chuyện dở gì, cả những việc tốt đáng khen lẫn những hành vi không đẹp, mọi người đều có ngay thông tin; vì có hàng quán, mọi người đều khó mà giấu kín chuyện riêng tư, nhà nào có bao nhiêu đất cát, thậm chí nhà ai vừa có khoản thu nhập lớn, gần như ai nấy đều rõ; vì có hàng quán, xóm làng mới có được chút không khí nhộn nhịp.

Từng có mấy thanh niên thuộc thế hệ con cháu được học qua đại học, cao đẳng tỏ ra khó chịu với chuyện ngồi lê đôi mách của hàng quán, họ quanh năm suốt tháng ra ngoài học hành, ít có dịp gần gũi với dân làng, nên không hiểu được hàng quán có công lớn thế nào đối với việc rút ngắn khoảng cách giữa những người dân; họ không hiểu được rằng, ở cái làng quê heo hút này, hàng quán có tầm quan trọng rất lớn trong việc thúc đẩy sự giao lưu kiến thức và tình cảm giữa người dân với nhau; họ cũng không biết rằng, những lời bàn tán không ràng không buộc nơi hàng quán, rất chi là công khai và thẳng thắn, nó có thể phát huy đầy đủ chức năng “trừng ác khuyến thiện”.

Tập tính và thái độ sống thẳng băng này, tôi thực sự nghĩ không ra là có gì không tốt.

Lời bàn tán nơi hàng quán, dù có những sai lệch, nhưng đều là chân thành, không hề giống một vài bộ máy tuyên truyền, thường cố tình xuyên tạc sự thực, đưa những thông tin không thật. Mọi người ngày ngày gặp

nhau, ai muốn đổi trắng thay đen, đảo ngược phải trái chỉ cốt sướng miệng, đến nỗi thất tín với bà con cùng chung sống, gấn bó mật thiết với nhau?

Vì vậy, những câu chuyện người nơi hàng quán kể, độ tin cậy không hề thua kém báo đài, vả lại con người và sự việc trong làng, đâu có nhiều cơ hội lên báo? Nếu không có hàng quán, thì người dân làm sao kết nối với nhau nhanh chóng vậy được?

Thôn dân tụ tập nơi hàng quán, ngoài chuyện trò bàn tán, thì nhất là vào những ngày mưa hoặc đêm lạnh, đương nhiên cũng thường có dăm ba người đàn ông hứng chí đến, đặt bàn đặt ghế, mọi người ngồi vây quanh, một chai rượu gạo, một gói lạc, cùng đối ẩm. Uống hứng lên, cũng không tránh khỏi tâng bốc mình, có người thì nói tiếng lóng, có kẻ thì tức lên than thân trách phận, tiếng cười nói xen lẫn tiếng thở than, rồi người ta an ủi nhau, động viên khích lệ nhau.

Buổi tối tôi ít có thời gian ra hàng quán, còn mẹ hôm nào ăn cơm tối xong, nếu không quá mệt, cũng thường ra quán ngồi, nghe ngóng thông tin rồi về nhà lại kể vắn tắt cho tôi nghe.

Mẹ vừa không biết chữ, vừa không xem ti vi, cũng không nghe đài, trong làng không ít cụ già cũng giống như mẹ tôi, tôi thường nghĩ, đối với họ mà nói, hàng quán là nơi thân thiết biết bao.

Năm 1983,

in trong tập Hàng quán

Nguyễn Thanh Diên dịch

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Khúc Song Tấu 2: Bàn Tay

Hai bàn tay mẹ,

Thô ráp tựa lớp kén dày, bện chặt vào nhau

Không biết đến nhũ son, dầu móng, găng nhung

Hai bàn tay mẹ, quanh năm thuộc về bùn đất

Hai bàn tay mẹ, mỗi một đường vân

Từ thưở bé đến giờ

Chảy âm thầm những giọt mồ hôi cay đắng Nuôi dạy chúng con thành người

Những giọt mồ hôi tưới tắm chúng con tri thức

Chưa từng cầm bút chì, bút máy, bút lông Hai bàn tay mẹ, vừa mở ra

Là hiện lên từng trang từng trang chữ đẹp Đó là những tâm tư bất tận Đó là những triết lý sâu xa

42 Gánh vác ngọt ngào

Đêm nay, gió lạnh mưa dầm rì rầm rả rích Trong đêm đen, con nhìn thấy Hai bàn tay mẹ

Cầm cuốc, cầm xẻng, cọ xát rồi cọ xát

Từng lớp kén bền chắc, bong dần, bong dần...

Năm 1974,

in trong Ấn tượng làng tôi

Nguyễn Thanh Diên dịch.

Một cuốn sách dày

Giống như bao gia đình nông dân khác trong thời kỳ Nhật chiếm đóng, nhà mẹ cũng hết sức nghèo túng, bởi thế, ngay từ nhỏ, mẹ đã phải gánh vác hàng tá công việc nặng nhọc: lên núi

đốn củi, xuống sông gánh cát, ra đồng cày cấy để đỡ dần ông bà ngoại, kiếm miếng ăn qua ngày. Sau khi lấy cha, mấy chục năm qua, do hoàn cảnh khó khăn, mẹ chưa có nổi một ngày nghỉ, một giây phút thành thơi, nhàn nhã; ngày nào cũng như ngày nào, từ sáng đến đêm, mẹ đầu tắt mặt tối với công việc nhà cửa ruộng vườn, nuôi dạy bảy anh em chúng tôi khôn lớn thành người. Ấy vậy nhưng, mặc cho bao gánh nặng cuộc đời đè trĩu lên vai, sức khỏe của mẹ dường như càng trở nên rắn rỏi cương cường.

Tuy nhiên, kể từ ngày cha mất, hơn mười năm trở lại đây, mẹ già yếu đi trông thấy. Mấy năm gần đây, tôi trở về quê dạy học, thường tranh thủ thời gian ngoài giờ theo mẹ ra đồng làm việc, phát hiện thấy sức khỏe của mẹ ngày càng suy yếu, mọi công việc dường như mẹ đang gắng gượng làm bằng sức mạnh của ý chí.

Một ngày cuối năm hơn chục năm về trước, cha tôi không may qua đời khi bị chiếc xe tải phóng nhanh vượt ẩu tông vào. Lúc bấy giờ, hai chị gái đã lấy chồng, anh cả vừa đi nước ngoài, tôi và hai cô em gái cùng cậu em trai đều trọ học ở xa, chỉ có một mình mẹ ở nhà. Sau cú sốc tinh thần trời giáng đó, mẹ lại còn phải đối mặt với bao nỗi lo cơm áo gạo tiền: vừa phải đối phó với các khoản thuế khóa chồng chất, vừa phải cung cấp tiền ăn

học cho chúng tôi, vừa phải lo toan công việc đồng áng nặng nề, chưa kể bao nhiêu thứ nợ nần bức bách, vậy mà mẹ vẫn chỉ một thân một mình chống chọi với tất cả, đó thực sự là một gánh nặng chẳng dễ gì kham nổi!

Mỗi lần từ trường về nhà, nghe hàng xóm kể, mẹ ngày nào cũng sáng sớm tinh mơ là mang theo cơm nước ra đồng, đến tối mịt mới trở về. Căn nhà nông thôn rộng lớn nhường ấy, mà chỉ có mẹ thui thủi một mình, vừa mệt vừa đói, còn phải tự nấu cơm, đun nước, cho lợn gà ăn... Nghĩ đến tình cảnh thê lương ấy, lòng tôi đau xót tột cùng, chỉ biết cầu xin mẹ: bán hết ruộng vườn đi! Nếu không hãy cho con nghỉ học! Mẹ vừa khóc vừa mắng tôi, bảo tôi không phải lo bất cứ việc gì cả, chỉ cần cố gắng học thật giỏi để không phụ lòng cha và mẹ. Mẹ ơi! Có ai vì chúng con mà phải chịu bao vất vả, không may mắn mong cầu báo đáp như mẹ không?

Bây giờ mẹ đã ngoài sáu mươi tuổi rồi, bảy đứa con mẹ vất vả dưỡng dục đều đã khôn lớn nên người, đứa nào đứa nấy có nghề nghiệp đàng hoàng, bà con chòm xóm đều khuyên mẹ nghỉ ngơi an hưởng tuổi già, những đứa con từng được hưởng nền giáo dục “văn minh” như chúng tôi càng không muốn mẹ phải ngày ngày làm những công việc nặng nhọc như xưa, thường khuyên mẹ bán hết ruộng nương đi, nhưng mẹ vẫn một mực giữ quan điểm có phần cố chấp của mẹ: cho dù thời đại có thay đổi thế nào, thì con người vẫn phải lao động mới có cái ăn. Mẹ còn có sức, còn đi lại được, sao không làm việc được? Huống hồ, bao nhiêu món nợ tích lại từ trước đến giờ còn chưa trả hết, không làm việc thì lấy gì mà trả nợ? Để chờ các con trả nợ mà làm khổ các con à?

Mẹ chỉ nhận biết được mấy chữ số, không hiểu gì về những lý lẽ cao xa, không có kiến thức hay sự nghiệp phi thường gì, càng không có những mơ ước xa vời. Nhưng, cuộc đời không xa hoa phù phiếm, không kêu ca oán thán, an phận thủ thường, siêng năng cần mẫn, tràn ngập yêu thương của mẹ lại chính là một cuốn sách dày, viết nên những tâm tư bất tận, những triết lý sâu xa.

Năm 1979,

in trong Người phụ nữ nông thôn

Nguyễn Thanh Diên dịch

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Khúc Song Tấu 3: Hoa Bìm Bìm

Những cậu bé làng tôi

Chạy nhảy dưới ánh mặt trời, đùa nghịch dưới ánh trăng Đã đi đâu rồi?

Chúng ngồi xõm trước cái ti vi nhỏ

Những bông hoa bìm bìm làng tôi, nhìn chăm chú đầy bất an

Những chàng thanh niên làng tôi

Mướt mồ hôi dưới ánh mặt trời, hát những bài ca dưới trăng Đã đi đâu rồi?

Họ đổ dồn về từng nhà máy

Những bông hoa bìm bìm làng tôi, cô đơn kiếm tìm

Những người già làng tôi

Mím cười dưới ánh mặt trời, ngồi kể chuyện dưới trăng Đã đi đâu rồi?

Họ nằm chen nhau trong những ngôi mộ hoang lạnh

Những bông hoa bìm bìm làng tôi, buồn rầu thương nhớ

Có một ngày, chúng ta sẽ đi về đâu đó

Những bông hoa bìm bìm làng tôi, bản khoản hoảng hốt.

Năm 1975,

in trong Ấn tượng làng tôi

Nguyễn Thu Hiền dịch.

Thơ và ca

Gần đây khi tham gia một cuộc gặp mặt với những người làm trong ngành giáo dục, lúc giới thiệu về nhau, có một anh hiệu trưởng trường tiểu học, là người Đà Bắc, khi bắt tay tôi, anh ta có ngâm mấy câu thơ, vừa nghe tôi đã biết ngay rằng đó là mấy câu lấy trong bài Hoa bìm bìm của tôi.

Vào lúc tôi còn đang ngỡ ngàng chưa kịp có bất cứ phản ứng nào, anh hiệu trưởng này lại tiếp tục hát lại chính mấy câu thơ ấy.

Qua hỏi thăm, tôi mới biết rằng, bài thơ Hoa bìm bìm của tôi đã được phổ thành bài hát và thu âm vào trong một băng cát-xét nào đó, còn tên của băng nhạc đó là gì thì không còn rõ nữa.

Cuộc gặp mặt đông người ồn ào, chúng tôi không tiện nói chuyện nhiều. Tàn tiệc trở về, cuộc gặp mặt cũng khiến tôi nhớ lại nhiều chuyện trước kia.

Có lẽ đó là vào khoảng mấy năm trước sau năm 1980? Khi ấy, phong trào Dân ca trường học bắt đầu thịnh hành, thể hiện một cách nồng nhiệt thứ tình cảm vô cùng thuần khiết với quê hương làng bản. Tôi dần dần quen biết Lợi Cẩm Tường ở Phong Nguyên, bạn của anh ta là Hoàng Sỹ Bản có lần nói với tôi là có người muốn nhờ anh ta chuyển lời tới tôi rằng muốn phổ nhạc cho bài thơ Hoa bìm bìm trong cuốn Ấn tượng làng tôi thành bài hát. Tôi đương nhiên đồng ý vô điều kiện.

Tôi còn nhớ Hoàng Sỹ Bản đã từng đưa bản nhạc của bài hát đó cho tôi, nhưng khi đó tôi không để tâm lắm, tôi cũng không biết còn có những

việc gì diễn ra sau đó, nên cũng quên đi việc này từ lâu rồi.

Mãi cho đến khi nghe vị hiệu trưởng kia vui miệng hát vài câu rồi nói cho tôi biết anh ta nghe được qua băng cát xét từ xưa, điều ấy mới khơi gợi hứng thú trong tôi, khiến tôi cũng muốn nghe xem thế nào.

Nói thực lòng, khi nghĩ về bài thơ Hoa bìm bìm này, tuy ngắn ngủi nhưng nó đã thể hiện cực kỳ xác đáng về diện mạo đổi thay của nông thôn Đài Loan trong những năm 70, đó cũng chính là “nỗi buồn trong sự đổi thay của thời đại”, đặc biệt là hiện tượng người lao động rời nông thôn ra đô thị. Vì thế, tôi rất muốn nghe xem, bài hát có thể hiện được tâm tư ấy ra hay không?

Chỉ tiếc rằng, tung tích của cái băng cát-xét ấy chẳng biết hỏi từ đâu, càng không thể tìm thấy được.

Tôi chưa từng có ý định viết lời thơ cho các bài hát, nhưng nếu có ai đó hứng thú phổ nhạc cho thơ của tôi, thì tôi cũng có cảm giác đó là bạn tri âm. Đương nhiên tôi rất vui và cũng rất cảm ơn.

Như giáo sư Lại Đức Hòa ở Học viện Nghệ thuật đã phổ nhạc cho bài Đất của tôi thành thơ giao hưởng và biểu diễn, ca sỹ nổi tiếng La Đại Hựu đã có lòng phổ nhạc cho bài thơ tựa trong cuốn Ấn tượng làng tôi thành bài hát, họ đều đã từng tặng băng cát-xét thu âm cho tôi, tôi vô cùng cảm động. Chỉ tiếc rằng, bài hát Hoa bìm bìm này, cho đến hôm nay tôi vẫn chưa có duyên được nghe nó, tôi cũng không biết ai đã phổ nhạc, ai đã hát, bởi vậy tôi thấy đáng tiếc vô cùng.

Năm 1996,

in trong Một bài thơ một câu chuyện.

Nguyễn Thu Hiền dịch

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Khúc Song Tấu 4: Nụ Cười Buồn

Những người thanh niên đẹp như mộng, đến làng tôi đã ngoại Họ cất tiếng hát, họ không ngớt lời ngợi ca

Ôi, đẹp quá! Những bông lúa xanh mơn mớn Những bông lúa đang gian khổ chống lại lũ sâu hại Đang lo lắng chẳng biết lúc nào mưa gió sẽ tấn công tới Lắc lắc đầu, lặng lẽ cười buồn

Những cán bộ thần thái phong độ, đến làng tôi khảo sát Chắp tay sau lưng đi thông thả, họ vô tư khen ngợi

Ôi bình yên đủ đầy quá! Những bông lúa chín vàng Từng bông từng bông được kết thành từ mồ hôi Lắc lắc đầu, lặng lẽ cười buồn

Những đứa trẻ nghịch ngợm, lanh lợi, đáng yêu

Chúng ngồi quanh mâm cơm của từng nhà

Miệng nhai vui vẻ

Ôi thơm quá, ngon quá! Những bát cơm này

Những hạt cơm đã ngấm quá nhiều thuốc trừ sâu, khổ sở chẳng nói nên lời

Đã không thể lắc đầu được nữa

Chỉ lặng lẽ cười buồn thôi

Năm 1976,

in trong Ấn tượng làng tôi

Nguyễn Thu Hiền dịch.

Thuốc trừ sâu

Phía trước làng tôi, có một ngòi nước lớn chảy uốn lượn, ngoằn ngoèo từ đông sang tây, đó là dòng nước nơi chúng tôi thường bắt cá, đùa nghịch khi còn nhỏ. Từ khi có một nhà máy được đặt ở ven sông vùng thượng du, thì nước thải đều đổ về con ngòi này. Hàng ngày đi làm trên đường dọc sông, khi nhìn thấy bọt trắng nổi đầy trên mặt nước thành từng cụm từng cụm lớn, nước sông chảy xiết nhưng bản thủ ghê người, trong lòng tôi vô cùng khó chịu.

Tôi nghĩ về thuở thiếu thời, sông ngòi nơi thôn quê sạch sẽ biết bao nhiêu! Mỗi khi đến kỳ nghỉ, đặc biệt là dịp nghỉ hè, sau khi ăn trưa, tôi thường mang theo một cái lưới bắt cá hoặc cái gàu tre đến con sông nhỏ gần đó để vớt một hồi là có ngay một bát to nào tôm này, trạch này, cá diếc này, cá muôi... sau đó tôi ra vườn rau hái vài mớ rau xanh, thế là có bữa tối thịnh soạn rồi. Sau khi nước thải chảy xả, thuốc trừ sâu lan tràn khắp nơi, những vị ngon tự nhiên như thế không dễ dàng tìm thấy nữa.

Lúc ăn tối, mẹ lại than thở: gạo càng ngày càng không thơm nữa rồi, mẹ chẳng ngửi thấy mùi thơm như trước nữa rồi.

Vợ tôi không hiểu bèn hỏi: Sao thế ạ? Chẳng phải giống nhau sao? Mẹ tôi nói: Thuốc trừ sâu đấy! Mọi người ra sức phun thuốc sâu, mỗi vụ phun đến vài lần, làm sao mà còn mùi thơm được nữa? Nhiều năm trước, khi thuốc sâu bắt đầu được phổ biến rộng rãi, điều duy nhất mẹ sợ là chất độc sẽ còn lưu lại trong hạt gạo nên mẹ kiên quyết không sử dụng, kết quả là mất mùa liên miên, có tâm sự mà không biết giải bày ở đâu, bất đắc dĩ mới phải dùng theo người khác, nhưng đến hôm nay, mắt thấy lượng thuốc được

dùng ngày càng nhiều, số lần phun thuốc cũng ngày càng nhiều, chả trách mẹ tôi lại than thở như vậy. Nhưng lượng thuốc phun ngày càng dày hơn, không chỉ là rau xanh, vì thế tôi liền nói: So với rau xanh thì lúa gạo chưa nghiêm trọng lắm - Mẹ tôi nói: Đúng thế, thời gian trước, có ông Tài Phát ở đầu làng, có lần ra phố giải quyết công việc, tiện đường mua một mớ rau chân vịt về, báo hại cả nhà miệng nôn chôn tháo, con trai cả của ông ta là cậu A Kỳ còn ăn cơm chan canh, nên nặng hơn, suýt nữa thì mất mạng Vợ tôi “Ồi” lên một tiếng: Hóa ra mẹ đang nói đến những chuyện này, những chuyện ngộ độc đáng sợ hơn, không nên xảy ra hơn thế này còn nhiều lắm. Tình hình nhiễm hóa chất độc hại trong thực phẩm thường xuyên xảy ra, giống như vài năm trước ngộ độc thức ăn cho lợn, một đợt mà chết mấy chục ngàn con lợn con, hay vụ việc ngộ độc rượu giả, ngộ độc dầu gạo gần đây... không biết là đã làm nguy hại tới tính mạng, sức khỏe và hạnh phúc... của bao con người.

Tiếng nói của mẹ, từ giọng than thở nhỏ nhẹ vừa nãy, chuyển sang cao hẳn lên: Kiểm tiền thì cũng phải có lương tâm chứ! Biết rõ là độc hại rồi mà còn cho vào, thật không biết đến đạo đức là gì, tính mạng con người chẳng nhẽ không quan trọng bằng tiền hay sao? Con cháu của họ không sống ở đây sao?

Mẹ thở dài một tiếng nặng nề, rồi nói tiếp: Người làm ruộng như chúng ta không biết chữ, chẳng có cách nào, đành phải đi theo thời đại thôi, nói chung phải nghĩ mọi cách, chẳng hạn như, trải rơm sau khi thu hoạch xong ra ruộng, phơi khô xong thì đốt đi, có thể tăng thêm độ màu mỡ cho đất, hơn thế lại còn có thể giảm trừ sâu hại, thế mà bao nhiêu người có học, rớt cuộc họ đang nghiên cứu cái gì? Sự việc nghiêm trọng thế này mà cũng không quan tâm hay sao? Mẹ nghĩ mãi vẫn không thông suốt, con cháu họ không sống ở đây hay sao?

Vợ còn muốn thể hiện tiếp ý kiến gì đó, nhưng nhìn nét mặt của mẹ, tôi vội vàng tìm chủ đề khác để ngăn sự tranh luận của vợ lại, mẹ cũng

không có lòng dạ nào nói tiếp nữa, bèn lạng lẽ uống hai ngụm canh rồi buông bát buông đũa xuống, nhanh chóng rời khỏi bếp.

Kỳ thực, về vấn đề làm hại đến môi trường chung, không ngừng có người đưa ra cảnh báo, có điều là người nói tự nói, người nghe tự nghe, vấn đề làm hại đến cái chung đe dọa sự sinh tồn của xã hội vẫn tùy tiện xảy ra với số lượng lớn, hơn nữa còn ngày càng nghiêm trọng. Chỉ nghĩ đến cái lợi trước mắt, sự ô nhiễm về đạo đức không quan tâm đến việc gây hại xã hội, trong bối cảnh ngày càng nghiêm trọng, làm cách nào để ngăn ngừa các loại ô nhiễm đây?

Năm 1982,

in trong Người phụ nữ nông thôn

Nguyễn Thu Hiền dịch.

Gạo Thượng Thủy vùng Khê Châu - kế hoạch phục hồi ruộng đất ngập nước

(1)

Từ năm 1972, tôi liên tục đăng tải các bài thơ trong tuyển tập Ấn tượng làng tôi, đây là những tác phẩm tích lũy các trải nghiệm về đời sống nông thôn ở nơi tôi sinh ra, lớn lên và sinh sống qua nhiều năm tháng. Nụ cười buồn là một trong số đó.

Cảm hứng sáng tác của bài thơ chủ yếu đến từ cảm nhận trực giác, không cần có những cơ sở kiến thức gì sâu sắc, rộng lớn. Bài thơ này thể hiện rõ những phản ứng trực tiếp hoặc sự cảnh giác của tôi khi thuốc trừ sâu thâm nhập vào nông thôn trong những năm 70.

Tác phẩm thơ chú trọng đến ý tượng. Hạt gạo đại diện cho thực vật nông nghiệp, cũng đại diện cho người nông dân, khổ nhưng không dám nói,

là kẻ bị hại đầy bất lực; còn những đứa trẻ trong từng gia đình đại diện cho tất cả những người tiêu dùng, vui vẻ nhai cơm, là người bị hại “không hay biết”.

Từ tháng 5 năm 1979, tôi đăng một loạt các tác phẩm tản văn với chủ đề Người phụ nữ nông thôn trên Phụ san Liên hợp - Báo Liên hợp, đến năm 1982 tập hợp lại in thành sách. Người phụ nữ nông thôn là những phụ nữ nông thôn trong vai trò người mẹ là chính, lấy đề tài là những câu chuyện trong đời sống thường ngày. Trong đó có một bài, tên gọi là Thuốc trừ sâu, miêu tả tâm lý chống đối lại thuốc trừ sâu.

Khi ăn, mẹ lại than thở: Cơm càng ngày càng không thơm nữa rồi. Không ngửi thấy mùi thơm nức như trước đây nữa.

Vợ không hiểu liền hỏi: Tại sao thế ạ? Chẳng phải giống nhau sao ạ?

Mẹ nói: Thuốc trừ sâu đấy! Mọi người ra sức phun thuốc sâu, mỗi vụ lúa phun mấy lần liền, cơm làm sao mà thơm mà ngon được nữa?

Rau xanh phun thuốc còn nhiều hơn. Tôi nói: So với rau xanh, lúa gạo còn chưa nghiêm trọng bằng.

Mẹ không biết chữ, chẳng có kiến thức gì cao siêu, không hiểu những lý luận sâu xa, nhưng tri thức cuộc sống từ đất đai, và khả năng phán đoán thị phi một cách giản đơn, chính trực đã khiến bà không thể chấp nhận được thuốc sâu. Lý lẽ rất đơn giản: thuốc sâu độc hại như thế, con người chỉ cần ngửi thấy, hoặc bị hun là đã chóng mặt, nôn mửa, nói gì đến chuyện được phun lên thực vật, thực vật hấp thụ vào rồi cho con người ăn, làm sao có thể không có chuyện gì?

Mắt nhìn thấy thuốc sâu tràn lan, khó trách lúc cuối đời mẹ thường ưu tư than thở: Sẽ hỏng hết, hỏng hết, thời thế ngày càng hỏng...

Còn sự bần khổ, ngờ vực mang tính trực giác của tôi vào những năm 70 dần dần chuyển hóa thành nỗi đau sâu xa.

Trên thực tế, giai đoạn đầu những năm 70, 80, sự nguy hại của thuốc trừ sâu đã bắt đầu xuất hiện, nhưng chưa đến mức không thể cứu vãn được, xưởng sản xuất thuốc trừ sâu vẫn chưa mọc lên khắp nơi, nhưng đã có không ít nhân sĩ trí thức viết báo, làm phóng sự để thể hiện tiếng kêu than, cảnh báo về sự biến đổi của môi trường, thậm chí lớn tiếng kêu gọi, tố cáo nghiêm khắc, rằng các cơ quan chính quyền nếu biết cảnh giác, quản lý chặt chẽ, tích cực nghiên cứu các đối sách ngăn chặn, chẳng hạn như dùng cách phòng chống bằng sinh học để ứng phó với sâu bệnh, sâu hại, quay về với các phương thức tự nhiên, thay thế cho cách “khống chế tự nhiên” vừa cao ngạo, bất chấp, vừa tàn khốc, thì môi trường sinh thái đồng ruộng sẽ không biến đổi theo chiều hướng xấu với tốc độ nhanh chóng như thế.

Thế nhưng, người nói cứ nói, người nghe cứ dửng dưng, âm thanh cảnh báo rất nhanh chóng chìm vào dòng nước lũ cuộn cuộn của những mưu tính tranh đoạt quyền lợi, những hào nhoáng của lòng tham tiền tài, những mù quáng đeo đuổi hưởng lạc của toàn xã hội. Chính quyền đủ cả quan văn quan võ, người đứng đầu hành chính các địa phương, đại biểu do dân bầu ra, đắm đuối vào phát triển kinh tế, xây dựng, các hạng mục kinh phí ngày càng tăng, chẳng lo sợ gì, dũng cảm tiến về phía trước, hướng tới kinh tế ngày càng phát triển, nhưng lại mặc cho thuốc sâu tự do lan tràn, môi trường xấu càng thêm xấu, ai quản lý sinh thái làm gì?

Xu hướng chung của đại cục, đông đảo người dân chỉ bận rộn, quan tâm đến việc mưu sinh của mình, hồ đồ ngây dại, chẳng có “cảm xúc” gì, ngay cả những người có chút nhận thức, cũng vì “cảm giác bất lực” mà mặc kệ như nước trôi theo dòng, rất dễ dàng thích ứng.

Đến nay, xã hội của chúng ta vẫn vô cảm như vậy, không muốn tích cực tìm cách cải thiện hay sao?

Nói thực, tôi đau buồn vô cùng. Chỉ bởi vì nhận thức về sinh thái của phần đông người Đài Loan vẫn nghèo nàn vô cùng, ý thức về môi trường còn kém hơn.

Thế nhưng có thêm biết bao nhiêu than thở cũng không ích gì. Huống chi môi trường sinh thái tươi đẹp của Đài Loan chính là đã bị hủy hoại trong tay của thế hệ người như chúng tôi. Tôi luôn mang tâm trạng của một kẻ đồng phạm, luôn muốn bắt đầu từ chính bản thân mình để làm điều gì đó bù đắp, cứu vãn, hoặc có chút cơ hội nhân rộng nhận thức, định hướng cho thói quen của xã hội.

Năm 2001, tôi tự trồng cây gây rừng trên mảnh đất 2 hecta của gia đình mình, kiên trì không dùng bất cứ loại thuốc diệt côn trùng, diệt cỏ nào, khi cần phải diệt cỏ, thì dùng liềm, dùng cuốc làm thủ công, hoặc dùng máy cắt cỏ, tôi đặc biệt thích mùi thơm nồng của cỏ bay khắp nơi. Cỏ xanh sau khi bị cắt lại quay về với đất, trên toàn bộ mặt đất mãi mãi giữ được màu xanh thắm, ẩm ướt, tươi mềm.

Hơn mười năm trở lại đây, các mầm chồi trong vườn đã dần lớn lên đều trở thành cây to, khắp nơi là bóng râm của cây xanh, dưới những tán cây râm mát, là đủ loại “cỏ dại” mọc um tùm, bao gồm các loại dương xỉ, các loại cây lá khoai, chen lẫn là các loại mầm cây, bao phủ khắp vườn, chỉ cần chú ý một chút các loại cây dây leo, thường xuyên dọn dẹp chúng để tránh leo bám lên cành cây.

Có cỏ cây thì sẽ có côn trùng, có côn trùng sẽ có chim bay đến, hệ sinh thái vô cùng phong phú, sẽ thường xuyên có những phát hiện mới lạ, đem lại nhiều bất ngờ. Có ít nhất hai mươi, ba mươi loài chim, chúng hót líu lo khắp vườn, thời khắc mỗi buổi sáng sớm và chiều tà, không khí đặc biệt rộn ràng, thường xuyên có các thầy cô giáo dẫn học sinh đến đây dạy các em về sinh thái, hoặc có các hoạt động vui chơi của gia đình.

Nếu như hết lần này đến lần khác dùng thuốc diệt cỏ thì chẳng những khắp mặt đất là màu vàng úa, mất đi sinh khí, rất không thoải mái, người lớn không có cảm hứng đi dạo, tản bộ trong vườn, cũng không thể cho con trẻ thỏa thích chạy nhảy, chơi đùa, so với việc cắt cỏ thủ công, thực sự là khác biệt một trời một vực. Theo phán đoán sơ bộ của tôi, thuê người đeo thùng thuốc sâu để phun, có thể tiết kiệm được chút thời gian, nhưng tiền công cộng với tiền thuốc, tất cả kinh phí phải bỏ ra, chưa chắc đã tiết kiệm hơn nhiều so với việc dùng máy cắt cỏ thủ công.

Thói quen, chỉ tồn tại ở khoảng cách của suy nghĩ mà thôi. Bên cạnh vườn cây rộng hai héc ta của gia đình tôi còn giữ lại mảnh đất hơn một trăm mét vuông để trồng lúa nước phục vụ gia đình. Nhiều năm trước, con gái Âm Ninh của tôi yêu cầu để con phụ trách quản lý, làm ruộng, thực hiện các biện pháp nông nghiệp tự nhiên, con gọi đùa đó là “biện pháp hoang phế tự nhiên”, khi làm đất chỉ bón ít “phân cơ bản” làm nền, gieo hạt xong gần như mặc cho tự sinh trưởng, tuyệt đối không phun thuốc trừ sâu, tuyệt đối không dùng thuốc diệt cỏ, tuyệt đối không sử dụng phân hóa học, thậm chí để cho lúa và “ốc bươu vàng” cùng sinh tồn.

Cấy mạ xong, chỉ cần bỏ chút thời gian ra nhổ cỏ, loại bỏ các loại cỏ gạo, cỏ mọc trên ruộng, cắt một chút cỏ ở hai bên bờ ruộng, nhặt một chút ốc bươu vàng.

Công việc quan trọng duy nhất chỉ là phải đi xem nước ruộng, quan tâm đến nước dẫn vào ruộng.

Lúa nước, lúa nước, không có nước thì sẽ không có lúa. Từ khi gieo mạ cho đến khi gặt, mỗi một giai đoạn trưởng thành, toàn bộ ruộng nước, lúc nào cần “ngập nước”, lúc nào cần giữ độ ẩm, lúc nào cần phơi nắng (phơi ruộng), đều có thời gian nhất định, ví dụ thời kỳ lúa trổ bông kết hạt, tuyệt đối không thể thiếu nước, nếu không rất có thể hạt sẽ lép (mẽ tương không đủ), dân gian thường gọi là “thóc lép” (đạn rỗng).

Một năm hai vụ lúa, qua năm sáu vụ là có kinh nghiệm thực tế, Âm Ninh rất chắc chắn là cứ làm như vậy thì sẽ có thể thu hoạch thành công, so với việc dùng thuốc sâu, sự khác biệt duy nhất của cái gọi là “cách làm ruộng tự nhiên” chỉ là sản lượng thu hoạch giảm đi một nửa, chỉ thế mà thôi. Còn gạo tuyệt đối thơm hơn, ngon hơn, đương nhiên tốt cho sức khỏe hơn.

Cũng tức là, đối với lúa nước mà nói, việc phun thuốc sâu chỉ có tác dụng duy nhất là ngăn ngừa sâu bệnh gây hại, hướng tới sản lượng cao, nhưng việc khống chế sâu bệnh chỉ làm được nhất thời, không thể diệt hoàn toàn, thậm chí còn phát triển mạnh hơn, lượng thuốc càng dùng càng nặng, tạo ra vòng tròn ác tính, không quan tâm đến việc hủy diệt lượng lớn các loại thực vật.

Kỳ thực, không chỉ lúa nước, rất nhiều cây nông nghiệp khác về căn bản cũng không cần phun thuốc sâu, như cây lê, cà chua, dưa hấu, ngô, đỗ đen, tiểu mạch..., cũng như các loại rau xanh, hoa quả, mướp, đỗ... theo mùa. Làng tôi đã có không ít người nông dân đích thân thực hành phương pháp làm nông nghiệp tự nhiên, thành quả giống như vậy, chỉ có sản lượng giảm đi đôi chút, vỏ ngoài không “tươi bóng” mà thôi.

(3)

Người dân làng tôi đời này qua đời khác an cư lập thân bên bờ sông Trọc Thủy, cần mẫn làm ruộng, dẫn nước sông Trọc Thủy về tưới tắm cho ruộng đồng.

Năm 2011, biết tin khu công nghiệp gần đó sắp xây dựng hệ thống đường ống ngầm men theo dòng kênh dẫn nước để cướp đi nguồn nước của người dân chúng tôi, chúng tôi vô cùng hoang mang, nếu nguồn nước bị cướp đi thì đồng nghĩa với việc cắt đứt mạch máu của việc đồng áng, liên quan đến quyền lợi sinh tồn, chẳng nhẽ lại im lặng không lên tiếng. Những người dân trước nay vẫn an phận thủ thường, chỉ biết cần mẫn làm ruộng,

bị ép đến mức phải học cách phải đấu tranh thế nào, toàn thôn nhất loạt đồng lòng lập tức thành lập hội tự cứu thân “giữ lấy đường dẫn nước, phản đối cướp nước”, triển khai hết đợt hành động này đến đợt hành động khác.

Trọn vẹn năm, sáu trăm ngày giày vò khổ sở, lo âu, bất an, bi phần hòa lẫn nước mắt, nhờ sự lên tiếng, giúp đỡ của các tầng lớp nhân sĩ trong xã hội, cuối cùng chúng tôi cũng giữ được nguồn nước chính của con sông quê hương, trở lại nhịp sống làm ruộng yên ả thường ngày.

Trải qua đợt “giáo dục chấn động” này, người nông dân làng tôi mới nhận thức ra hóa ra nguồn tài nguyên thiên nhiên tưởng là chuyện thiên kinh địa nghĩa, là chuyện đương nhiên, nhưng hóa ra có thể bị đánh mất bất cứ lúc nào, vì thế họ càng hiểu ra phải trân trọng điều đó hơn. Họ cũng tự tin hơn về giá trị của việc làm ruộng.

Đấu tranh, là cách biểu đạt rõ ràng rằng “không muốn gì”; đấu tranh xong cần phải tích cực thực hiện việc “tôi muốn gì”.

Dựa vào kinh nghiệm của “phương pháp hoang phế tự nhiên”, Âm Ninh đã kết hợp với khái niệm ruộng nước để trao đổi mật thiết với những người nông dân trong hội tự cứu và tiếp tục đề xuất nguyện vọng về “kế hoạch khôi phục ruộng đất ngập nước”, đồng thời hợp tác với đội ngũ nghiên cứu trẻ của Trung tâm giáo dục bảo vệ sinh vật đặc biệt, dự án này nhận được sự tài trợ của Cục Xây dựng và Kế hoạch thuộc Bộ Nội chính để làm điều tra, ghi chép sinh thái.

Cũng giống như lúa gạo, trước nay cũng không chỉ là lúa gạo, không chỉ là lương thực, mà là bao gồm khí hậu, thổ nhưỡng, nguồn nước; là sự thể hiện của lịch sử và kỹ thuật, của khoa học và kinh tế, của văn hóa và phong cách; hơn thế nữa nó là sự thể hiện của những gì đời thường nhất, trực tiếp nhất trong sự biến đổi của hệ sinh thái tự nhiên.

Lúa gạo, chính là sinh mệnh.

Ruộng nước, chính là ngọn nguồn của sinh mệnh.

Ruộng nước, không chỉ sử dụng để sản xuất nông nghiệp. Ruộng nước cũng còn là giá trị về đất ngập nước quan trọng mà công ước về đất ngập nước quốc tế và liên minh giáo dục bảo vệ tự nhiên quốc tế đã định nghĩa, có nhiều chức năng như nuôi dưỡng nguồn tài nguyên nước, bổ sung nước ngầm dưới đất, điều tiết độ ẩm, nhiệt độ của môi trường...

Ruộng nước cũng là phong cảnh nhân văn bao la nhất, đẹp đẽ nhất, đặc sắc nhất mà nông thôn Đài Loan có được.

Trong ký ức tuổi thơ và tuổi niên thiếu của tôi, trước khi thuốc sâu còn chưa xâm nhập vào, những con kênh dẫn nước sạch sẽ nối liền những cánh đồng bao la, rêu rung rinh trong nước, tôm cá đầy dòng, mùa xuân mùa hạ là lúc đông vui nhất, người mò ốc, câu ếch, bắt châu chấu, vớt trai hến, bắt cá trạch..., sinh vật sống đa dạng thích ứng với nhịp điệu của công việc làm ruộng, thể hiện lịch sử về đời sống sinh trưởng phong phú trong nước, các biến đổi khi thiếu nước, tình trạng ngủ của đất ngập nước...

Tuổi thơ của Âm Ninh cũng giữ được những ký ức đẹp đẽ này. Con hy vọng những ký ức đó sẽ quay trở về với đời sống.

Chỉ có học lại từ đầu cách đối xử thân thiện với đất đai, không tiếp tục dùng các loại phân bón hóa học cường bức đất đai, không tiếp tục dùng thuốc sâu ép buộc cây nông nghiệp, làm tổn thương môi trường. Một năm, hai năm... rồi mười năm, chăm sóc tận tâm, kiên nhẫn chờ đợi, sẽ có thể để chim bay về, ếch nhái quay về, cá, tôm, cua đồng, dơi, đom đóm... tất cả những con vật đã mất đi sẽ lần lượt từng con được gọi quay về.

Thứ được gọi quay về, không chỉ là đất đai, nguồn nước, sự sống mạnh khỏe, mà còn phù hợp với giá trị quan của luân lý tự nhiên.

Âm Ninh kỳ vọng như thế, tin tưởng như thế, nhưng đương nhiên cũng hiểu rằng đó không phải việc đơn giản, đó có thể là giấc mơ rất xa

vời, rất gian khổ. Thế nhưng, ước mơ không phải để chờ đợi, mà phải biến thành sự thực tiễn hóa các chính sách, phải hành động, từng bước từng bước hiện thực hóa.

Suy nghĩ cơ bản nhất đó là kiên trì theo đuổi giá trị của nông nghiệp nhỏ. Tuyệt đối không thể tiếp tục theo kiểu “tiểu địa chủ, đại điền nông” (1), kinh doanh theo kiểu xí nghiệp hóa với quy mô lớn, mà phải giữ được tinh thần nông nghiệp nhỏ, giữ được lao động đồng áng.

(1) [ND] Tiểu địa chủ, đại điền nông là một trong những chính sách nhằm “hoạt hóa đất nông nghiệp” của Hội Nông nghiệp Đài Loan. Chính sách này khuyến khích những người nông dân đã lớn tuổi, không thể làm nông nghiệp, hoặc những người nông dân không muốn làm nông nghiệp đem đất đai của mình cho những đơn vị kinh doanh nông nghiệp muốn mở rộng quy mô kinh doanh nông nghiệp thuê trong thời gian dài để thúc đẩy việc trẻ hóa kết cấu lao động nông nghiệp và khiến những người nông dân có tuổi yên tâm tận hưởng cuộc sống an nhàn lúc về già.

Sáng tác tự chủ của nông nghiệp nhỏ đối với đất ruộng là nền tảng quan trọng trong văn hóa nông nghiệp của đảo Đài Loan. Mỗi một khoảnh đất ruộng là một tác phẩm sáng tác, cũng là nơi gửi gắm tinh thần của một người nông dân, họ cần có không gian tự chủ để phát huy, để tập trung sức lực, giữ lấy tính đa dạng của đất ruộng, giữ lấy tính đa dạng của người nông dân loại một, như tính đa dạng sinh vật, đây là phương hướng bắt buộc phải phấn đấu theo.

Trước mắt, các vùng của Đài Loan đã có ngày càng nhiều những hộ nông dân nhỏ đầu tư vào làm ruộng thân thiện.

Có điều, tự chủ không có nghĩa là chủ nghĩa cá nhân, đặc biệt nông dân Đài Loan cần có sự hợp tác tập thể, vận hành theo tổ chức, tập hợp lực

lượng của tập thể mới có thể làm nên chuyện, không thể đơn thương độc mã, ai lo thương hiệu người ấy, ai lo thị trường người ấy được.

Bước đầu tiên trong “kế hoạch phục hồi ruộng đất ngập nước” của Âm Ninh lấy trung tâm cơ sở là vườn cây nguyên sinh hai héc ta của gia đình tôi, từ đó mở rộng ra, thuyết phục từng người nông dân sống xung quanh. Trong đó có nhiều vị là các nhân vật trọng yếu của Hội tự cứu “giữ kên nước, chống cướp nước”. Trong quá trình của phong trào đấu tranh, giữa Âm Ninh và họ đã có được một tình cảm cách mạng sâu đậm, có được sự phối hợp ăn ý tốt, qua nhiều lần trò chuyện, trao đổi, giữa họ đã nhanh chóng có sự phối hợp. Lần đầu tiên đã tập hợp được mười một vị ở cả ba thế hệ lão niên, trung niên và thanh niên, ai cũng là những người nông dân đang làm việc có tính cách riêng và quan điểm riêng, sau đó họ tìm thêm một vài người bạn yêu đất đai, quan tâm đến nông dân mời tham gia cổ động và chính thức thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn cổ phần nông sản Thượng Thủy Khê Châu.

(4)

Đây là một công ty rất đặc biệt, nói rằng nó độc nhất vô nhị cũng không ngoa, bởi vì nó tuyệt đối không phải là công việc kinh doanh mang tính cá nhân, mà là không gian để cố vũ cho một lý tưởng, là không gian của người nông dân và nông sản. Đặc điểm lớn nhất của nó là: nó không chỉ cung cấp hàng hóa, mà còn cung cấp giá trị cuộc sống.

Công việc chính của công ty này có hai việc: một là phụ trách tập hợp nông dân, tổ chức cho họ giao lưu, quan sát, tham gia tọa đàm và cũng nông dân ký thỏa thuận giữ giá, thay đổi phương thức thu mua thông thường là “tính giá theo lượng”, áp dụng “tính giá theo đất”, thực sự dựa vào nguyên tắc lấy đất làm gốc, bất luận sản lượng thu hoạch được nhiều hay ít, dựa theo diện tích đất đảm bảo thu mua với giá cả hợp lý để người nông dân có được thu nhập ổn định cơ bản. Trong điều kiện không có áp lực về sản lượng, loại bỏ đi tính tất yếu của việc phải sử dụng bất cứ một

loại thuốc đặc hiệu nào, họ sẽ yên tâm làm công việc khôi phục sinh thái, mở rộng và kế thừa văn hóa nông thôn, những người chấp hành ở tuyến đầu đào kênh dẫn nước ở ruộng, nuôi các loại rong, chừa ra các khoảng đất để trồng hàng rào cây xanh cung cấp cho các sinh vật môi trường hít thở, sinh sống... Cần tiến hành các thử nghiệm để tạo nên và tăng cường tính đa dạng sinh thái, có thể giá trị quan tốt đẹp.

Nói thẳng ra, công việc này chỉ có thể dựa vào niềm tin lẫn nhau, giám sát và thúc giục lẫn nhau giữa các bên. Khó tránh có một hai người nông dân không kiên định trong tinh thần tự nhiệm, có lúc sẽ lười biếng một chút, chưa cẩn thận chăm sóc ruộng đồng, sản lượng và chất lượng đều thua xa người khác, khoảng cách tương đối lớn. Có điều, khi mọi người cùng ra sức cố gắng, bản ban nhau và quan tâm đến thể diện của mình một chút, mọi việc rồi cũng sẽ được cải thiện.

Mỗi khi đến kỳ thu hoạch, công ty sẽ gửi lại một bao thóc trên ruộng của từng hộ nông dân, đợi khi thu hoạch toàn bộ xong, sẽ tổ chức một buổi “tiệc ăn cơm” sinh động dưới gốc cây long não trong sân nhà tôi. Mỗi gia đình sẽ nấu sẵn gạo do gia đình mình sản xuất ra thành cơm nóng rồi mang đến, các nhân viên trong công ty sẽ bí mật đánh dấu từng loại rồi bê ra, xếp thành hình chữ nhật dưới gốc cây. Mọi người sẽ thưởng thức lần lượt từng nồi, họ đều không biết nồi nào đựng cơm của nhà nào, đến bản thân gia đình nấu cũng không thể nhận ra được. Từng người sẽ chọn ra số thứ tự của nồi cơm mà họ thấy ăn ngon nhất trong số đó rồi bỏ phiếu. Kết quả kiểm phiếu sẽ do trưởng thôn tuyên bố ai là Vua gạo trong tiếng vỗ tay và reo hò của mọi người, thúc đẩy sự giao lưu về tình cảm.

Ngoài ra sẽ tuyên bố sản lượng bình quân của từng hộ, động viên lẫn nhau. Mọi người cùng họp rút kinh nghiệm, trao đổi kinh nghiệm.

Công việc khác của công ty, đó là giới thiệu và bán các sản phẩm nông nghiệp, trước mắt tập trung vào “Gạo thượng thủy Khê Châu” là chính.

Thượng, có nghĩa là “nhất” trong tiếng Đài, Thủy, vừa có nghĩa là ruộng nước, vừa gần với chữ “đẹp” trong tiếng Đài, tức là gạo tốt nhất, đẹp nhất. Tại sao có thể dám “tự khen” như thế?

Nguồn nước như thế nào, thổ nhưỡng như thế nào, thì sẽ thai nghén ra sản phẩm như thế.

Làng Khê Châu nằm ở bên bờ sông Trọc Thủy, dẫn nước sông Trọc Thủy tưới tắm cho ruộng đồng, nguồn nước dồi dào, vì hai bên bờ sông có ít nhà máy. Năm 2001, sau khi đê sông Lan ở thị trấn Tập Tập được xây dựng, Trung ương tập quyền quản lý nguồn nước, các kênh tưới tiêu nông nghiệp được quản lý, sử dụng chuyên biệt, khu vực Khê Châu nằm ở thượng lưu của kênh nước Thích Tử, không bị ô nhiễm nước thải công nghiệp, cái đục của sông Trọc Thủy không phải vì bẩn, mà lẫn đất cát liên tục bị sạt lở từ vách núi đá ở thượng lưu, theo dòng nước chảy về ruộng đồng, dần dần lắng xuống và hình thành nên đất có màu đen vừa có độ kết dính, lại vừa có chất hữu cơ phong phú.

Nguồn nước sạch sẽ như vậy, nguồn đất phì nhiêu như vậy, lại có thêm phương pháp nông nghiệp tự nhiên thân thiện, gạo, cơm được tạo ra từ đó vừa mềm, thơm, ngọt, có độ dẻo vừa phải, đương nhiên rất ngon, hơn nữa còn tốt cho sức khỏe. Tôi một lòng tin tưởng rằng gạo như vậy chắc chắn rất được ưa chuộng.

Công ty nông sản Thượng Thủy Khê Châu không mời được người quản lý chuyên nghiệp, chỉ có vài thanh niên trí thức trẻ tuổi mang nhiều mơ ước với nông thôn để phụ trách những công việc thường nhật. Chỉ nhờ vào vài người bạn có cùng chung lý tưởng, nhiệt tình giúp đỡ, không cần tiền công, không cần lợi nhuận, chỉ thuần túy giới thiệu và bán hàng. Đặc biệt là Âm Ninh và tôi, những cộng sự trẻ tuổi gọi đùa chúng tôi là “nhân viên kim cương siêu cấp”.

Để giới thiệu rộng rãi ý tưởng làm nông nghiệp thân thiện, giới thiệu gạo Thượng Thủy Khê Châu, tôi không quan tâm đến thân thể, không quan tâm đến thể diện, mỗi một lần diễn thuyết đều quảng cáo một cách khéo léo. Mỗi lần ra khỏi nhà, trong túi tôi nhất định đều mang theo nhiều sản phẩm tuyên truyền, nhiều đơn hàng, có cơ hội là tôi lập tức “bán luôn”, hàng ngày tôi tốn không ít thời gian để đích thân đón tiếp từng nhóm từng nhóm nhân sĩ từ xa tới tham quan, tôi không ngại dẫn đến tận ruộng để giới thiệu, thậm chí tôi còn “đến thăm” những ông chủ nhà hàng, đơn vị chủ quản của các công ty có khả năng hợp tác để thuyết phục và tìm kiếm các đơn hàng, nhận đầu tư, cơ hội hợp tác...

Thỏa thuận lần đầu tiên là 7 héc ta, mười một vị nông dân, vì liên tục có các báo hỗ trợ đưa tin nên có không ít bạn bè nhiệt tình ủng hộ, sau khi thu hoạch xong lập tức bán hết trong một thời gian ngắn, điều này đã đem lại cho chúng tôi nguồn cổ vũ rất lớn lao, nhưng đồng thời cũng gây ra ảo giác, vì có càng nhiều nông dân muốn tham gia nên Âm Ninh quyết định mở rộng quy mô lên 11 héc ta.

Diện tích canh tác thân thiện mở rộng, kỹ thuật canh tác cũng càng có nhiều kinh nghiệm, sản lượng tăng nhanh, nhưng việc tiêu thụ lại bị ngưng trệ và không phát triển tương xứng. Hết vụ này đến vụ khác, gạo cũ chưa bán đi, gạo mới lại thu về, chất đầy trong kho, áp lực rất lớn, vì trong kho chưa có thiết bị bảo quản lạnh, tích lượng kho chứa lương thực lại không lớn, thóc, gạo thu hoạch được từ canh tác tự nhiên không phụ thuộc sâu không để được lâu, chỉ có thể lưu kho từ ba đến bốn tháng, sau đó rất nhanh chóng có mọt. Cho dù có kho lớn với thiết bị bảo quản lạnh tốt thì cứ tích trữ như vậy cũng không phải là cách.

Nói thực, với kinh nghiệm của một nhân viên như tôi, tâm trạng rất phức tạp. Tôi vừa biết ơn, biết ơn rất nhiều bạn bè đã nhiệt tình quảng cáo, giới thiệu giúp, biết ơn các công ty đã ủng hộ, nhận đầu tư, nhưng cũng nặng nề bởi khó khăn chồng chất.

Điều mà tôi cảm thấy khó khăn nhất, đó là cho đến nay vẫn chưa thể thuyết phục được nhà hàng nào muốn dùng “gạo Thượng Thủy Khê Châu”.

Nếu có nhà hàng kinh doanh nào muốn đặt mua, giá thành có thể hạ xuống nữa. Hợp tác với thực phẩm theo phương pháp làm nông nghiệp tự nhiên, có thể biết rõ xuất xứ nơi sản xuất, bất cứ lúc nào cũng có thể mời tới “kiểm tra”, cũng là một cách tuyên truyền tốt, một cách quảng cáo hình tượng công ích có ý nghĩa. Kể cả không nói về công ích, chỉ thuần túy buôn bán mà nói, gạo thực tế rất ngon, thực sự ngon, vừa an toàn vừa tốt cho sức khỏe, tại sao vui vẻ mà không làm?

Trước mắt, chỉ có bạn của nhà văn Thái Dật Quân cũng là con em trong làng là Vương Linh An là sử dụng gạo Thượng Thủy Khê Châu trong Quán cà phê tam tấu trong khu Công viên sáng tạo văn hóa Hoa Sơn ở Đài Bắc, Bếp Rock của A Lực của học trò anh và nhà hàng Xuenong Food của Dương Nho Môn. Tôi hy vọng có thể kêu gọi nhiều người kinh doanh ăn uống mong muốn tham gia vào.

(5)

Việc bán hàng khó có thể mở rộng, nguyên nhân chủ yếu đương nhiên là do chúng tôi không biết cách “làm chủ”, không có khả năng mở rộng đường, không biết cách phát minh ra hay làm bữa vài lời quảng cáo hoa mỹ, chỉ tập trung tuyên truyền về quan niệm sinh thái. Tôi mong muốn thực hiện được ba thứ “công đức” lớn: một là cung cấp cho bạn bè thân thiết những sản phẩm nông nghiệp tốt cho sức khỏe, hai là chăm lo cho mức thu nhập ổn định của người nông dân, ba là bảo vệ và khôi phục môi trường sinh thái. Nếu quá mức “đạo đức hóa” sẽ không thu hút được sự quan tâm của đông đảo người tiêu dùng.

Tôi tổng kết sơ lược về một số điều kiện khách quan như văn hóa ẩm thực ngoại lai không ngừng xâm nhập vào và làm thay đổi món ăn chính là cơm của người dân, thay đổi thói quen truyền thống là không ăn cơm thì

không no bụng; các gia đình nấu cơm hàng ngày ngày càng ít; mua gạo đóng sẵn trong siêu thị với giá bình dân rất tiện lợi; gạo là thứ bình thường quá, về vô thức sẽ không coi trọng, hoặc thậm chí coi thường...

Điều quan trọng nhất có lẽ vẫn là vấn đề giá thành.

Bởi lẽ canh tác thân thiện, không dùng thuốc sâu, phân hóa học, khoảng cách cấy cũng phải rộng để đảm bảo tính chất thông gió được tốt, không dễ phát sinh bệnh cho cây, vì thế sản lượng thu hoạch của lúa chỉ bằng một nửa cách canh tác thông thường, hơn nữa còn phải đảm bảo giá thành theo thỏa thuận về đất, bằng khoảng bốn, năm lần so với mức chính quyền bù cho các mảnh đất tạm nghỉ canh tác. Từ phương thức canh tác cho đến xay xát lúa, đóng gói, bán hàng... tất cả đều thực hiện thủ công, so với các công xưởng lớn được cơ khí hóa, thì đã tăng thêm rất nhiều vốn cho nhân lực. Thông thường giá thành của 1kg gạo bán trên thị trường khoảng 40, 50 Đài tệ, thì giá bán lẻ của gạo Thượng Thủy Khê Châu là 150 Đài tệ, “gia đình có điều kiện” nếu đặt định kỳ thì là 130 Đài tệ 1kg.

Tôi tính sơ sơ, mỗi cân khoảng 4 bát gạo, mỗi bát gạo nấu được ba bát cơm, thế tức là mỗi cân gạo nấu được 12 bát cơm, mỗi bát cơm khoảng 10 Đài tệ, giá thành như vậy tương đương với giá ăn vặt ngoài hàng, hay nhà hàng nhỏ. Dựa lượng ăn của nhiều người, mỗi người mỗi tháng ăn khoảng 60 bát cơm, tổng cộng khoảng 600 bát, so với tiền ăn bên ngoài, và giá gạo của thị trường chỉ chênh 200, 300 Đài tệ, đối với gia đình có thu nhập bình thường, chẳng lẽ cần tiết kiệm đến thế sao?

Thời gian trước, liên tục xảy ra phong trào “giả mạo gạo địa phương”, nhiều cửa hàng lương thực nổi tiếng đi tìm nông dân bản địa ký thỏa thuận, coi đó là thương hiệu, nghĩ ra các tên gọi của sản phẩm nghe rất kêu, tỉ lệ chiếm lĩnh thị trường rất cao nhưng liên tục bị phát hiện ra là trộn lẫn gạo kém chất lượng của các nước Đông Nam Á và đóng gói thành gạo chất lượng cao để bán lại. Cũng có những loại gạo của các hãng lớn nhiều lần bị kiểm tra ra là có lượng thuốc sâu độc hại hơn nhiều lần ghi trên nhãn mác.

Không thực thà như thế, làm giả như thế, thiếu an toàn như thế, nhưng sự việc ồn ào lên một thời gian, phạt một ít tiền, rồi lại nhanh chóng qua đi, gạo của những thương hiệu ấy lại tiếp tục được bán ra trên thị trường, dân chúng trong xã hội dường như cũng thấy không có chuyện gì, lại tiếp tục đón nhận.

Cơm, tính ôn nhiệt và lương thiện, không tanh không bẩn, không giống những thức ăn chính khác, dễ khô miệng. Cơm trước đây khi chưa dùng thuốc sâu, phân bón, thì rất thuần khiết, hương thơm nhẹ lan tỏa. Con dân Đài Loan thế hệ chúng tôi phần lớn đều có trải nghiệm này, chỉ có một bát cơm trắng nóng hôi hổi, rưới thêm ít xì dầu là hương vị tuyệt hảo, nếu trộn thêm một thìa mỡ lợn thì còn là một cảm giác hạnh phúc không gì sánh được, gần như không cần ăn kèm thức ăn gì nữa.

Rất nhiều tin bài về ẩm thực trên báo, trên truyền hình khi giới thiệu các món ăn địa phương phổ biến rộng rãi, lâu đời được người dân yêu thích như cơm thịt kho, cơm thịt muối, cơm thịt xào... đều chú trọng vào thịt, nguyên liệu kết hợp, rất ít khi đánh giá về cơm. Tôi cho rằng như thế giống như đối vị trí của chủ và khách, đầu cuối đảo ngược, hoàn toàn không biết cơm ngon hay không là yếu tố sẽ quyết định tuyệt đối đến sự ngon dở của cơm thịt muối, cơm thịt kho, cơm thịt xào...

Nhưng chất lượng của cơm càng ngày càng kém.

Các chất hóa học mạnh như thế với đủ loại độc tính khác nhau xâm hại đất đai, phá hủy thực vật qua nhiều năm, hương vị ngon tự nhiên đương nhiên sẽ mất hết. Năng lực thưởng thức của người dân tự nhiên ngày càng kém hơn, họ đã không còn biết phân biệt về chất lượng sản phẩm nữa.

Nói một cách thẳng thắn, tôi ăn ở hàng ăn vặt ngoài phố, nhà hàng hay ăn cơm hộp, đã rất ít khi ăn được loại cơm ngon, thậm chí thường xuyên ăn phải những thứ cơm rất khó ăn.

Không biết bao nhiêu người tiêu dùng có cảm giác ấy, quan tâm đến đến việc ấy không?

Những năm gần đây, tôi liên tục nhìn thấy các báo cáo nghiên cứu, các tin bài liên quan đến “ong mật sắp biến mất”, “sau khi ong mật biến mất”... Ong mật trên khắp toàn cầu đang biến mất với số lượng lớn một cách kỳ lạ..., ong thợ không có sức về tổ, khi ong non lột xác thành ong trưởng thành thì không biết đi lấy mật. “Hội chứng rối loạn tổ chức đàn ong” xảy ra, rất nhiều chuyên gia đã nghiên cứu và chỉ ra, hung thủ đầu tiên lớn nhất chính là việc sử dụng thuốc sâu tràn lan, đặc biệt là các chất tiêu diệt côn trùng có tính hệ thống, vì đây là loại thuốc có thể hòa tan trong nước, thực vật sẽ hút vào từ rễ, gần như toàn bộ cây đều thu nhận, hơn nữa, sau khi phun, thuốc còn bám lại trên đất trong một thời gian rất dài, do vậy nó còn được giữ lại trong môi trường mà không mất đi, và chúng ta cùng tồn tại với nó.

Việc quản lý thuốc sâu của chúng ta quá lỏng lẻo, đạo đức về môi trường quá kém, chúng ta liên tục phát hiện được rất nhiều sản phẩm do nước ngoài cấm sử dụng, nhưng các cơ sở kinh doanh do tham lợi nhuận vẫn tiếp tục đưa ra bán, người nông dân thì tham rẻ, tiếp tục sử dụng, những loại thuốc sâu bị cấm, chưa kiểm tra ra nhưng lại sử dụng phổ biến ở nông thôn thì càng không biết có bao nhiêu loại nữa.

Hơn một phần ba trái đất là các cây nông nghiệp, đặc biệt là các loại củ quả, là những cây thụ phấn nhờ vào ong mật. Ong mật biến mất với số lượng lớn không chỉ tạo ra những tổn thất đối với sản phẩm nông nghiệp, mà còn đe dọa đến sự sinh tồn của loài người, đại họa sinh thái ngày càng cấp bách. Khi ong mật biến mất cũng tức là loài người sắp bị diệt vong, chúng ta còn có thể không quan tâm hay sao? Còn không mau dồn mọi sức lực cùng nhau nghĩ cách cải thiện hay sao?

Muốn đối phó với “sâu hại” để nâng cao sản lượng, ngoài các loại thuốc hóa học, không có cách thay thế nào tốt hơn sao? Trên thực tế, từ xưa

đã có không ít cách phòng chống sinh học có thể sử dụng, chỉ có điều không có cơ quan nào nghiêm túc đi giới thiệu, đi thực hiện, thậm chí còn chưa có khả năng phổ cập chúng.

Theo tôi được biết, các vùng đất ở Đài Loan đã có không ít vị trung niên, thanh niên nông thôn đã có lý tưởng, đầu tư vào phương thức canh tác không có độc tính, thân thiện với môi trường, kỹ thuật không ngừng tiến bộ, rất có triển vọng, có điều vẫn chưa tạo thành được phong trào.

Có điều, nếu chỉ dựa vào sự kiên trì của số ít nông dân, chỉ có một chút cải thiện nhỏ thì hiệu quả tất nhiên vẫn còn hạn chế. Cần phải có sự tham gia của Hội Nông dân, Bộ Nội chính, Cục Bảo vệ môi trường và các cơ quan chính quyền của các cấp huyện thị, cần phải coi trọng thực sự, không sợ đắc tội với các nhà sản xuất thuốc sâu, thành lập trung tâm chấp hành, nghiên cứu các chính sách hữu hiệu mới có thể khôi phục có tính toàn diện môi trường sinh thái.

Âm Ninh kêu gọi nông dân thành lập Công ty nông sản thân thiện Thượng Thủy Khê Châu, từ đó thực hiện bữa trưa dinh dưỡng trong trường mẫu giáo trong thôn, sử dụng các thực phẩm của địa phương, không chỉ gạo mà tất cả các loại rau xanh, hoa quả đều hợp tác với nông dân sản xuất theo phương pháp nông nghiệp tự nhiên. Nguyên vọng lớn nhất là mở rộng mô hình canh tác nông nghiệp tự nhiên kết hợp sử dụng thực phẩm của địa phương ra toàn quốc.

Trong xã hội Đài Loan, thói quen sử dụng thực phẩm nước ngoài ngày càng phổ biến, nhân khẩu sử dụng đồ ăn nước ngoài rất nhiều. Nếu các tiệm cơm hộp, tiệm ăn nhẹ, hàng ăn vặt, nhà hàng bình dân, căng tin trường học và các nhà ăn công cộng trong quân đội còn có thể tăng cường một chút vốn kinh doanh, sử dụng sản phẩm theo phương pháp nông nghiệp tự nhiên mới có thể thực sự mở rộng thực hiện được canh tác thân thiện.

Điều quan trọng hơn, sự tỉnh ngộ của toàn dân cần bắt đầu từ quan niệm tiêu dùng, thói quen tiêu dùng tự thân. Mỗi lần lựa chọn thực phẩm phù hợp với luân lý tự nhiên, chính là thêm một phần sức mạnh để thúc đẩy cải cách.

Tôi tha thiết kỳ vọng như vậy.

Sự thay đổi đã sắp đến chưa?

Ngày 06-07 tháng 09 năm 2016,

Phụ san Liên hợp, Báo Liên hợp

Nguyễn Thu Hiền dịch

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Khúc Song Tấu 5: Gánh Vác

Sau khi tan ca, là lúc hoàng hôn

Thi thoảng Cha cũng ngược nhìn lên vạt mây chiều rục rờ Nhưng không dừng lại

Bởi lẽ khuôn mặt nhỏ xinh của các con thường ngược nhìn Cha còn bộn lộ nhiều ngóng chờ hơn thế

Sau khi tảng ca, là lúc nửa đêm

Thi thoảng Cha cũng ngược nhìn lên bầu trời lấp lánh những vì sao rục rờ

Nhưng không đắm chìm vào đó

Bởi lẽ khuôn mặt nhỏ xinh đang say ngủ của các con còn mê đắm hơn cả bầu trời sao

Cha đi làm mỗi ngày mỗi ngày

Giống như con quay các con ra sức ném ra khỏi tay Nhưng cứ quay tròn quanh các con

Biến tình cảm mạnh mẽ và mãnh liệt của Cha

Dần trở thành tình cảm êm đềm, dai dẳng mà tinh tế

Giống như Ông con và Bà con

Đã dành cho Cha sự bao bọc dai dẳng mà tinh tế suốt cả cuộc đời

Các con à! Cha cũng chẳng có bất cứ lời than phiền nào

Chỉ bởi lẽ trong cuộc đời này đây là sự gánh vác nặng nề nhất nhưng ngọt ngào nhất

Năm 1977,

in trong tập Đất

Nguyễn Thu Hiền dịch.

Không thể lộ thân phận

Mùa hè năm 1990, tôi đích thân đưa con trai lớn đi tham gia kỳ thi vào cấp 3 của khu vực Đà Trung.

Kết quả học tập của con trai tôi từ trước đến nay đều rất xuất sắc, nhưng tính cách thẳng bé lại hướng nội, dễ căng thẳng. Còn quan hệ cha con thường ngày giữa tôi và các con cũng có thể coi là khá cởi mở, có thể gần gũi nhau được. Có tôi đi cùng chắc cũng có không ít tác dụng để làm thẳng bé bình tĩnh hơn.

Địa điểm thi của con trai nằm ở phòng học trên tầng hai. Tôi cũng giống như đa số các phụ huynh “quan tâm quá mức” khác, mỗi khi sắp kết thúc một giờ thi đều đứng ở gần chân cầu thang tầng dưới chờ đợi và dõi theo.

Tiết thứ nhất thi môn Quốc văn. Tiếng chuông hết giờ vang lên được một lúc mới thấy con trai tôi lẫn trong đám học sinh, nó chậm rãi bước xuống cầu thang, tôi vội vàng chạy ra đón, chăm chú quan sát sắc mặt thần thái của nó, xem ra rất “bình thường”, không có gì đặc biệt “khác thường”, trong lòng tôi thấy cũng nhẹ nhõm ít nhiều.

Tôi choàng tay ôm lấy bờ vai của con trai, thuận miệng hỏi han: “Con thi thế nào?”. Con trai tôi cũng thuận miệng trả lời: “Cũng được, chẳng thế nào cả”.

Tôi vừa đưa con đến khu vực nghỉ ngơi, vừa trao đổi với con xem đề thi có câu nào con còn thắc mắc, rồi nội dung bài văn thế nào...

Khi đến nơi nghỉ ngơi, đợi con ngồi xuống, tôi lấy nước ra đưa con uống rồi mới chợt nghĩ ra: ngoài bài văn, chẳng phải còn có các câu về đọc hiểu bài văn, viết đoạn văn ngắn hay sao?

Con trai uống một ngụm nước xong liền cười nói: “Có chứ ạ, là viết đoạn văn ngắn!”.

Tôi liền hỏi tiếp con: “Đề bài về nội dung gì thế con?”.

Khóe miệng con lúc này lộ ra một vẻ cười còn tươi hơn, nó “À” một tiếng rồi nhìn tôi nói: “Đề bài là viết ra những cảm nhận của em sau khi đọc xong bài thơ Gánh vác”.

Nghe thấy thế tôi thấy vô cùng ngạc nhiên, tưởng như không thể tin được, tôi vỗ vào đùi con trai rồi nói: “Cái gì? Bài Gánh vác chẳng phải do chính bố viết hay sao? Sao con không nói sớm với bố?”.

Con trai tỏ ra có chút ngượng ngập: Bố có hỏi con đâu, con cũng quên không nói.

Tôi nửa đùa hỏi con: “Thế con có nói ra con chính là nhân vật chính trong bài thơ Gánh vác hay không?”

Con trai nghiêm mặt nói: “Sao có thể làm thế được? Trong quy chế thi có một điều khoản quy định: thí sinh không được làm lộ thân phận của mình”.

Có cậu con trai “cương trực” như thế, tôi thật không biết phải nói thêm gì.

Tôi tiếp tục hỏi con: “Ồ, thế cuối cùng con viết thế nào?”. Con trai nói đại ý là: “Chẳng thế nào cả, con chỉ viết là bài thơ này thể hiện tình cảm của người cha, chúng em đọc xong đều rất cảm động”.

Tôi nói: “Thế con có viết là đặc biệt là tôi, tôi rất cảm động không?”.

Con trai trả lời: “Bố lại thế rồi, làm thế cũng tức là bộc lộ thân phận đấy!”.

Bài thơ Gánh vác của tôi được chọn đưa vào sách giáo khoa Quốc văn trong chương trình Trung học cơ sở đã hơn mười năm nay. Vốn dĩ cũng ít người bàn đến, dù có đưa vào đề thi chuyển cấp vào Trung học phổ thông của Đài Loan thì cũng chưa phải là vấn đề gì đáng nói. Có điều, con trai tôi lại là một thí sinh trong đúng những năm này, nội dung đề thi có liên hệ mật thiết với nó, quả thực cũng là một sự trùng hợp ngàn năm mới gặp.

Theo lẽ thường, con trai tôi phải có chút hào hứng mới đúng! Trong khi đó nó hình như lại chẳng có cảm xúc gì đặc biệt, hoặc là nó kiểm chế tốt, không có bất cứ biểu hiện nào.

Còn tôi nhiều năm ở quê cuộc sống tẻ nhạt, không có gì lạ, con người cũng không có ưu điểm gì để nói, tôi chưa từng có bất cứ chuyện lạ kỳ gì để lan truyền rộng rãi tới mọi người, hiếm lắm mới có một đề tài hay mà trùng hợp thế này, chắc cũng có chút tính thời sự. Thế nhưng, chẳng có ai muốn đưa tin.

Tôi thường bị chi phối với ý thích hư danh, dù vô tình hay cố ý thì tôi đều sẽ kể với bạn bè sự việc trùng hợp này, tôi kể rất nhiều lần, có lúc không tránh được vừa muốn kể ra lại vừa muốn nói “xin lỗi”, cuối cùng tôi quyết định tự ghi âm lại, tự mình đưa tin cho mình nghe, hy vọng từ đó sẽ quên dần đi, mà không tiếp tục “rêu rao” nữa.

Năm 1992,

in trong Một bài thơ, một câu chuyện

Nguyễn Thu Hiền dịch.

Đề thi

Người bạn trẻ tuổi Hoàng Sỹ Bản dạy học ở Phong Nguyên, Đài Trung, hai người thi thoảng có gặp mặt nhưng lại ít liên lạc, mùa hè năm nay đột nhiên gọi điện tới nói rằng có việc cần “chỉ giáo”. Hóa ra trong kỳ thi nhập học của trường dạy nghề cao cấp của quận Phong Nguyên, môn Quốc văn có một câu hỏi lấy từ bài thơ Gánh vác, đáp án gây nhiều tranh cãi, nên đành phải hỏi ý kiến tác giả của bài thơ là tôi.

Đây là một câu hỏi lựa chọn:

Cụm từ “bầu trời lấp lánh những vì sao rực rỡ” trong câu “Thi thoảng Cha cũng ngược nhìn lên bầu trời lấp lánh những vì sao rực rỡ/Nhưng không đắm chìm vào đó” dùng để so sánh với:

- (A) Đêm tối bặt rộn
- (B) Trách nhiệm lịch sử
- (C) Niềm vui tan ca
- (D) Hưởng thụ sự đủ đầy

Tôi nhất thời có chút căng thẳng, cũng lại thấy hơi buồn cười, tôi có chút trầm giọng xuống trả lời: Đáp án (A) và (B) rõ ràng không phù hợp, có lẽ là chỉ “Hưởng thụ sự đủ đầy”.

Trả lời điện thoại xong, đúng lúc đó vợ tôi đang đứng cạnh nghe, đợi cuộc điện thoại kết thúc, liền bảo tôi nhắc lại một lượt nội dung.

Vợ tôi nói thẳng với tôi: “Anh có vẻ chậm chạp quá vậy! Bốn đáp án trong đề thi, về cơ bản đều không đúng, ý nghĩa nguyên bản chính xác phải là chỉ “giấc mơ tuổi trẻ”.

Tiếp đó, vợ tôi có phần đặc ý nói: “Thơ của anh, em là người hiểu nhất”.

Đúng rồi! Sau khi làm cha, cam tâm tình nguyện không dừng lại trước “vật mây chiều rục rờ”, không đắm chìm vào “những vì sao lấp lánh”, hai câu này đúng là để so sánh với “giấc mơ tuổi trẻ”, chẳng phải rất rõ ràng thế sao?

Tác phẩm của chính tôi, ngược lại chưa chắc đã nói ra chính xác được ý tứ nguyên bản, quần quanh trong đồng đáp án của đề thi, đành phải thừa nhận tâm trạng, suy nghĩ đã không còn linh hoạt nữa, mà ngày càng han gí đi.

Bài thơ Gánh vác được đăng trên Phụ san Liên hợp của Báo Liên hợp, từ năm 1981 đã được chọn vào sách giáo khoa môn Quốc văn của Trung tâm biên dịch quốc gia (1) dành cho bậc trung học, hơn 10 năm trở lại đây, vì thế mà đương nhiên có cơ hội xuất hiện trong các loại đề thi khác nhau.

Tuy nhiên, vốn dĩ bài thơ này rất rõ ràng, thông suốt, nhưng một khi trở thành đề thi, chẳng hạn như so sánh loại từ, phân biệt ngữ nghĩa, bản thân tôi thường không hoàn toàn chắc chắn về đáp án.

Thẳng thắn thừa nhận rằng, tôi đã có rất nhiều kinh nghiệm “thi trượt”, quả cũng buồn cười.

Năm 1997,

in trong Một bài thơ, một câu chuyện

Nguyễn Thu Hiền dịch.

(1) [ND] Là cơ quan trước đây trực thuộc Bộ Giáo dục Đà Loan, chuyên phụ trách biên tập, dịch thuật và thẩm định hệ thống sách giáo khoa các cấp của Đà Loan, từ năm 2011 đã nhập vào Viện ng-hiên cứu Giáo dục quốc gia.

Gánh vác triền miên

(1)

Tháng 6 năm 1972, con gái đầu lòng Âm Ninh chào đời, lần đầu tôi được làm cha, toàn bộ trọng tâm của cuộc sống chuyển sang gia đình, xoay quanh con gái. Vợ tôi và tôi đều dạy học trong trường cấp 2 dưới quê, thời gian đi làm, phải nhờ chị thứ hai ở cùng thôn sang giúp đỡ chăm sóc con nhỏ, nhưng sau khi vợ tôi đi làm về, chị hai cũng phải lập tức về nhà chồng chăm lo nhà cửa.

Ở thời ấy, điều kiện sống của các gia đình ở nông thôn rất sơ sài, có nhiều điều không tiện dụng, sau khi đi làm về, vợ tôi vừa phải trông con vừa phải lo các việc vụn vặt trong nhà, ngày nghỉ phải hỗ trợ việc đồng áng, vô cùng vất vả, đương nhiên tôi phải cùng gánh vác nhiều hơn. Hơn nữa, từ khi còn nhỏ tôi đã rất thích trẻ con, nói gì đến đó là con cái của chính mình, hàng ngày sau khi tan sở, tôi không dám ở bên ngoài lâu mà vội vội vàng vàng về nhà trông con, để vợ yên tâm làm việc nhà.

Mỗi khi đêm xuống, vợ tôi đã rất mệt mỏi, con vẫn chưa ngủ, tôi bèn thể hiện là một người chồng tốt, người cha tốt, để vợ tôi đi ngủ trước, còn mình trông con.

Năm 1975 con trai thứ Hiên Ninh chào đời, thời gian ăn ngủ của đứa con này rất đặc biệt, cậu bé thường tỉnh táo đến nửa đêm, không tỏ ra buồn ngủ, dỗ thế nào lắc lư thế nào, thậm chí gần như ép buộc cũng không có tác dụng gì. Chị tôi bảo ban ngày cậu bé còn không ngủ mấy! Có thể do thế

chất hơi khác thường hoặc có nguyên nhân nào đó chưa rõ. Do vậy tôi cần nhiều thời gian để chăm con hơn.

Chơi với con quả thực rất vui, tôi thường có lúc cảm động muốn ôm chặt con vào lòng. Thế nhưng nếu chơi lâu quá mệt quá rồi, con vẫn muốn chơi tiếp, trong khi tôi đã hết sức, nghĩ đến ngày mai lại phải dậy sớm đi làm, tôi đành phải dùng cách truyền thống phổ biến nhất ở quê đó là dùng khăn địu con trên lưng.

Đêm ở vùng quê, người dân quê đa phần đều đi ngủ từ sớm, cả một không gian yên tĩnh. Khi địu con trên lưng lắc lư, tôi thường bất giác nói chuyện với con, đặc biệt là những đêm giá lạnh cuối đông đầu xuân, gió thổi se sắt, hơi lạnh buốt người, đó là lúc dễ nảy sinh nhiều tâm tư, suy nghĩ.

Những suy nghĩ này chủ yếu là tâm tư yêu thương, kỳ vọng... mà người cha dành cho con cái của mình, lại hòa quyện với những điều nghĩ đến, cảm thấy từ đời sống thường ngày khi sống trên mảnh đất quê hương, từ năm này qua năm khác, trong cảnh lắc lư địu con, những ý niệm ấy không ngừng xuất hiện và dần dần chuyển hóa thành ý thơ.

Chỉ là tiến độ sáng tác của tôi rất chậm chạp, tôi lại có thói quen cấu tứ theo hình thức chùm thơ, nên dù làm cha chưa lâu, dù đã có manh nha có cảm hứng sáng tác và xác định được tên gọi của chùm thơ này sẽ là Nói với con, nhưng tôi vẫn phải ấp ủ qua nhiều năm nhiều tháng, ghi chép lại từng chút từng chút một.

Giống như địu con gái lớn, rồi địu con trai thứ hai, nội dung ghi chép đã tích lũy được không ít.

Tôi đồng thời lại là giáo viên trung học cơ sở, tình cảm như thế tự nhiên mà lan rộng ra đối với học trò, vì thế đối tượng mà tôi muốn chia sẻ tâm sự, cũng có thể nói là bao gồm cả thế hệ con em đời sau của Đà Loan.

(2)

Tháng 10 năm 1976, chùm thơ gắn với nông thôn và đất đai có tên là Ấn tượng làng tôi của tôi về cơ bản hoàn thành và xuất bản thành tập, sau đó tôi dồn sức vào chỉnh lý lại những ghi chép ngắn, vụn vặt về ý tưởng chùm thơ Nói với con rồi cấu tứ thành bài.

Không ít người cầm bút có con sau khi kết hôn, gánh nặng gia đình nặng nề, khiến cho số lượng sáng tác giảm hẳn thậm chí vì thế mà ngừng lại, nhưng tôi lại may mắn biết bao, mặc dù cả ba việc là gia đình, việc đồng áng, dạy học đều bận rộn, nhưng tâm hồn lại rất an yên, ổn định, cảm hứng thơ ngày càng dồi dào, sức viết ngày càng khỏe, càng dồi dào, ngoài việc bản thân tôi có niềm tin và tình yêu kiên định đối với văn chương, thì tôi phải đặc biệt cảm ơn vợ và chị hai. Chị hai tôi ban ngày chăm sóc con tôi rất chu đáo, đêm đến nếu tôi cần viết, tôi thường phải nhờ vợ tôi dỗ con để tôi được chuyên tâm sáng tác.

Tháng 10 năm 1977, nhà thơ tiền bối Á Huyền tiếp quản vị trí Tổng biên tập tờ Báo Liên hợp, ông đã đặt tôi viết bài, tôi bèn gửi sáu bài thơ đã hoàn thành với chủ đề Nói với con cho ông. Nhờ sự đánh giá cao của ông, chùm thơ đó đăng nhiều kỳ trên Phụ san Liên hợp.

Trong số đó, bài thơ thứ nhất Gánh vác đăng ngày 28 tháng 11 năm 1977, đến tháng 2 năm 1981 được chọn vào tập 2 sách giáo khoa môn quốc văn dành cho trung học cơ sở do Trung tâm biên dịch quốc gia biên soạn, xuất bản. Các bài khóa thời đó, thường có rất ít tác phẩm văn học hiện đại, đặc biệt là các nhà văn Đài Loan càng là số ít của ít, một người làm thơ sống ở nông thôn, không có danh tiếng gì như tôi có thể vinh dự được đánh giá cao như vậy, trong tôi luôn một lòng biết ơn các vị giáo sư, chuyên gia là thành viên hội đồng thẩm định, hội đồng biên tập thời ấy.

Sách giáo khoa Quốc văn của Trung tâm biên dịch Quốc gia đã trải qua nhiều lần chỉnh sửa, tái bản, bài thơ Gánh vác vẫn liên tục được giữ lại

không thay đổi, mãi cho đến năm 1997 mới thay bằng một bài tản văn của tôi có tên là Không sợ nước ruộng lạnh như băng, nhưng đến năm 2002, sách giáo khoa được tư nhân hóa toàn diện, vẫn có rất nhiều cuốn của các nhà xuất bản khác nhau “khôi phục” chọn bài Gánh vác đưa vào. Hơn 30 năm trở lại đây, bài thơ này liên tục được biên soạn đưa vào trong các bài đọc khác nhau, bao gồm tài liệu ngữ văn cấp trung học của Hồng Kông, Sin-ga-po, được độc giả yêu thích, tôi vô cùng xúc động.

Những sáng tác thơ của tôi đa phần đều được thai nghén từ kinh nghiệm đời sống thực tế, vốn dĩ có phần hướng tới phong cách đời thường giản dị, chùm thơ này lại là những quan điểm kể chuyện để nói với trẻ con, ngữ khí tự nhiên, hơn thế còn gần với ngôn ngữ đời sống, rõ ràng dễ hiểu. Điều quan trọng nhất là, chủ đề của Gánh vác là thể hiện tình yêu của người cha, đây là thứ tình cảm chung vĩnh hằng bất biến, truyền từ đời này qua đời khác của mọi người làm cha làm mẹ từ cổ chí kim trong khắp thiên hạ, vì thế mới nhận được sự đồng cảm ở khắp nơi, mới được yêu thích rộng rãi.

Tuy nhiên, những con trẻ Đài Loan học trung học sau năm 1981, mặc dù đã đọc nhưng không chắc đều nhớ hết tên gọi Gánh vác, càng không nhớ được tên người viết, tôi đã từng “điều tra bảng hỏi” một cách không chính thức thì kết quả khác quá xa so với tưởng tượng, vì thế tôi chưa từng dám huênh hoang bản thân, Cũng tốt, chỉ cần nhắc đến “gánh vác ngọt ngào”, “con quay quay tròn quanh các con” là có người sẽ nở nụ cười vui vẻ nói: “Đúng rồi, vẫn nhớ!”. Tôi thường nghe thấy những người cha, người mẹ trẻ tuổi nói, ngày trước khi đọc bài thơ này không thấy có cảm nhận gì đặc biệt, nhưng sau khi làm cha làm mẹ, họ mới thực sự hiểu được tình cảm bộc lộ trong bài thơ, học cảm thấy vô cùng gần gũi.

Thi thoảng tôi cũng nghe thấy hoặc nhìn thấy có người dẫn câu “sự gánh vác nặng nề nhất/ những ngọt ngào nhất”, bao gồm một vài một phim truyền hình trong đó cũng thường xuất hiện những câu đối thoại như thế,

như thế nó đã trở thành ngôn ngữ được dùng phổ biến trong thơ và ngoài đời. Chỉ có điều đa phần được sửa thành “sự gánh vác ngọt ngào” thì tiếng Đà mới dễ phát âm.

(3)

Tháng 12 năm 1978, đứa con trai nhỏ nhất của tôi là Chí Ninh chào đời, chùm thơ Nói với con tiếp tục được sáng tác, đăng báo cho đến năm 1983, nhưng phần lớn tập trung trong thời gian từ tháng 11 năm 1977 đến tháng 5 năm 1978, có khoảng gần 20 bài. Chùm thơ này từng được đưa vào tập thơ đầu tiên Đất do Nhà xuất bản Viễn cảnh ấn hành tháng 6 năm 1978.

Người bạn cùng học ở trường trung cấp nông nghiệp Bình Đông của tôi là Nhan Bình Hoa, cũng là người yêu thơ ca, khi ấy đang du học ở Nhật Bản, việc học rất nặng, nhưng vẫn dành thời gian để viết một bài tựa dài cho tập thơ này, tranh của một người bạn khác cũng cùng học ở trường trung cấp nông nghiệp Bình Đông là Trần Nghĩa Nhân (tranh vẽ người mẹ) được dùng làm bìa sách, bên trong chia thành ba quyển, quyển thứ ba là Nói với con.

Đây chính là cuốn của Trung tâm biên dịch quốc gia, “chú thích” cho bài Gánh vác được ghi nguồn gốc là “Bài thơ này được lấy từ tập Đất”.

Tháng 6 năm 1985, nhà sách Hồng Phạm biên soạn các sáng tác thơ của tôi theo chủ đề, chia thành ba cuốn và xuất bản mới, là Trong trôi dạt, Ấn tượng làng tôi và Nói với con.

Bìa cuốn Nói với con chính là ảnh ba đứa con của tôi, bức ảnh đó do phóng viên tờ Trích văn độc giả của Hồng Kông là Tả Quán Huy chụp khi đến nhà tôi phỏng vấn vào năm 1982, mục đích của lần đó là muốn rút gọn tập tản văn Người phụ nữ nông thôn thành một bài tóm tắt sách dài 18 trang đăng trên tạp chí.

Bài thơ Gánh vác được chọn đưa vào sách giáo khoa trong nhiều năm và thường được lấy làm đề thi, cùng với sự trưởng thành của các con, kéo theo đó là bao nhiêu câu chuyện thú vị.

Khi con gái lớn Âm Ninh học lớp 7, một hôm tan học về nhà, con lấy bài kiểm tra chỉ cho tôi xem một câu hỏi lựa chọn đáp án trong đó: Cô giáo con bảo đáp án chính xác là gì, về hỏi bố là rõ.

Tôi xem đi xem lại câu hỏi: Chữ “hà” trong phụ hà (gánh vác), chữ “hà” trong “Đới nguyệt hà sừ quy” (1) (khi ánh trăng chiếu trên vai thì vác cuốc về)... chữ “hà” là từ loại gì? ... Suy nghĩ hồi lâu, tôi đành phải bộc lộ biểu cảm rất khó xử rằng tôi thực sự không biết. Con gái bực mình nói: Bố viết ra mà cũng không biết, thật xấu hổ quá đi! Con biết nói với cô như thế nào!

Tôi thực sự hiểu ra, “biết viết” không tất yếu là “biết dạy”, cũng không tất yếu là biết thi! Rút cuộc tôi không phải là giáo viên dạy Quốc văn.

(1) [ND] Một câu thơ trong bài Quy điền viên cư (Về quê ở) của Đào Uyên Minh.

Điều trùng hợp nhất là con trai thứ Hiền Ninh, năm 1990 tham gia kỳ thi chuyển cấp lên trung học phổ thông, đề bài viết đoạn văn ngắn trong đề thi môn Quốc văn có nội dung là: Sau khi đọc những câu thơ dưới đây, hay dùng một đoạn văn ngắn về viết về cảm tưởng của bản thân (khoảng 100 chữ). Đoạn thơ này trích từ bài Gánh vác:

Cha đi làm mỗi ngày mỗi ngày

Giống như con quay các con ra sức ném ra khỏi tay Nhưng cứ quay tròn quanh các con

Biển tình cảm mạnh mẽ và mãnh liệt của Cha

Dần trở thành tình cảm nhẹ nhàng, dai dẳng mà tinh tế.

Bài thơ Gánh vác được dùng làm đề thi, còn một trong những nhân vật chính của Gánh vác trở thành thí sinh, điều này quả thật là sự trùng hợp “nghìn năm có một”, có thể nói là rất có tính thời sự, chỉ tiếc là không có báo nào đưa tin, tôi không cầm lòng được liền viết bài Không thể bộc lộ thân phận để ghi chép lại câu chuyện ngẫu nhiên này, tập hợp trong tập tản văn Một bài thơ một câu chuyện.

Tháng 5 năm 2000, nhà sách Hồng Phạm xuất bản Tuyển tập thơ Ngô Thịnh, con trai út của tôi là Chí Ninh đã học Đại học Trung Hưng, cậu đọc toàn bộ tập thơ rất kỹ càng, kết quả là khi xem phần phụ lục về danh mục các bài thơ, cậu phát hiện ra khi Gánh vác được đăng báo, cậu vẫn chưa chào đời, cũng tức là bài thơ này không liên quan gì đến cậu ấy. Việc này khiến cậu phàn nàn trong một thời gian dài.

Sau nhiều lần giải thích của tôi, cuối cùng cậu con trai cũng tiếp nhận, chẳng những không phàn nàn nữa, mà năm 2008 còn tập hợp chín ca sỹ sáng tác nhạc là La Đại Hựu, Hồ Đức Phú, Lâm Sinh Tường, Trần San Ni, Trương Huyền, Hoàng Tiểu Trinh, Kha Nhân Kiên, Hoàng Giới và bản thân Chí Ninh, mỗi người chọn một bài thơ của tôi để phổ nhạc và biểu diễn. Những bài này tập hợp lại thành đĩa nhạc phổ thơ Gánh vác ngọt ngào.

Chí Ninh đã chọn bài Gánh vác để phổ nhạc. Thật ấm áp! Theo lời của Chí Ninh, thơ của tôi nhiều phần nặng nề, ít phần ngọt ngào, tiếng hát của con ngọt ngào nhiều hơn, nặng nề ít hơn. Tuy Chí Ninh là nhân vật xuất hiện sau khi Gánh vác được đăng báo, nhưng tiếng hát của con thực sự đã làm cho Gánh vác trở nên dịu dàng hơn, ngọt ngào hơn.

(4)

Từ năm 1981, bài thơ Gánh vác được chọn đưa vào sách giáo khoa Quốc văn trung học của Trung tâm biên dịch Quốc gia, rất nhiều nhà thơ, học giả, nhà báo, nhà phê bình xuất phát từ nhiều phương diện như tu từ ngôn ngữ, phong cách kỹ thuật, chủ đề ý nghĩa... để giải thích, hướng dẫn, thường thức, ai cũng có những kiến giải đặc sắc, tăng thêm tưởng tượng đa dạng, phong phú khi đọc thơ, tôi cũng học được nhiều điều từ đó, tôi biết ơn chân thành với tất cả.

Nhân vật nam chính trong bài thơ Gánh vác năm ấy nay đã khôn lớn thành người và trở thành cha, có sự gánh vác ngọt ngào của mình, tôi cũng trở thành ông nội, tiếp tục chia sẻ sự gánh vác của gánh vác.

Tôi nghĩ cần đặc biệt nhấn mạnh rằng, điều mà Gánh vác biểu đạt không chỉ là tình yêu của người cha, mà là tình cảm ruột thịt vô tận, dai dẳng mà tinh tế của các bậc cha mẹ khắp thiên hạ, truyền từ đời này sang đời khác. Đây là động lực chính để nhân loại dựa vào đó sinh sôi không ngừng. Các em học sinh trung học không chỉ có trải nghiệm sâu sắc, mà cùng với sự lớn dần của lứa tuổi, cảm nhận sẽ càng sâu sắc hơn.

Tôi càng mong đợi thiên tính đáng quý ấy, ngoài việc bảo vệ con cái mình, có thể mở rộng ra “dạy con mình và con người”, thực sự suy nghĩ để tìm kiếm hạnh phúc lớn lao cho thế hệ sau được sống tốt đẹp hơn.

Tôi trước sau như một luôn tin rằng, thơ bắt nguồn từ sự rung cảm của sinh mệnh. Trong sinh mệnh có tình yêu, có tình thương, có sự quan tâm, khắp nơi đều là thơ, đều là đề tài sáng tác của văn chương.

Tôi tin rằng mỗi một thời đại, mỗi một lịch trình sinh mệnh của con người, mỗi một giai đoạn, đều có chung sự gánh vác trong tính người, cũng đều có những gánh vác sinh mệnh khác nhau. Các thầy cô giáo dạy văn có thể lấy mô hình cơ bản có kết cấu hình thức là thơ để dẫn dắt học sinh bộc lộ sự gánh vác của mình, và từ đó học cách sáng tác thơ. Tôi gặp nhiều học

sinh trung học “mô phỏng” tác phẩm Gánh vác, có rất nhiều điều bất ngờ, khiến chúng ta ngạc nhiên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2012,

Phụ san Liên hợp, Báo Liên hợp

Nguyễn Thu Hiền dịch.

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Khúc Song Tấu 6: Chẳng Hạn

Chẳng hạn, nhìn thấy người nào đó

Dùng màu sắc sặc sỡ

Cố quét lên bức tường mục nát từ lâu

Ta chẳng nề nang mà nói với họ rằng:

Làm thế chẳng ích gì, làm thế chẳng ích gì.

Chẳng hạn, nhìn thấy người nào đó

Lịch sự và cao sang

Lại trắng trợn cướp đồ người khác

Ta chẳng chút đắn đo mà hét lên rằng:

Cướp! Cướp!

Chẳng hạn, nghe thấy người nào đó

Cao giọng hô hào khẩu hiệu, lừa dối cả bản thân mình

Ta chẳng ngại mà vạch trần:

Đừng dối người! Đừng tự dối mình!

Còn con, cũng đã biết đến phần son mỹ phẩm Biết điểm tô cho khuôn mặt của mình

Nhưng con ạ, có điều này cha muốn nói với con:

Hãy dùng chính gương mặt thực của mình

Nhìn thẳng vào cuộc đời này con nhé!

Tháng 12 năm 1977,

Tạp chí thơ Nón lá số 82.

Nguyễn Thanh Diên dịch.

Không lâu nữa tôi phải về

Năm 1980, trong thời gian nhận lời mời sang trường Đại học Iowa, Hoa Kỳ, tôi có ấn tượng sâu sắc với rất nhiều hoạt động mà Workshop nhà văn tổ chức như du lịch, tham quan, tọa đàm, đọc thơ..., nhưng đó đều là những hoạt động mang tính chất đoàn thể. Duy có một lần tổ chức khóa trình nghiên cứu thơ cá nhân tôi là đem đến cho tôi một trải nghiệm đặc biệt khác. Đó là vào khoảng tháng Mười một, Viện Nghiên cứu dịch thuật Đại học Iowa có một nghiên cứu sinh người Đài Loan đã dịch ba bài thơ của tôi, là Câu chuyện bình thường, Mẹ không phải là nhà thơ và Chẳng hạn, để chuẩn bị đưa ra trình bày và thảo luận trên giảng đường.

Có lẽ vì biết tôi đang ở Iowa nên cô ấy mới nghĩ đến “bài tập” này chẳng?

Đầu giờ chiều hôm đó, nữ văn sĩ Nhiếp Hoa Linh đưa tôi đến giảng đường. Thầy giáo và toàn thể học viên lớp phiên dịch có khoảng chục người, ngồi quanh một chiếc bàn tròn lớn.

Cô nghiên cứu sinh này là một học viên chăm chỉ rất điển hình kiểu Đài Loan, cần mẫn thành thực, làm việc bài bản, mặt mày sáng láng, tên là Vương Siễn Chân, chữ đem ở giữa vừa khó đọc vừa khó viết, tôi còn phải ghi nhớ lại.

Sự việc đã qua hơn mười năm, có thể cô ấy không còn nhớ đến bài tập nhỏ trong rất nhiều môn học nặng nề của cô. Nhưng với tôi, đây là lần đầu tiên đích thân tham gia buổi thảo luận về thơ của chính mình ở trên lớp, tôi rất cảm ơn cô đã cho tôi cơ hội được một lần “lên lớp”.

Phương thức lên lớp là, đầu tiên nghiên cứu sinh sẽ phát cho mọi người bản dịch tiếng Anh, rồi trình bày báo cáo ngắn gọn về bản dịch đó, sau đó mới tiến hành thảo luận. Suốt cả buổi chiều, mọi người phát biểu thảo luận, phân tích mổ xẻ hết sức sôi nổi mà không mất đi sự ôn hòa, quyết liệt mà vẫn điềm tĩnh ung dung.

Nếu có vấn đề gì tranh cãi, họ mới thông qua nhà văn Nhiếp Hoa Linh để làm cầu nối hỏi ý kiến tôi.

Khi thảo luận bài thơ Chẳng hạn, bỗng có một học viên nước ngoài hỏi thẳng tôi: Trong bài thơ của ông có ý phê phán rất rõ ràng, liệu có phải là chỉ chính quyền Đài Loan đối trá không?

Khi hiểu câu hỏi của anh ta, tôi nói: Tôi có thể không trả lời câu hỏi này được không, tôi muốn để bạn tự hiểu. Tuy nhiên cậu ta không buông tha mà tiếp tục truy vấn: Ông dùng phương thức ẩn dụ như vậy để phê phán, phải chăng vì Đài Loan không có tự do ngôn luận?

Tôi nghĩ một lúc, rồi cười nói: Tôi chỉ đến đây có mấy tháng, không lâu nữa tôi phải về nước rồi. Nhiều vị học viên hiểu ý cười thành tiếng, tôi cũng có phần tự đắc với sự “hài hước” của mình, nhưng trong lòng lại thấy buồn vô hạn.

Bài thơ Chẳng hạn đăng trên tập san thơ Nón lá (số 82) tháng 12 năm 1977, cũng giống như rất nhiều bài trong chùm thơ Nói với con, bề ngoài là “giáo dục gia đình”, nhưng lại mang “ngụ ý” phê phán xã hội.

Tôi không phải là thực sự sợ đến mức không dám trả lời trực tiếp, mà là tự kiểm chế mình, không muốn lên án bất kỳ việc gì của Đài Loan trước mặt “người ngoài”, nhưng càng không muốn nói dối để tô vẽ cho chính quyền độc tài. Kỳ thực, câu trả lời đó của tôi đã rất rõ ràng.

Đài Loan từng trải qua sự thống trị hà khắc của bọn Khủng bố trắng những năm 50 - 60, mãi đến thập niên 80 vẫn phải chịu sự kiểm soát chặt chẽ về ngôn luận, đã “tạo ra” vô số những người con lưu lạc bên ngoài mà không thể trở về quê hương, đó là sự thực lịch sử rõ ràng không phải bàn cãi.

Đến nay vẫn còn không ít chính khách tay sai hồi đó mượn phương tiện truyền thông biện bạch Đài Loan chưa từng có khủng bố trắng, đồng thời công khai ca ngợi “trí tuệ sáng suốt”, “văn minh” của những kẻ độc tài.

Những lời dối trá tà trời như vậy mà có thể nói một cách hùng hồn đến thế, thì thử hỏi thế gian còn nói gì đến công lý nữa?

Sự hàm súc ẩn dụ của thơ, dường như là yêu cầu mà các nhà phê bình thơ ca đều nhất trí, vậy thì đứng trước bạo lực của những lời nói dối trần trụi, thơ cố nhiên “chân thực hơn cả lịch sử”.

Năm 1988,

in trong Một bài thơ, một câu chuyện.

Nguyễn Thanh Diên dịch

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Khúc Song Tấu 7: Đêm Lạnh

Cha ôm con, vỗ về vỗ về

Khe khẽ vỗ về

Cây bút và bản thảo thơ của cha đang để trên bàn

Con lại cầm từng thứ từng thứ lên nghịch

Con lại ném từng thứ từng thứ xuống đất

Cha công con, đong đưa đong đưa

Khe khẽ đong đưa

Con lại nằm trên lưng cha ồn ào phản đối Con ra sức giật tóc cha

Con ơi con à, nằm ngủ yên đi nhé!

Trong đêm khuya lạnh lẽo nhường này

Tất cả đều tĩnh lặng như thế

Sao con vẫn chẳng ngủ yên?

Có lẽ nào con cũng biết?

Tiếng than khẽ và những suy tư đau khổ của cha đang cô đơn dưới
ngọn đèn trợ trợ

Đó có phải là hành vi ngu ngốc và vô cớ nhất trần đời không?

Con cũng biết những câu thơ bình dị của cha

Phải qua bao nhiêu trần trở về khổ nạn

Mới chắt lọc được ra?

Ôi, đêm đã khuya thế này, đã lạnh lẽo thế này Tắt đèn đi, chúng mình ngủ thôi Con à, sau này khôn lớn

Nhất định không được giống cha

Để từng hơi lạnh hành hạ bản thân mình từng giây từng phút

Năm 1978,

in trong tập Đất

Nguyễn Thu Hiền dịch.

Căn nguyên của tập thơ (3)

- “Nói với con”

Tháng 6 năm 1972, lần đầu tôi được làm cha, toàn bộ trọng tâm của cuộc sống chuyển sang gia đình, xoay quanh con cái.

Vì vợ tôi cũng làm giáo viên ở trường cấp 2 gần đó, nên thời gian đi làm phải nhờ chị thứ hai ở cùng thôn sang giúp đỡ chăm sóc con nhỏ, nhưng sau khi vợ tôi đi làm về, chị hai cũng phải lập tức về nhà chồng chăm lo nhà cửa.

Ở thời ấy, điều kiện sống của các gia đình ở nông thôn rất sơ sài, có nhiều điều không tiện dụng, sau khi đi làm về, vợ tôi vừa phải trông con

vừa phải lo các việc vụn vặt trong nhà, ngày nghỉ phải hỗ trợ việc đồng áng, vô cùng nặng nhọc.

Tôi vừa không đành lòng nhìn vợ tôi vất vả, hơn nữa từ khi còn trẻ tôi đã rất thích trẻ con, nói gì đến đó là con cái của chính mình, tôi đương nhiên phải cùng chia sẻ việc chăm con.

Đặc biệt, mỗi khi đêm xuống, vợ tôi đã rất mệt mỏi, tôi càng phải thể hiện mình là một người chồng tốt, người cha tốt, để vợ tôi đi ngủ trước, con cái để tôi trông.

Chơi với con quả thực rất vui, tôi thường xúc động muốn ôm chặt con vào lòng. Thế nhưng nếu chơi lâu quá, muộn quá rồi, tôi đã hết cả sức, ngày hôm sau lại phải dậy sớm đi làm, mà con thì vẫn hào hứng chơi, tôi đành phải dùng cách phổ biến nhất ở quê đó là dùng khăn địu con trên lưng.

Đêm ở vùng quê, người dân quê đa phần đều đi ngủ từ sớm, cả một không gian yên tĩnh. Khi địu con trên lưng đung đưa, tôi thường bất giác nói chuyện với con, đặc biệt là những đêm giá lạnh cuối đông đầu xuân, gió thổi se sắt, hơi lạnh buốt người, đó là lúc dễ nảy sinh nhiều tâm tư, suy nghĩ.

Những suy nghĩ này chủ yếu là tâm tư của người làm cha hòa quyện với những điều vẫn nghĩ đến, cảm nhận thấy từ đời sống thường ngày, từ năm này qua năm khác, trong cảnh địu con đung đưa mỗi ngày, những ý nghĩ ấy không ngừng xuất hiện và dần dần chuyển hóa thành ý thơ.

Chỉ là tiến độ sáng tác của tôi rất chậm chạp, mặc dù làm cha chưa lâu, ngay cả khi đã mạnh nha có cảm hứng sáng tác và xác định được tên gọi của chùm thơ này sẽ là Nói với con, nhưng tôi vẫn phải ấp ủ qua nhiều năm nhiều tháng.

Cứ thế, hết địu con gái lớn, rồi lại địu con trai thứ hai, nội dung ghi chép đã tích lũy được không ít. Tháng 10 năm 1976, tập thơ Ấn tượng làng tôi được xuất bản, tôi mới chuyển sang tập trung sức để chỉnh lý các bài thơ trong Nói với con và tiếp tục địu con trai út, tiếp tục ghi chép.

Tháng 10 năm 1977, nhà thơ tiền bối Á Huyền tiếp quản vị trí Tổng biên tập tờ Báo Liên hợp, ông đã đặt tôi viết bài, tôi bèn gửi sáu bài thơ đã hoàn thành với chủ đề Nói với con cho ông. Nhờ sự đánh giá cao của ông, chùm thơ đó được đăng nhiều kỳ trên Phụ san Liên hợp.

Phong cách thơ của tôi vốn dĩ có phần hướng tới tính đời sống đậm nét, chùm thơ này lại là Nói với con, nên ngôn ngữ thơ càng rõ ràng, dễ hiểu.

Trong đó, bài thơ đầu tiên Gánh vác được đăng vào ngày 28 tháng 11 năm 1977, và vào năm 1981 được chọn đưa vào sách giáo khoa Quốc văn trung học do Trung tâm biên dịch Quốc gia biên soạn, mãi cho đến năm 1997 mới được thay bằng một tác phẩm tản văn khác của tôi. Đại thể là vì miêu tả về tình cảm chung của mọi người cha bình thường trong khắp thiên hạ, nên đã rất được đón nhận.

Tôi đồng thời lại là giáo viên trung học cơ sở, tình cảm yêu thương đối với con cái tự nhiên mà lan rộng ra đối với học trò, vì thế đối tượng mà tôi muốn chia sẻ tâm sự, cũng có thể nói là bao gồm cả thế hệ con em đời sau của Đà Loan.

Chùm tác phẩm này được đăng tải kéo dài qua nhiều năm, nhưng phần lớn đều tập trung vào khoảng thời gian đầu từ tháng 11 năm 1977 đến tháng 5 năm 1978, đã từng được đưa vào tập thơ Đất của Nhà xuất bản Viễn cảnh ấn hành tháng 6 năm 1979.

Tập thơ Đất do người bạn của tôi cùng học ở trường trung cấp nông nghiệp là Nhan Bình Hoa viết lời tựa, đồng thời cũng dùng tranh của một

người bạn khác cũng ở trường trung cấp nông nghiệp là Trần Nghĩa Nhân Tranh vẽ người mẹ làm bìa sách, bên trong chia thành ba quyển, quyển thứ ba là Nói với con.

Nhà xuất bản Viễn cảnh do ông Trầm Đăng Ân làm giám đốc, ngay từ những năm 70 đã có xuất bản rất nhiều tác phẩm của các nhà văn tiền bối Đài Loan trong thời kỳ Nhật trị và các nhà văn thường được gọi là “nhà văn hương thổ”, nhà xuất bản này đã phát huy được ảnh hưởng lớn, có công lao quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của văn học Đài Loan.

Tháng 6 năm 1985, nhà sách Hồng Phạm tập hợp tất cả các sáng tác thơ của tôi từ trước đến nay, dựa theo chủ đề để chia thành ba cuốn và xuất bản mới, là Trong phiêu bạt, Ấn tượng làng tôi và Nói với con. Bìa của cuốn Nói với con là ảnh chụp ba đứa con của tôi.

Nhìn lại việc sáng tác hai tập thơ Ấn tượng làng tôi và Nói với con, vừa hay lấy mất của tôi gần thời gian mười năm. Có thể thấy tài năng của tôi mới chậm chạp làm sao, bắt buộc phải bỏ rất bao nhiêu kiên nhẫn mới miễn cưỡng có được một chút thành tích như vậy.

Mười năm đó là thời gian mà việc đồng áng của tôi bận nhất, việc dạy học vất vả nhất, gánh vác gia đình nặng nề nhất, nhưng lại là lúc khả năng sáng tác dồi dào nhất, cuộc sống đam mê nhất.

Năm tháng vợ vã trôi đi, con cái dần dần khôn lớn, gánh nặng dần dần nhẹ đi, thời gian của tôi càng ngày càng nhàn nhã, ngược lại sức sáng tác lại đuối đi rõ rệt. Tập thơ Nói với con đã xuất bản được đến nay là hơn 10 năm, thế mà tôi vẫn chưa hoàn thành một tập thơ mới khác. Có thể thấy, sáng tác văn học tuy rằng cần nhiều thời gian, nhưng điều cần hơn là niềm tin và nhiệt tình sáng tác mạnh mẽ.

Hoặc là tôi nên chuyển hẳn sang một góc nhìn khác, thường xuyên “lắng nghe con nói” hơn, biết đâu sẽ có cơ hội khôi phục được sinh lực

sáng tác dồi dào trước đây.

Năm 1998,

in trong Một bài thơ, một câu chuyện

Nguyễn Thu Hiền dịch.

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Khúc Song Tấu 8: Khách Qua Đường

Tiếng vó ngựa lộp cộp
Hết tốp này tốp khác
Khắp hang cùng ngõ hẻm
Trên hòn đảo nhỏ xinh
Rồi hát lên tự đắc:
Tôi chẳng phải người trở về
Tôi chỉ là khách qua đường...
Nơi tiếng vó ngựa qua
Nơi tiếng hát đi qua
Tràng pháo tay không dứt
Nổi dậy như cuồng phong
Đám người mê vây quanh
Mật mờ hòn đảo nhỏ
Ôi thời đại thực dân
Đã từ lâu chấm dứt

Trong ảo mộng mịt mờ
Khách qua đường hiện đại
Lại quên mất một điều
Đây là quê ta đó
Mãi say sưa hát rằng:
Tôi chẳng phải người trở về
Tôi chỉ là khách qua đường...
Con ta cũng say rồi
Quên mất thời niên thiếu
Cũng vỗ tay nhiệt liệt
Họa cùng tiếng ngựa phi
Như đồng lòng hướng vọng.
Khi con rời quê mẹ
Đèn sách tận xứ người
Bao năm trời phiêu bạt
Quay trở lại quê nhà
Cha vui mừng khôn xiết
Đón con trong vòng tay
Thế mà con quên mất

Đây Tổ quốc chúng mình

Lại mơ màng câu hát:

Tôi chẳng phải người trở về

Tôi chỉ là khách qua đường...

Tiếng vó ngựa thật hay

Hết tốp này tốp khác

Lộp cộp khuất xa dần

Con cũng rời ta mãi

Trong lòng ta tự hỏi

Không biết đến nơi nào

Và khi nào chẳng rõ

Các con mới trở về,

Không còn là khách qua đường?

Ngày 21 tháng 9 năm 1978

Phụ san Liên hợp, Báo Liên hợp

Nguyễn Thanh Diên dịch.

Khách qua đường

Tháng 5 năm 1987, Giáo sư khoa Hí kịch Học viện Nghệ thuật quốc lập Đài Bắc Ưng Kỳ Mi gửi thư thông báo, vở kịch Đứa trẻ mồ côi chốn

nhân gian do bà đạo diễn sẽ công diễn tại Trung tâm Giáo dục Xã hội thành phố Đài Bắc, trong đó có một đoạn sử dụng bài thơ Khách qua đường của tôi, bà thịnh tình mời tôi đến xem. Bao năm giam mình nơi thôn dã, cuộc sống bình dị đến tẻ nhạt, lại rất tò mò muốn xem thơ của mình được biểu diễn thế nào, tôi háo hức mang theo cô con gái sắp vào cấp 3 cùng đi lên Đài Bắc.

Đây là lần đầu tiên tôi chính thức xem kịch ở sân khấu Đài Bắc. Tối hôm đó đúng là người đông như trẩy hội, khách quý từng đoàn. Bạn văn mà tôi quen biết vốn không nhiều, nhưng cũng thấy tới mấy vị.

Khi chúng tôi tới nơi thì buổi diễn đã sắp sửa bắt đầu, chỉ gặp qua người bạn lần đầu quen biết Uông Kỳ Mi, chưa kịp trò chuyện gì, bà vội vàng tìm chỗ ngồi giúp chúng tôi, một lúc sau thì sân khấu mở màn.

Một diễn viên đóng vai kị sĩ đứng giữa sân khấu, vừa vung kiếm thúc ngựa, vừa đọc to mấy câu trong bài thơ Khách qua đường, khi đọc đến câu Tôi chẳng phải người trở về/Tôi chỉ là khách qua đường, nghe ở dãy ghế đằng sau có người nói: “Sầu Dư, đang đọc thơ anh kìa!”.

Kế đó là tiếng một người khác: “Là thơ Ngô Thịnh, không phải thơ tôi”.

Tôi quay đầu lại nhìn, hóa ra là giáo sư Diêu Nhất Vĩ và Trịnh Sầu Dư ngồi ngay sau lưng tôi, vừa nãy là tiếng họ trao đổi với nhau.

Tôi biết Diêu Nhất Vĩ, nhưng ông không biết tôi, còn tôi và Trịnh Sầu Dư đã từng ở với nhau tại Iowa. Chính thư mời tôi đến Iowa của Phòng công tác Nhà văn quốc tế là thông qua ông gửi cho tôi. Chúng tôi mỉm cười chào nhau, vừa do không tiện nói chuyện, vừa quả thực cũng không biết nên nói gì.

Bài thơ Khách qua đường là một bài nằm trong chùm tác phẩm Ngu Trục thư giản (Thư từ Ngu Trục) của tôi, đăng trên phụ san Báo Liên hợp

ngày 21 tháng 9 năm 1978, trong đó mượn hai câu trong bài thơ Sai lầm nổi tiếng của Trịnh Sầu Dư, đọc đi đọc lại, bày tỏ thắc mắc của tôi về từng tốp từng tốp khách qua đường hiện đại trên đảo Đài Loan:

Đến bao giờ, và đến nơi nào

Các anh mới là người trở về, không còn là khách qua đường... Thật không ngờ Trịnh Sầu Dư cũng đến Đài Loan, hơn nữa lại đang ngồi ngay sau tôi lúc công diễn, sao mà khéo thế? Không biết ông ấy nghĩ gì, tôi không thể nào suy đoán được.

Nghe nói người “khách qua đường” trong bài Sai lầm mang nhiều ý nghĩa tượng trưng, tôi không hiểu lắm, tôi chỉ chọn nghĩa trong cuộc sống hiện thực.

Bài thơ này của tôi trong nỗi xúc động thở than thực sự ẩn chứa sự phê phán mạnh mẽ, nhưng tuyệt đối không nhằm vào cá nhân, mà phản ánh hiện tượng phổ biến trong xã hội Đài Loan. Đúng như lời phát biểu của đạo diễn Uông Kỳ Mi trước khi mở màn vở diễn: “Bản thân mình yên phận ở Đài Loan, đương nhiên sẽ có sự tôn trọng và thông cảm nhiều hơn đối với những người khác đang làm những việc phù hợp với năng lực của họ ở khắp mọi nơi trên thế giới”.

Dù là họ tự lựa chọn rời xa hay buộc lòng phải ra đi, làm sao tôi không hiểu là cần tôn trọng họ, thậm chí trong hoàn cảnh bắt buộc phải tha hương đất khách, tôi còn dành cho họ sự cảm thông vô hạn. Huống hồ trái đất đã ngày càng “thu nhỏ”, khoảng cách thế giới đã ngày càng xích lại gần hơn.

Tuy nhiên, tâm thái lưu vong ẩn tàng dưới làn sóng di dân hết đợt này sang đợt khác thực sự không công bằng và bất hợp lý đối với đảo Đài Loan.

Từ bao lâu nay, thử xem bao nhiêu người bẽ ngoài thì ủng hộ chính sách nhà cầm quyền, thề thốt “khôi phục Thần Châu”, lúc nào cũng có thể phát quốc kỳ, hô mấy câu khẩu hiệu yêu nước để giành được tiếng vỗ tay

và lợi ích, kỳ thực họ chỉ toàn tâm toàn ý hướng về “miền quê mới” Âu Mỹ, tìm mọi cách để có được hộ chiếu nước ngoài.

Về cơ bản những người này phần lớn trong lòng họ chưa bao giờ có nhân dân, đất nước và tương lai Đài Loan.

Điều nghiêm trọng nhất là, họ đã coi rẻ Đài Loan như vậy, không muốn sống trên đất này, nhưng lại không nỡ rời xa thực sự, vẫn cố sức nắm lấy những thứ tốt đẹp ở Đài Loan, một mặt lại chiếm cứ đa số phương tiện truyền thông, trắng trợn tuyên truyền tư tưởng phiêu bạt, gieo rắc những giấc mộng lang thang, mê hoặc biết bao nhiêu con dân Đài Loan sinh ra lớn lên trên mảnh đất này, không biết yêu quý giữ gìn quê hương yêu dấu ngàn đời.

Đài Loan quả thực là môi trường nuôi dưỡng nỗi nhớ quê hương sao? Nỗi sầu quê xa rời thực tế quả thật là cũng vô cùng lãng mạn, nhưng tôi chỉ muốn hỏi một câu: Đài Loan có đáng phải tiếp tục chịu sự đối xử thiên lệch như vậy, bất công như vậy không?

Năm 1998,

in trong Một bài thơ, một câu chuyện

Nguyễn Thanh Diên dịch

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Khúc Song Tấu 9: Bia Hồn Thú

Trước ngõ phố làng tôi, có một lò mỗ,
chỗ công vào lò mỗ đặt một tấm bia hồn thú.

Bia rằng: Hồn hỡi! Đi đi

Đừng quay lại, xin đừng quay lại

Mau đi tìm chỗ an thân thác mệnh

Đừng quay lại, xin đừng quay lại

Những ngày lễ tết, đồ tế các nơi đổ về

Sợ sệt dâng hương, bày đồ cúng tế

Các người hãy nhận lấy đi

Sinh ra làm thân cầm thú, thì phải chịu dao sát sinh

Không cam lòng sao được

Này cầm thú chó lợn

Đừng kêu gào thảm thiết

Đừng tố cáo, cũng đừng kinh ngạc

Họ vừa cúng bái, vừa tàn sát, lại đòi hỏi hòa bình

Điều đó chẳng có gì sai

Đừng kêu gào thảm thiết

Đừng tố cáo, cũng đừng kinh ngạc

Họ vừa cúng bái, vừa tàn sát,

Vừa sợ oan hồn các người về đòi mạng

Này cầm thú chó lợn

Hồn hỡi! Đi đi.

Tháng 2 năm 1977,

in trong Văn nghệ Đài Loan số 1 bản mới

Nguyễn Thanh Diên dịch.

Nhặt một mẫu rác

Một đồng nghiệp cùng trường với tôi là thầy Trương Anh Xuyên, nhiều năm qua kiêm thêm chức Tổ trưởng sinh thể, rất tận tâm với công tác giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường sống, ngày nào thầy cũng đích thân dẫn mấy em học sinh kiểm tra khắp mọi ngõ ngách trong trường, trồng hoa, quét dọn, nhặt rác.

Phu nhân thầy Trương Anh Xuyên là cô Nhã Phẩm cũng giảng dạy trong trường. Hai đứa con của họ, bé gái lớn năm nay sáu tuổi, cậu con trai nhỏ ba tuổi, thường ngày vừa hoạt bát vừa ngoan ngoãn, có lần chúng tôi hẹn nhau đi xem ca nhạc, suốt hai tiếng đồng hồ, chúng chẳng hề quấy phá ồn ào, yên tĩnh lắng nghe, mỗi khi kết thúc một bài, cũng biết vỗ tay theo một cách sung sướng, quả là họ có cách dạy dỗ con khó tin được.

Đầu tháng 3 năm 1992, thầy Trương đưa vợ con đến Cung thể thao Đài Trung xem thi đấu bóng chày, bé trai nhà họ hiển nhiên chưa hiểu gì về bóng bính, cũng không hứng thú với không khí náo nhiệt xung quanh, do “truyền thống giáo dục gia đình”, cậu bé đứng dậy nhặt rác xung quanh chỗ ngồi.

Có một mẫu rác nằm sâu dưới gầm ghế tay không với tới, vậy mà cậu bé con tí tuổi đầu không chịu bỏ cuộc, nắm rạp người xuống, thò chân khều rác ra, nhặt lên đưa cho bố như thường lệ; hóa ra là một tấm thiệp.

Thầy Trương theo thói quen giờ tắm thiệp lên đọc, phát hiện đó là một bài thơ, tiêu đề là Bia hồn thú, không đề tên tác giả. Tuy nhiên, thầy Trương vốn là dân ngoại ngữ, là người bạn có tố chất và tu dưỡng văn học phong phú nhất trong số các đồng nghiệp của tôi, thầy biết rất rõ về thơ của tôi, vừa liếc xem đã biết ngay đó là sáng tác của tôi.

Khi thầy Trương kể với tôi chuyện này - một trải nghiệm có nhiều kịch tính, thì thầy lấy ra tấm thiệp mới nhặt được, chúng tôi nổi hứng đoán xem nguồn gốc của nó. Tấm thiệp được làm bằng loại giấy thô, lại không có tranh minh họa, chắc chắn không phải là thẻ đánh dấu sách, cũng không phải loại làm thiệp chúc mừng, nếu căn cứ theo thời gian, địa điểm nhặt được và nội dung bài thơ để phán đoán, thì có khả năng đây là sản phẩm tuyên truyền do ban tổ chức in và phát ra trong buổi diễu hành kỷ niệm sự kiện ngày 28 tháng 2 được tổ chức tại Đài Trung hồi cuối tháng 2.

Bia hồn thú là bài đầu tiên của thiên Cầm thú trong tập thơ Ấn tượng làng tôi của tôi, được viết vào năm 1977. Về tâm thái sáng tác của tôi lúc bấy giờ, tôi không ngại nói rằng có tính phóng dụ rất mạnh, tuy không chỉ rõ, người tinh ý vẫn có thể nhận ra.

Trên thực tế, thơ của tôi phần lớn đều bắt nguồn từ đời sống hiện thực, liên quan chặt chẽ đến xã hội Đài Loan, có không ít bài thậm chí gắn trực tiếp với sự thực lịch sử; chẳng hạn, bài Nếu là viết vào thời điểm Đài Loan

và Hoa Kỳ cắt đứt quan hệ ngoại giao, thấy các cơ quan hành chính phát động liên tiếp các hoạt động kháng nghị, thị uy, ra sức chỉ trích Hoa Kỳ “bội tín vong nghĩa”, tôi mượn Nói với con để bày tỏ kiến giải của mình: Nếu là người bạn thân nhất của con/ Từ chối ở bên cạnh con/ Thì con ơi, đừng khóc lóc ảo não/ Càng không nên oán trách người ta/ Mà phải nghiêm túc nhìn lại chính mình.

Tuy nhiên, tính hàm súc, tính ẩn dụ của thơ, cố nhiên vượt qua bản thân sự kiện, và mang ý nghĩa tượng trưng rộng mở hơn, nếu không có sự giải thích trong chừng mực nào đó, thì độc giả thường khó mà thấy được ngụ ý thực sự; nếu ghi rõ bối cảnh sáng tác, thì lại dễ tạo nên giới hạn của thơ ca.

Đọc lại một lượt những câu thơ trong bài Bia hồn thú ghi trên tấm thiệp: Đừng kêu gào thảm thiết/ Đừng tố cáo, cũng đừng kinh ngạc/ Họ vừa cúng bái, vừa tàn sát/ Vừa sợ oan hồn các người về đòi mạng/ Này cầm thú chó lợn/ Hồn hời! Đi đi, lòng tôi bất giác nhói đau. Chẳng biết thơ, dù tả thực hay ẩn dụ, liệu có chút tác dụng nào đối với bi kịch xã hội to lớn như vậy không?

Năm 1993,

in trong Một bài thơ, một câu chuyện

Nguyễn Thanh Diên dịch.

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Khúc Song Tấu 10: Đừng Quên

Em trai không tán đồng ý kiến của anh

Anh liền sa sầm mặt mắng nó là kẻ xấu

Ngăn không cho em trai nói

Anh tưởng cứ lớn tiếng quát tháo

Là chiếm giữ chân lý hay sao?

Em trai không thích tác phong của anh

Anh liền hùng hổ giơ cao nắm đấm

Bắt nó phục tùng

Anh toan tính che đậy điều gì sao?

Anh lo lắng uy quyền lung lay sao?

Các con ạ! Đừng bao giờ quên nhé

Là anh em ruột thịt một nhà

Phải chân thành bàn lẽ dở hay

Phải có tấm lòng bao dung độ lượng

Sao chẳng thể chìa bàn tay ấm áp

Nếu như quê hương mình

Điêu tàn dưới gót giày quân xâm lược Thì con ơi! Hãy vùng lên chống
trả Chớ có bán khoán do dự một giây nào Nhưng các con là anh em ruột
thịt một nhà

Mỗi lần thấy con vênh vang tự đắc

Là lòng cha đau xót khôn cùng

Con trai ạ, hãy đừng quên con nhé

Chỉ một giây đặc ý nhất thời

Thường là gieo vô số mầm oán hận

Vào vết thương sâu hoắm trong lòng

Chúng lặng lẽ nảy mầm, mọc rễ bên trong

Không biết yêu thương ruột thịt của mình

Sao có thể mở lòng với nhân quần quảng đại

Các con ạ! Đừng bao giờ quên nhé

Là anh em ruột thịt một nhà

Sao chẳng chìa bàn tay ấm áp.

Năm 1980,

in trong Nói với con

Nguyễn Thanh Diên dịch.

Bài thơ yếu đuối

C uối năm 1979, Cao Hùng xảy ra “Sự kiện Formosa”, nhà cầm quyền bịa đặt tội danh có ý đồ làm phản, thẳng tay bắt bớ các nhân sĩ tham gia phong trào dân chủ, bầu không khí tang thương bao trùm khắp đảo.

Chỉ cần có chút kiến thức phổ thông, là có thể phán đoán được, đây là sự bức hại chính trị hết sức rõ ràng. Tuy nhiên, tất cả các phương tiện truyền thông Đài Loan, bao năm chịu sự kiểm soát nghiêm ngặt của nhà cầm quyền, hoàn toàn bưng bít thông tin, chỉ đưa tin đánh dẹp một chiều, không hề nghe được một lời công bằng.

Đa số dân chúng Đài Loan, vẫn vô tri như cũ, nhất là những thành phần gọi là “thân sĩ địa phương”, bộ đội, công chức, trí thức nửa mùa, không những không muốn nhận rõ bản chất ngang ngược của kẻ thống trị độc tài, mà còn hòa theo phương tiện truyền thông hô hào chém giết, dường như khắp nơi đều là “hóa thân của chính nghĩa”.

Đầu năm 1980, nữ văn sĩ định cư tại Hoa Kỳ Trần Nhược Hi lần đầu tiên về nước sau mười tám năm rời xa Tổ quốc, được một nhân vật quyền uy sắp xếp cho cuộc gặp với Tưởng Kinh Quốc, trực tiếp bày tỏ sự không thỏa đáng của tội danh làm phản. Lúc bấy giờ bà đã nói một câu nổi tiếng là “trấn áp trước, bạo loạn sau”, tức là quân đội công an có hành động trấn áp bằng vũ lực trước, dân chúng mới vì hoang mang sợ hãi mà sinh ra bạo loạn, chỉ rõ sự kiện đó là chủ tâm của nhà cầm quyền.

Có lẽ là nhờ có cái mác “nhà văn tự do” làm tấm bùa hộ mệnh, nên nữ văn sĩ mới có cơ hội và cũng mới có thể nói thẳng như thế! Nhưng, bất luận thế nào, trong bối cảnh thần hồn nát thần tính như vậy, mà có được tiếng nói chính nghĩa như vậy, thực sự là không còn gì quý bằng.

Nữ sĩ Nhược Hi về nước không lâu, các nhà văn Trần Ánh Chân, Hoàng Xuân Minh đã tập hợp anh em văn nghệ sĩ tổ chức một buổi đón

tiếp, tôi và Hồng Tinh Phu cũng nhận lời lên Đài Bắc tham gia. Vì “nhiệm vụ” quan trọng khác của nữ sĩ Nhược Hi là “giải cứu” hai nhà văn khác cũng đang bị bắt giữ là Vương Thác và Dương Thanh Xúc.

Tại buổi đón tiếp, nhiều vị nhà văn tiền bối nêu ra nhiều quan điểm khác nhau về phương tiện truyền thông đại chúng trước sự kiện này. Tôi và Vương Thác vốn là chỗ thân quen, nên bản thân cũng bức xúc đứng lên phát biểu. Trọng tâm phát biểu của tôi là chỉ trích mạnh mẽ phóng viên báo chí, chớ làm công cụ và tay chân cho chính quyền bất nghĩa thi hành thủ đoạn bức hại chính trị.

Không khí nặng nề, u ám bao trùm cả hội trường càng kích thích lòng căm phẫn tích tụ lâu ngày của tôi, tôi lập tức cầm bút khởi thảo bài thơ này.

Năm đó tôi đang tiếp tục thiết kế để ra tập thơ Nói với con, vì vậy dùng hình ảnh anh em trong nhà sống với nhau làm tỉ dụ, răn dạy con làm anh thì phải có lòng bao dung độ lượng, chớ vì sự đặc ý nhất thời mà gieo rắc bao mầm mống hận thù.

Sau buổi đón tiếp đó, tôi về nhà bỏ ra mấy ngày để sửa chữa, cuối cùng đã hoàn thành bài thơ này, lấy tiêu đề là Đừng quên. Tuy nhiên, việc có nên công bố hay không, tôi vẫn có phần do dự. Trong một đêm trời lạnh thấu xương, tôi đưa bản thảo cho vợ xem, đặng thăm dò ý kiến cô ấy. Vợ tôi xem xong rồi nói: Có vấn đề gì đâu? Tôi nửa đùa nửa thật: Không cần thận đi tù ấy chứ!

Không ngờ vợ tôi tỏ ra rất tức giận, kiên quyết nói: Sợ cái gì? Nếu vì bài thơ này mà bị bắt, thì chẳng những cam lòng, mà còn rất vẻ vang.

Sự thực chứng minh, bài thơ này sau khi được tạp chí Văn học hiện đại số tháng 3 năm đó đăng tải, về cơ bản không có ai hỏi han, cũng không có ai quan tâm tới. Những băn khoăn lo ngại của tôi chẳng qua là do chứng ảo tưởng của mình nghĩ ra thôi.

Cho dù những người phải chịu hình phạt trong sự kiện Formosa về sau biểu hiện như thế nào, thì năm đó vẫn là “vì nghĩa chịu nạn”. Mỗi lần đọc lại bài thơ Đừng quên, những ẩn dụ trong đó, đương nhiên là có sự cần thiết của nghệ thuật thơ ca, có không gian tưởng tượng rộng lớn hơn, nhưng vẫn thấy có gì đó hèn nhát quá, vẫn tiếc là chưa phơi bày hết ruột gan, chưa tỏ hết nỗi căm ghét trong lòng. Nhất là còn từng tự thần hồn nát thần tính, thật đáng xấu hổ.

Năm 1996,

in trong Một bài thơ, một câu chuyện

Nguyễn Thanh Diên dịch.

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Khúc Song Tấu 11: Hỡi Ngăn Cản Họ

Chúng con toàn tâm toàn ý yêu Người

Như yêu mẹ của mình

Không phải vì đất đai của Người đặc biệt ngát hương

Mà chỉ bởi vòng tay Người nhường này ấm áp

Không phải vì sản vật của Người đặc biệt dồi dào

Mà chỉ bởi Người đã dùng dòng sữa gian khổ của mình

Để nuôi dưỡng chúng con

Từng đợt, từng đợt sóng cuộn cuộn vỗ tới Tranh nhau ngợi ca Người
là hòn đảo xinh đẹp Chúng con lớn lên trong vòng tay của Người Cũng hát
lên tình yêu sâu thẳm với Người Bằng tất cả tâm can

Trong tiếng hát ấy, không chỉ là lời ngợi ca chân thành

Còn có cả lòng biết ơn và sự luyện lưu sâu thẳm của chúng con

Cũng có cả nỗi đớn đau và niềm ưu tư sâu thẳm của chúng con

Ai đành lòng để mẹ mình chịu tổn thương

Ai đành lòng để mẹ mình bị dẫm đạp

Đã từng bị bỏ mặc, đã từng chịu tận cùng dày đọa Những vết thương
chằng chịt của Người Đã từng khiến đôi mắt chúng con đẫm lệ

Nhưng bản tính bao dung của Người

Lại xóa mờ từng vết từng vết thương

Đột nhiên có thêm bài hát đau buồn

Chúng con không hát nữa

Chúng con không tiếp tục buồn than về những ngày xưa trắc trở của
Người nữa

Nhưng chúng con không thể không lo lắng Về những tai họa mà
Người sẽ phải đối mặt

Biết bao nhiêu khách qua đường và lũ cháu con bất hiếu Chỉ chăm
chăm lợi ích riêng

Mà không đoái hoài làm Người gầy mòn, làm Người bệnh tật Chúng
con làm sao không đau lòng cho được?

Người dùng vom ngực nhân từ

Che chở cho chúng con

Chúng con lẽ ra phải thấu hiểu lẫn nhau gấp nhiều lần để báo đáp
Người

Biết bao nhiêu thuốc giả và thức ăn chứa đầy độc tố

Tràn ngập khắp chốn cùng nơi

Tính mạng của người khác

Lẽ nào không quan trọng bằng những con số trong tài khoản của bản thân ư?

Núi rừng, là xương cốt của Người

Nhưng lại có kẻ không ngừng vung lưới rìu chặt phá tràn lan

Dần dần, dần dần khiến Người trở nên tàn tật

Nước bẩn và khí thải chứa đầy độc tố

Cứ thế bung ra không hề e dè, không gì quản chế Làm ngọt ngào đường thơ của Người Tù tội nhân ô nhiễm từng dòng sông

Tù tội nhân hủy hoại từng mảnh đất rộng

Đó là huyết mạch và da dẻ của Người đấy

Có lẽ nào bọn họ không biết

Điều ấy ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của Người hay sao?

Thậm chí, chỉ cần một chút xao nhãng

Sẽ tạo ra những công xưởng với vô vàn hiểm họa khôn lường Được xây dựng lên một cách ngang ngược và tù tội Và không theo bất cứ quy cách an toàn nào

Nghĩ đến những nguy cơ tiềm ẩn này, nếu một ngày xảy ra Sẽ phá hủy sự sinh tồn của cả xã hội

Ôi những thương tổn mãi mãi không thể hoàn nguyên Có lẽ nào con cháu bọn họ không sống ở đây sao? Là ai đã dung túng cho bọn họ như vậy?

Ôi, sự phát triển, sự phát triển thần tốc!

Tất cả những công cụ truyền thông

Đều tự tin khoe mẽ, hưng phấn ngợi ca

Thế nhưng, phát triển là tất cả ư?

Đằng sau sự phát triển ẩn chứa biết bao tai họa Không cần tìm hiểu sao?

Ai cũng không có bất cứ lý do và căn cứ nào Để tung ra đám hỏa mù thối miên như thế

Vết thương, có thể dùng sự mạnh mẽ mà Người dạy cho chúng con để chữa lành

Nghèo khó, có thể dùng sự cần cù Người dạy cho chúng con để khắc phục

Tủi nhục, có thể dùng sự rộng lượng Người dạy cho chúng con để tha thứ

Vốn dĩ chúng con chẳng đòi hỏi nhiều

Vốn dĩ chúng con không quen la hét

Nhưng nếu có những vị khách qua đường và lũ cháu con bất hiếu Tiếp tục làm nguy hại đến sức khỏe của Người Rồi tung ra những lời gian dối để che đậy

Chúng con còn có thể tiếp tục thờ ơ, còn có thể tiếp tục không nói gì hay sao?

Chúng con than khóc mà không vỗ về nỗi nỗi ưu sầu của Người Chúng con cau mày mà không cứu giúp nỗi nỗi đau khổ của Người

Nếu xương cốt của Người, huyết mạch của Người, da dẻ của Người

Hết lần này đến lần khác bị tàn phá

Người còn có thể là hòn đảo xinh đẹp nữa hay không?

Hãy ngăn cản họ, hãy ngăn cản họ lại

Dùng tiếng nói nghiêm khắc của chúng ta

Dùng tiếng nói không chấp nhận bất cứ lời giải thích quanh co nào,
không chấp nhận bất cứ sự che giấu nào

Ngăn cản họ không được tiếp tục làm hại đến Người, không được tiếp
tục chà đạp lên Người

Đúng vậy, trong thế giới rộng lớn này Người chẳng qua chỉ là một hòn
đảo bé nhỏ Chúng con lớn lên trong vòng tay của Người Nhưng chưa từng
quên

Nếu quay lưng lại với Người, chúng con còn có gì để nương tựa

Căn nhà có đẹp nhường nào, nếu chẳng tận tâm gìn giữ

Chớp mắt sẽ hóa thành đồng hoang tàn

Không thể bảo vệ Người tránh khỏi bất cứ tai họa nào

Lũ con cháu chúng con, sẽ lập thân bằng cách nào

Chúng con còn có tư cách gì

Để nghĩ về tương lai dài rộng hơn, bao la hơn

Hãy ngăn cản họ, hãy ngăn cản họ lại

Dùng tiếng nói nghiêm khắc của chúng ta

Dùng tiếng nói không chấp nhận bất cứ lời giải thích quanh co nào, không chấp nhận bất cứ sự che giấu nào Ngăn cản họ không được tiếp tục chà đạp Người.

Năm 1981,

in trong Ấn tượng làng tôi

Nguyễn Thu Hiền dịch.

Giàu có

(1)

Nhiều năm trước, thi thoảng anh về quê hội ngộ cùng tôi, anh thường than thở rằng đời sống của Đài Loan tôi tệ làm sao, đặc biệt là một, hai năm gần đây, anh càng bộc lộ rằng mình không thể chịu đựng được nữa, tích cực nhờ người làm thủ tục di dân.

Đến hôm nay, cuối cùng anh cũng đã làm xong thủ tục di dân, sắp cùng cả gia đình di cư đến quốc gia khác. Biết rõ rằng đây là việc sớm muộn rồi cũng đến, nhưng khi thực sự biết chắc về thông tin này, tôi vẫn không ngăn được nỗi buồn da diết.

Chúng ta đều là con em nhà nông ở làng quê, từ nhỏ lớn lên cùng nhau, cùng nhau đi học, tình bạn luôn rất thân thiết, nhưng xu hướng sở thích, quan niệm tư tưởng của chúng ta lại có không ít khác biệt, ngay cả con đường nhân sinh mà từng người lựa chọn cũng rất không giống nhau. Quả thực là giống về xuất phát điểm, nhưng không giống nhau về đường đi.

(2)

Nhớ về thời thanh niên bay bổng, căng tràn lý tưởng, trong vô số đêm từ trường học về quê nghỉ lễ, chúng ta thường ngồi bên cây cầu Đại Quyển nói chuyện về những mong muốn trong cuộc đời mình. Anh thường nói một câu: Money makes money (Tiền đẻ ra tiền), tôi nhớ rõ nhất. Ý của anh là bất luận có lý tưởng cao đẹp gì, con người luôn cần phải có một món tiền để nuôi dưỡng nó, nếu không đều chỉ là nói suông, chẳng làm được gì. Anh bất chấp tất cả, phải truy cầu sự giàu có trước tiên.

Môi trường thôn quê tất nhiên không phù hợp để anh phát triển mong ước của mình, vì thế khi chúng ta hoàn thành việc học ở trường trung cấp xong, sau nhiều lần suy nghĩ, tôi quyết định quay về quê để dạy học, làm ruộng, còn anh thì tham gia vào hàng ngũ của giới kinh doanh, như rất nhiều thanh niên trí thức xuất thân gia đình nông dân khác, anh ở lại thành phố thành gia lập nghiệp.

Có điều, anh vẫn chưa hoàn toàn quên xóm làng, mỗi dịp lễ tết, anh vẫn thường trở về thăm hỏi bạn bè và qua nhà tôi uống trà, trò chuyện. Mỗi lần anh về, tôi ngồi lắng nghe anh nói chuyện nhiều hơn, không chỉ vì anh có khả năng ăn nói, mà còn bởi vì cuộc sống ở quê đơn giản, bình lặng, thực sự không có nhiều chuyện để kể, trải nghiệm của anh mới mẻ, phong phú, khiến cho tôi mở mang hiểu biết được không ít.

Qua lời kể của anh, tôi hiểu được cơ bản những bước thăng trầm trong quá trình anh khởi nghiệp, quả không suôn sẻ. Anh kinh qua nhiều năm học hành, lao tâm khổ tứ kinh doanh, bôn ba vất vả, nếm trải hết lần tranh đấu này đến lần tranh đấu khác mới dần dần tạo được cơ sở vững chắc, mở rộng quy mô và có được tích lũy kinh tế cực kỳ dày dặn.

Nhìn thấy anh thành đạt trong sự nghiệp, phong cách và khẩu khí mỗi năm về quê tự nhiên cũng khó giấu được vẻ đắc ý, tự phụ, đây cũng là sự thường tình của con người, tôi không thấy có gì là lạ, tôi thực lòng mừng vui khôn tả cho anh. Suy cho cùng, thành công của anh cũng không phải tự dưng mà đến.

(3)

Thế nhưng, khi tôi thử nhắc nhở anh về chí hướng thời tuổi trẻ, dường như có thể quay về quê hương tiến hành được rồi, anh lại sững người lại, trả lời có vẻ đối phó rồi cười cười hỏi lại tôi: Những lời nói ngớ ngẩn ấy anh coi là thật à? Những việc không kiếm ra tiền thì ai có hứng làm đây?

Tuy anh không đến mức giống một vài vị đồng hương mắt chỉ nhìn thấy quyền thế, bụng dạ chỉ có bạc tiền, nhưng những lời đùa cợt rằng tôi tuổi đã cao mà còn say mê văn chương, còn nhớ mãi không quên lý tưởng văn hóa mà quên đi hiện thực, lại thể hiện rõ ràng về thái độ cực kỳ không quan tâm của anh.

Tiếp đó, anh lại than thở liên hồi về môi trường đầu tư của Đài Loan ngày càng không thuận lợi, anh phê phán các căn bệnh của chính sách kinh doanh tài chính bất ổn, anh còn phàn nàn về vô vàn các chuyện về phong trào công nhân đấu tranh đòi hưởng phúc lợi lao động, công nhân thì ngày càng khó tìm, nhưng càng không biết tốt xấu ra sao, ý thức bảo vệ môi trường thì không ngừng tăng cao, làm gia tăng thêm không ít khó khăn, ảnh hưởng lớn đến mong muốn đầu tư. Anh nói với tôi, hiện nay đã có bao nhiêu người trong nghề đang âm thầm tìm cách che giấu và chuyển lượng lớn tiền ra đầu tư mở công xưởng ở nước ngoài.

Anh tiếp tục lên án trật tự giao thông của xã hội Đài Loan, tình hình trị an ngày càng rối ren, loạn lạc, anh miêu tả rất nhiều trải nghiệm thực tế, thực sự đến mức khiến người khác cảm thấy đau lòng. Những người có cách thì lần lượt tìm đường làm thủ tục di dân, ít nhất có thể lấy được quốc tịch nước ngoài trước rồi thời cơ đến thì bỏ đi là xong.

Đến hôm nay, cuối cùng anh cũng đã làm xong thủ tục di dân, anh sắp cùng gia đình di cư đến quốc gia khác. Biết rõ rằng đây là việc sớm muộn rồi cũng đến, nhưng khi thực sự biết chắc về thông tin này, tôi vẫn không

ngăn được nổi buồn da diết. Ngoài nổi buồn, tôi còn cảm thấy nhiều nỗi trăn trở, muốn nói ra ở đây để thảo luận cùng anh.

(4)

Nói thực, tất cả những căn bệnh của xã hội mà anh nói tới, thi thoảng lên thành phố hoặc đọc các loại thông tin báo đài, tôi cũng phần nào cảm nhận thấy, nhưng môi trường ở nông thôn vẫn chưa đến mức nghiêm trọng như thế, trải nghiệm của tôi chắc chắn không thể sâu sắc như anh. Có điều, mọi việc đều có nhân có quả, không biết anh đã từng đi tìm hiểu một cách kỹ càng về nguyên nhân của những hiện tượng ấy hay không?

Chúng ta đều lớn lên sau chiến tranh, mà thời kỳ đầu sau chiến tranh, đặc biệt là ở nông thôn, các điều kiện vật chất của người dân đều vô cùng thiếu thốn. Mỗi khi nghĩ đến những chuyện cũ thuở ấu thơ đi chân trần, mặc áo rách, khoai lang ăn kèm với dưa muối, củ cải khô, so với hiện nay quả là một trời một vực, thực cảm khái vô cùng. Như anh nói, chính bởi vì ngày xưa mọi người nghèo đến mức phát sợ rồi, gia đình nào cũng phải cần cù, tần tặn, kết hợp đón đầu sự xuất hiện của thời đại công thương, một lòng một dạ tìm cách cải thiện kinh tế, thì Đài Loan mới tạo ra cái gọi là kỳ tích về kinh tế.

Trong những năm tháng nghèo khổ ấy, việc tập trung toàn lực phát triển kinh tế quả thực cũng không thể trách được, mà việc ấy còn có tính tất yếu và có những đóng góp nhất định. Thế nhưng, những thành quả đủ để khoe với cả thế giới này không chỉ dựa vào những nhân tài kinh doanh giỏi giang, nhanh nhạy, quyết liệt như anh, mà còn có sự cùng đồng hành nỗ lực của hàng ngàn hàng vạn công nhân lao động giá rẻ, thậm chí còn phải trả những giá vô cùng đắt mới có thể có được, đó là tùy tiện phá hủy hòn đảo vốn dĩ xinh đẹp này thành nơi trăm thứ bệnh tật sinh sôi như ngày hôm nay.

(5)

Phát triển ới phát triển, mấy chục năm nay vội vã hướng tới cái tên gọi mỹ miều là phát triển ấy, ép giá lương thực, hạ thấp tiền lương trong suốt thời gian dài, giới kinh doanh kết hợp chặt chẽ với chính quyền đương cục hưởng thụ biết bao nhiêu đặc quyền, lợi ích và sự bảo vệ, nhất nhất chỉ dựa vào sản nghiệp là sự tập trung đông đảo của nhân lực lao động, không muốn nâng cao chất lượng thiết bị nhà máy, thậm chí tùy tiện mặc kệ các hiện tượng ô nhiễm như xả khí thải, nước thải, làm lợi về mọi mặt, vì thế tạo ra sự phát triển thần tốc về tiền tài, nhưng lại hy sinh môi trường sinh thái của Đài Loan và phúc lợi lao động. Với tiền đề là sự phát triển công nghiệp, việc này có thể là bất đắc dĩ, có thể hiểu được.

Thế nhưng, mục đích của sự phát triển là để làm gì? Tất nhiên là để giũ bỏ sự nghèo khó, tích lũy thêm giàu có, thế thì nên bước chậm lại thôi, đặt cái gốc vào bản thổ, tích cực bù đắp những thiếu thốn của xã hội, hoàn trả tích lũy vốn xã hội đã rộng mở quá mức, tạm ứng quá mức. Chỉ muốn có nguồn tích lũy dồi dào về tiền bạc và ngoại tệ, mà không biết vận dụng phù hợp, chẳng lẽ chỉ vì để khoe khoang, chỉ vì để tranh giành được nhiều sự đủ đầy hơn hay sao?

Trên thực tế, gốc rễ kinh tế của Đài Loan rất nông chứ không sâu bền, vẫn là thể chất phụ thuộc quá nhiều vào các cường quốc về kinh tế. Thế nhưng xã hội của chúng ta lại đầy vẻ hào nhoáng, thời thượng như mặt thế. Trong chính quyền các vị quan cao mãi tranh giành quyền lực, không quan tâm đến tương lai lâu dài của Đài Loan, ngoài xã hội các đại gia giàu có hưởng thụ xa xỉ, diện mạo ngu dốt, thô tục bùng nổ và bộc lộ hết cỡ. Hai thế lực đó vừa cấu kết vừa tồn tại dựa vào nhau, kinh qua sự dẫn dắt của những diễn phạm như thế, người bình thường khó tránh khỏi học tập theo, lừa lọc bắt nạt lẫn nhau, chỉ nhìn thấy cái lợi trước mắt, trật tự xã hội chẳng lẽ không loạn được hay sao?

(6)

Anh có thể đã từng nghĩ đến, nội hàm văn hóa bắt rễ trên mảnh đất này đang chờ được phát huy, bao nhiêu phúc lợi xã hội trước nay đều bị xem nhẹ đang chờ nhận được sự bảo đảm hợp lý, bao nhiêu hạ tầng công cộng kéo dài hết lần này đến lần khác, bao nhiêu nơi đang xây dựng, kinh phí thì không thấy đâu, bao nhiêu mảnh đất đã bị ngang nhiên hủy hoại, bắt buộc phải hồi phục sự sống; bao nhiêu dòng sông đã chết khô, đòi hỏi được khôi phục một cách bức thiết...

Điều cần than thở ở đây là, bao nhiêu tư bản gia có khả năng quan tâm đến và báo đáp lại thì vẫn chỉ biết tiếp tục mưu giành những lợi nhuận khổng lồ, lo tích tũy những của cải mà không bao giờ là đủ. Chẳng những không muốn nghĩ về việc mình có nên bỏ ra một ít trách nhiệm nào đó hay không, mà ngược lại còn lớn tiếng chỉ trích phong trào công nhân và ý thức bảo vệ môi trường bắt đầu dần tự giác, như thể toàn bộ xã hội Đài Loan có lỗi với họ, vì thế họ mới phải lần lượt mang tiền tệ đầu tư ra bên ngoài.

Đây là lý do độc ác mà đường hoàng về hình thức làm sao! Trên thực tế, ý đồ thực sự vẫn là được tận hưởng đầy đủ đãi ngộ tốt nhất, nếu phải chịu đôi chút kiểm soát, kháng nghị thì họ sẽ đường hoàng mà đi, đi tìm kiếm một môi trường đầu tư giống như Đài Loan trước đây, đó là vừa có lao động có thể bóc lột với giá rẻ, lại vừa là mảnh đất có thể chà đạp tùy thích, là chính quyền có thể cung cấp những đặc quyền và sự bảo hộ đặc biệt, để theo đuổi lòng tham của cải vô giới hạn của họ.

Đến cả anh, người bạn tốt xuất thân là con em nhà nông, sau khi giàu có rồi, cũng chuẩn bị vẫy chào Đài Loan, làm sao không khiến tôi cảm khái sâu sắc.

(7)

Kỳ thực, phong trào di dân của Đài Loan đã có từ lâu, hết đợt này đến đợt khác, chưa gián đoạn bao giờ, chỉ bởi vì tâm thế của người khách qua đường chưa từng an cư lâu dài trước nay vẫn đeo bám giai tầng thống trị.

Phong trào này lan sang những nhà tư bản thông thường, thậm chí cả những gia đình có điều kiện kinh tế tương đối khá giả cũng tiềm ẩn ý thức nguy cơ nặng nề, họ lần lượt ra nước ngoài đầu tư kinh doanh, nhập quốc tịch, chỉ cần thấy thời cuộc không ổn định là họ vội vàng mang tiền bạc ra nước ngoài. Họ không muốn kiếm được ở đâu thì dùng ở đó. Chỉ là trước kia, phần lớn họ ra đi thăm lạng, còn bây giờ thì công khai hóa, rõ ràng hóa, thậm chí còn đi hiên ngang.

Chính tâm lý khách qua đường coi Đài Loan chỉ như nhà trọ ấy, mà mấy chục năm nay, phong trào này tiếp tục lan rộng, vì thế lòng người chên chao, không yên ổn. Điều bất công nhất là tất cả quyền lợi, quyết sách, chính sách chung quan trọng nhất của Đài Loan trong mấy chục năm qua phần lớn đều nằm trong tay những người khách qua đường này, bởi vậy rất nhiều giải pháp đều chỉ nhìn vào cái lợi trước mắt, bất cứ chuyện gì có lợi thì làm, không suy nghĩ cho tương lai lâu dài. Thói quen đầu cơ trục lợi, chỉ vì cái lợi trước mắt lan tràn khắp cả xã hội, hủy hoại nghiêm trọng đạo đức luân lý của người Đài Loan, ăn mòn đến tận gốc rễ của Đài Loan.

Tôi tin rằng bất cứ người nào cũng đều có quyền được chuyển đi. Tôi cũng tin rằng, chắc chắn anh không phải chỉ quan tâm đến lợi ích riêng, mà là anh quá thất vọng với thể chế chính trị, với hiện thực xã hội của chúng ta. Giữa đi và ở, chắc chắn nội tâm anh đã phải đấu tranh, giằng vò rất nhiều. Thế nhưng, đi luôn chắc chắn là việc nhẹ người dứt khoát nhất, nhưng đối xử với mảnh đất Đài Loan đã sinh ra anh, nuôi dưỡng anh, dạy dỗ anh như thế, có phải không công bằng hay không?

Bất luận con người lập thân ở đâu, đều nên có tình nghĩa tối thiểu, chưa nói đó là quê hương của mình. Chính bởi vì xã hội Đài Loan đã lây nhiễm quá nhiều bệnh cần chữa trị khẩn cấp, nên bắt rễ tại quê hương, báo đáp quê hương, đem những lý tưởng trong sáng đã từng tin tưởng từ thời tuổi trẻ để hiện thực hóa nó, mới là việc bức thiết, mới là việc có ý nghĩa nhiều hơn.

Năm 1990,

in trong Không hồi hận

Nguyễn Thu Hiền dịch.

Suy nghĩ và hành động

Quý văn hóa liên giới do nhà thơ Chung Kiều điều hành tổ chức hàng loạt tọa đàm văn học vào năm 1999, mỗi tuần mời một nhà thơ, nhà văn đến nói chuyện về tác phẩm của mình, tôi cũng được mời đến vào nói chuyện một buổi vào cuối tháng Năm. Người nghe rất ít, ít tới mức tôi cảm thấy khó xử, đây là trải nghiệm tôi chưa từng dự liệu tới. Có điều, hiếm có dịp nào đi lên phía Bắc, mục đích chính vẫn là nhân cơ hội này cùng bạn văn tụ họp, đàm đạo. Sau khi bữa tiệc buổi tối kết thúc, một vài người bạn trẻ như Dương Độ, Tư Nhạc, Chiêm Triệt, Văn Bân... cùng tề tựu ở nhà Chung Kiều nói chuyện văn chương.

Dương Độ nhắc đến chuyện mấy hôm trước về miền Trung, khi đưa con trai đi tham quan Trung tâm giáo dục bảo vệ sinh vật đặc biệt Đà Loan ở Tập Tập, Nam Đầu thì bắt gặp một tấm pano lớn có chép thơ của tôi. Dương Độ cười và nói thêm một câu: “Tôi nói với con trai tôi, đây là thơ của bạn bố viết đấy!”.

Tôi tỏ ra không hiểu chuyện gì, Dương Độ có phần nghi hoặc:

“Chẳng lẽ người ta không hỏi ý kiến anh trước à?”.

Thực sự là lần đầu tiên tôi nghe đến chuyện này, vì thế khiến tôi vô cùng tò mò.

Kỳ thực từ xưa tôi đã muốn đi thăm trung tâm ấy.

Chỉ bởi vì, cô Nguyệt Chiêu là nhân viên bưu điện ở bưu cục làng tôi đặc biệt có sở thích đi du lịch, cô ấy biết tôi là giáo viên dạy sinh học nên sẽ đặc biệt có hứng thú với mấy trung tâm kiểu như vậy, nên đã nhiều lần giới thiệu cho tôi. Còn hôm nay, lại có thêm “nguyên nhân hấp dẫn” khiến tôi càng không muốn chần chừ thêm, tôi bèn chọn một ngày nghỉ để lập tức lên đường.

Thị trấn Tập Tập cách nhà tôi khoảng một giờ đồng hồ đi ô tô, nói chung tương đối tiện lợi. Tôi và vợ tôi đến Trung tâm giáo dục bảo vệ sinh vật đặc biệt Đài Loan, chúng tôi vào trong trước, vừa đi tham quan, vừa tìm kiếm.

Sau cùng chúng tôi chợt phát hiện thấy ở góc cuối hành lang tầng 2, có bức pano chép khổ thứ 4, thứ 5 trong bài thơ Hã ngăn cản họ của tôi.

Hóa ra đây là một hệ thống các bức pano, có tất cả mười hai bức, mỗi bức đều đánh số thứ tự và ghi dòng chữ “Suy nghĩ toàn cầu - hành động cơ bản”, các bức này được treo trên tường của các lối đi dọc hành lang.

Tôi nói với người thuyết minh tôi là giáo viên dạy sinh học ở trường cấp 2, tôi rất hào hứng với những tư liệu này, họ rất nhiệt tình giải thích tường tận cho tôi.

Vài hôm sau, tôi nhận được một quyển sách nhỏ do họ gửi tới, bao gồm tất cả các nội dung chia theo ba phần “lịch sử bảo vệ giáo dục thiên nhiên Đài Loan”, “danh sách những người bảo vệ giáo dục nổi tiếng”, “suy nghĩ toàn cầu – hành động cơ bản”. Bài thơ của tôi đánh số thứ tự 9.

Có người muốn trích dẫn thơ của tôi, đó là niềm vinh hạnh đối với tôi, họ có biết tôi hay không, điều ấy không quan trọng. Điều tôi để tâm nhất là, những câu thơ như thế thực sự có tác dụng hay không?

Cho đến nay, Hã ngăn cản họ là bài thơ dài nhất của tôi, cũng là một bài thơ mà câu chữ trong cả bài “dữ dội” nhất. Bài thơ có khoảng 100 dòng,

được đăng trên tạp chí Văn học hiện đại vào tháng 10 năm 1981. Người bạn của tôi là Mạc Du đã từng viết lời giới thiệu thế này: “Nội dung chính của bài thơ nhấn mạnh đến việc phải yêu thương hòn đảo như mẹ của mình, bất cứ một hành vi, biện pháp nào làm tổn hại đến sự sinh tồn của xã hội đều là đối tượng để chúng ta ngăn chặn, đây là tiếng lòng của tác giả quan tâm đến văn hóa xã hội”.

Tuổi ngày càng lớn, hiểu biết về môi trường sống ngày càng nhiều, suy nghĩ ngày càng nhiều, quả thực cũng ngày càng nhiều nỗi ưu tư không che giấu được.

Hiếu là nền tảng của sự quan tâm, sự quan tâm là khởi đầu của hành động, thế nhưng từ hiếu đến quan tâm đến hành động, có bao nhiêu khoảng cách? Thực hiện hành động như thế nào mới thực sự phù hợp với tiêu chuẩn lời nói đi đôi với việc làm đây?

Cách một ngày sau hôm tôi được mời lên miền Bắc diễn thuyết, trường Đại học Sư phạm Chương Hóa tổ chức một hội thảo về thi học. Khi giáo sư Thi Ý Lâm trình bày về mối quan tâm chính trị từ nhẹ nhàng đến mạnh mẽ trong tác phẩm của tôi, nghe nói có một giáo sư văn học trẻ tuổi trong vai trò là người thảo luận đã tỏ ra nghi hoặc: “Đã quan tâm đến chính trị như thế, tại sao không trực tiếp tham gia bầu cử?”.

Đây là lô-gíc suy nghĩ của một “giáo sư văn học” hay sao? Đương nhiên là ông ấy đang nói đùa, không cần phải bàn đến. Thế nhưng từ suy nghĩ đến hành động, quả là điều cần chúng ta đi sâu tìm hiểu.

Làm thơ có tính là một loại hành động không?

Hoặc giả, tham gia vào công việc thực tế thì mới là hành động? Hàng ngày chúng ta đều có công việc và trách nhiệm của riêng mình, những lĩnh vực mà chúng ta quan tâm lại rộng lớn như thế, làm thế nào để việc gì cũng

tham gia hành động? Hơn nữa tham gia ở mức độ nào, với tiêu chuẩn ra sao thì mới tính là đủ đây?

Bất luận thế nào, nếu có thể tích cực hơn, tận tâm hơn tham gia vào việc bảo vệ môi trường tự nhiên, thế thì khi chúng ta đọc bài thơ này, chúng ta sẽ thấy có thêm sức mạnh, sẽ càng đủ lý do để ngẩng cao đầu!

Năm 2000,

in trong Một bài thơ, một câu chuyện

Nguyễn Thu Hiền dịch

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Khúc Song Tấu 12: Tôi Không Nói Chuyện Với Anh

Tôi không nói chuyện với anh về nghệ thuật thơ

Không nói với anh về những ẩn dụ rối rắm

Xin hãy rời khỏi thư phòng

Tôi dẫn anh ra cánh đồng bao la tản bộ

Đi xem những chồi non ở khắp nơi

Đã nỗ lực sinh trưởng thâm lặng thế nào

Tôi không nói chuyện với anh về cuộc đời

Không nói với anh về những tư trào thâm sâu, huyền bí Xin hãy rời
khỏi thư phòng

Tôi dẫn anh ra cánh đồng bao la tản bộ

Để chạm tay vào nước sông mát lạnh

Đã lặng thầm tưới tắm cho ruộng đồng ra sao

Tôi không nói chuyện với anh về xã hội

Không nói với anh về những giành giật đau đớn tâm can Xin hãy rời
khỏi thư phòng

Tôi dẫn anh ra cánh đồng bao la tản bộ

Đi thăm từng người nông dân
Đã thăm lặn vừa quệt mồ hôi vừa cày ruộng thế nào
Anh sống lâu nơi đô thị ồn ào nhộn nhịp
Nào nghệ thuật thơ, nào cuộc đời, nào xã hội
Người ta đã tranh cãi rất lâu rồi
Đây là ngày xuân vội vã gieo trồng
Còn anh hiếm khi mới tới nông thôn
Tôi dẫn anh ra cánh đồng bao la tản bộ
Để cảm nhận ít nhiều làn gió xuân
Đã thổi dịu dàng trên mặt đất rộng lớn thế nào.
Tháng 5 năm 1982,
in trong Văn học Trung Hoa và nước ngoài
Nguyễn Thu Hiền dịch.
Phỏng tác - “Tôi không nói chuyện với anh”.

(1)

Ngày 25 tháng 6 năm 2017, Ủy ban huyện Nghi Lan tổ chức Lễ trao giải thưởng văn học nhi đồng Lan Dương lần thứ 12 và giải thưởng văn học thiếu niên Lan Dương lần thứ 6, không ngờ có người phát hiện ra tác phẩm được giải Nhất thơ nhi đồng lớn tuổi Tôi không nói chuyện với anh không chỉ có tên gọi lấy từ thơ của tôi, mà kết cấu loại thơ cũng tương tự, gần như trùng hợp, do vậy bị nghi ngờ là sao chép, việc trao giải liệu có phù hợp

không, đối với các thí sinh khác tham dự có công bằng hay không. Vấn đề này đã gây ra nhiều tranh luận, các quan điểm rất trái ngược nhau. Khi phóng viên đến phỏng vấn tôi, hỏi về suy nghĩ của tôi, tôi bèn đem tác phẩm được giải và “nguyên tác” ra so sánh. Suy nghĩ đầu tiên chỉ có thể trả lời một cách đơn giản: Đây rõ ràng là phỏng tác chứ không phải sao chép. Tuy toàn bộ bài thơ đều “mượn” cấu trúc câu, âm vận, giọng điệu của tôi nhưng vẫn có nội hàm riêng mà tác giả muốn biểu đạt. Khác biệt lớn nhất là chủ đề mà tôi nói tới là nghệ thuật làm thơ, nhân sinh, xã hội, còn chủ đề tác phẩm được giải này chỉ tập trung vào các vấn đề về ô nhiễm, xói mòn, bảo vệ môi trường.

Về việc trao giải thưởng có phù hợp hay không, suy cho cùng tôi cũng tính là “người trong cuộc” nên không tiện thể hiện ý kiến. Tôi cũng không phải giám khảo, cũng chưa đọc những tác phẩm dự thi khác, nên không thể so sánh, đánh giá được.

Đối mặt với những nghi vấn nói trên, đơn vị tổ chức đã xử lý thế nào?

Phòng Giáo dục huyện Nghi Lan mời hội đồng giám khảo đến mở một cuộc họp gấp, quyết nghị của cuộc họp đã hủy danh hiệu giải thưởng cao nhất, đổi thành “tác phẩm hay” và đưa tin làm rõ: Thẩm định tác phẩm của học sinh đồng thời so sánh với tác phẩm của Ngô Thịnh, thành viên hội đồng giám khảo cho biết tác phẩm của học sinh này thông qua việc quan sát và quan tâm đến môi trường rừng rậm kết hợp với vấn đề bảo vệ môi trường, ô nhiễm, xói mòn, biến nó thành điểm tiếp cận ấm áp, thu hút của tác phẩm để kêu gọi mọi người yêu thương thiên nhiên. Tác phẩm của học sinh này quả thực rất độc đáo, là tác phẩm hay có những luận điểm mới mẻ, thể hiện sự quan tâm đến các vấn đề xã hội, đáng tiếc là về mặt hình thức có phần rập khuôn. Tuy nhiên từ quá trình học tập để phỏng tác đến động lực viết ra, hội đồng giám khảo nhận thấy đây xứng đáng được đánh giá là tác phẩm hay, hội đồng muốn cổ vũ học sinh tiếp tục viết, hy vọng việc dạy

sáng tác thơ có thể định hướng sáng tác, thay cho phỏng tác, mở rộng năng lực của em hơn”.

Bản quyết nghị và làm rõ này có thể nói “tương đối chu toàn”, nhưng vẫn tiếp tục gây ra tranh luận. Theo báo đưa tin: “Thầy giáo dạy Quốc văn trung học phổ thông đã về hưu, nhiều năm tham gia công việc giảng dạy Quốc văn, đồng thời nguyên là đại biểu quốc hội của huyện Lại Thủy Đình nhận định, nếu trước đó không phát hiện ra đây là tác phẩm phỏng tác, bây giờ lại sửa thành tác phẩm hay, liệu có thích hợp để bàn đến không. Kỳ thực có thể nghĩ đến việc chọn thêm một giải Nhất đồng hạng với giải này là được và giải thích rõ tác phẩm giải Nhất trước đó là phỏng tác, để tránh làm ảnh hưởng đến người được giải đầu tiên”.

Theo quan điểm của thầy Lại Thủy Đình, trong quá trình thẩm định, hội đồng giám khảo lẽ ra phải biết đó là tác phẩm phỏng tác, nếu đã không hoàn thành trách nhiệm trước, thì sau khi sự việc xảy ra, không nên phủ định kết quả đánh giá của chính mình.

Nếu yêu cầu hội đồng giám khảo “đánh giá nghiêm khắc” như thế, quả thực là “sức nặng khôn kham”, qua sự việc này có thể thẳng thắn cho rằng, ra được kết luận là nhiệm vụ bất khả thi. Tại sao như vậy?

(2)

Tác phẩm Tôi không nói chuyện với anh, được đăng trên tạp chí Văn học trong ngoài tháng 5 năm 1982, được đưa vào tập Tuyển thơ 71 năm của Nhà xuất bản Nhã Nhã. Hơn chục năm này, nó thường được chọn đưa vào những tuyển tập thơ quan trọng, cũng thường xuyên được trích dẫn. Bài thơ cũng từng được dùng làm câu hỏi thi trắc nghiệm môn Quốc văn ở bậc Đại học. Năm 2008, ca sĩ Ngô Chí Ninh đã cho ra một CD thơ - ca có tên Gánh vác ngọt ngào, trong đó tập hợp các bài hát do chính ca sĩ phổ nhạc từ thơ của tôi, Tôi không nói chuyện với anh là một trong số đó, bài này do ca sĩ trẻ nổi tiếng Trương Huyền biểu diễn, nhận được sự yêu thích của không ít

fan hâm mộ. Hơn thế nữa, nhiều năm trước, bài thơ này đã được đưa vào sách Quốc văn THPT do Nhà xuất bản Nam Nhất ấn hành và bài khóa sách Quốc ngữ dành cho Tiểu học do Hàn Lâm xuất bản.

Những người nhận nhiệm vụ giám khảo đánh giá về tác phẩm thơ trong nhóm giải thưởng văn học không nhất thiết phải là người sáng tác thơ, nhưng chắc chắn phải là người “có đọc thơ”. Thế nhưng, một tác phẩm cũng được coi là “có chút danh tiếng nhỏ” như vậy, hiện vẫn còn đang được “lưu truyền chút chút”, mà ba vị giám khảo lại thừa nhận là “quả thực không biết rằng tác phẩm này phỏng tác từ tác phẩm của thầy Ngô Thịnh”, cũng tức là họ chưa hề đọc, cũng chưa hề nghe đến tác phẩm này, cũng hoàn toàn không có ấn tượng gì về tên gọi Tôi không nói chuyện với anh, vậy thì quá trình thẩm định mới không có bất cứ cảnh giác, nghi ngờ nào.

Vậy thì, từ khi có thơ mới, các nhà thơ nước ngoài (được dịch), không tính các nhà thơ gốc Hoa ở Trung Quốc đại học, Hồng Kông, Ma Cao, Phi-lip-pin, Sing-ga-po..., chỉ tính các tập thơ do Đài Loan xuất bản, có ít nhất vài ngàn tập, thử hỏi các vị giám khảo đánh giá giải thưởng văn học trong nhiều năm đã đọc được bao nhiêu cuốn? Chưa nói đến những sáng tác thơ đăng trên các loại báo, tạp chí, chưa tập hợp thành sách, mỗi năm ít nhất cũng có khoảng vài ngàn bài, có vị giám khảo nào chăm chỉ đọc được nhiều thơ đến như thế? Đừng nói đến những tác phẩm là phỏng tác, sao chép, việc ấy rất khó, có thể nói là nhiệm vụ bất khả thi.

Nghe nói số người làm thơ ở Đài Loan nhiều hơn rất nhiều lần số người đọc thơ, có những nhà thơ gần như không đọc thơ của người khác, nhiều nhất cũng chỉ đọc những tác phẩm của các nhà thơ thuộc các nhóm. Tôi từng gặp những “nhà thơ trẻ” cho đến nay đang hoạt động tương đối sôi nổi, qua chuyện trò tôi mới biết họ đến cả “tác phẩm kinh điển” của các nhà thơ tiền bối cũng không biết, hoặc cũng không thấy “tò mò” muốn tìm đọc. Quả thực tôi vô cùng kinh ngạc.

Đặc biệt là sau khi “thơ trên mạng” phát triển, mọi người đều có thể “đăng” thơ bất cứ lúc nào, không cần phải trải qua công đoạn gửi bài, lựa chọn, tiện dụng tới mức tràn lan. Cũng giống như nhiều người chỉ cần phát biểu “ý kiến xã hội” nhưng lại không muốn lắng nghe, thấu hiểu ý kiến của người khác. Rất nhiều người chỉ “thích làm thơ”, chìm đắm trong sự tán dương lẫn nhau ở “nhóm” của mình, tự thỏa mãn, nhưng lại không đủ kiên nhẫn để đọc thơ của người khác, cũng không có hứng thú đọc cho tử tế một vài tập thơ.

Mà các bạn có biết ở Đài Loan hiện nay có bao nhiêu giải thưởng văn học không? Mười, hai mươi năm trở lại đây, từ các tòa soạn báo, tạp chí, các công ty tư nhân đến các cơ quan chính quyền từ trung ương đến địa phương, rồi thì các trường đại học, trung học đua nhau mở ra các “giải thưởng văn học cấp huyện thị”, “giải thưởng văn học toàn quốc”, “giải thưởng văn học Hoa ngữ toàn cầu”... tên gọi bạt ngàn, chủ trương đều là “cổ vũ sáng tác văn học, bồi dưỡng nhân tài sáng tác”...

Hàng năm, các giải thưởng văn học nhiều như thế, tất nhiên có tác dụng thúc đẩy rất lớn để cổ vũ cho sáng tác. Có điều, tất cả mọi sáng tác, chẳng phải cần bắt nguồn từ việc đọc trước, tiếp thu dưỡng chất, tích lũy năng lượng hay sao? Thế nhưng, theo quan sát trong nhiều năm của tôi, thiếu sót lớn nhất của việc dạy học các môn văn sử đó là quá chú trọng đến việc trích dẫn, phân tích văn bản, rất ít hướng dẫn người học tiếp cận trực tiếp với tác giả, tác phẩm, bao gồm cả việc bản thân người dạy cũng rất ít rèn luyện thói quen đọc sách.

Chỉ có duy nhất việc đọc mới là cái gốc rễ của năng lực văn chương, của việc trau dồi văn chương. Nếu không bắt đầu từ việc rèn luyện thói quen đọc, tạo dựng nền tảng phong phú, thì liệu có phải trở thành bở gốc lấy ngọn? Tôi đột nhiên nghĩ rằng nên chẳng có thêm giải thưởng “Cảm nhận sau khi đọc thơ” hay không?

(3)

Về cách thức xử lý của đơn vị tổ chức giải thưởng văn học Lan Dương, “hủy danh hiệu giải Nhất, hạ thành tác phẩm hay nhất”, có ý kiến khác “không dám tùy tiện đồng ý”, kiên quyết chủ trương “tác phẩm liên quan đến vấn đề sao chép, cần phải hủy tư cách được trao giải”, lý do là “số chữ và quy cách của thơ mới rất dễ vì mô phỏng mà sau cùng lại trở thành sao chép, nếu vì thế mà có thể được giải, tiền lệ này mở ra, sau này rất khó tìm ra những cây bút nhỏ tuổi thực sự có sáng tạo, có đóng góp mới mẻ”. “Đứng trên lập trường sáng tác văn học không cho phép bất cứ sự mô phỏng và sao chép nào, kiến nghị sau này trong tiêu chuẩn lựa chọn phải làm rõ, đặc biệt là các thầy cô hướng dẫn không được vì muốn cho học sinh đạt giải mà gửi những tác phẩm phỏng tác cho đủ số lượng..., còn nếu các tác phẩm phỏng tác khi phát hiện ra liên quan đến sao chép, cần phải hủy tư cách trao giải mới là cách làm đúng đắn”.

Trên thực tế, phỏng tác như thế nào, mô phỏng đến mức độ nào thì mới tính là “liên quan đến sao chép”? Làm thế nào để xác định được điều đó? Nội hàm chúng ta có thể bàn luận đến đó quả thực vừa rộng vừa phức tạp.

Mỗi một người cầm bút, ai mà không tiếp thu, vận dụng, chịu những ảnh hưởng nào đó từ việc đọc cần mẫn? Ai chẳng từng trải qua việc cố tình hoặc vô ý bắt chước theo những tác giả hoặc tác phẩm mà mình đặc biệt yêu thích?

Ví dụ nổi tiếng nhất là bài thơ Trong giang hồ của nhà thơ Dư Quang Trung sáng tác vào năm 1970, đây là sự “thoát xác” từ bài hát Bay trong gió của ca sỹ nhạc đồng quê người Mỹ Bob Dylan, việc mô phỏng hình thức rất rõ rệt. Ở cuối bài thơ, Dư Quang Trung ghi rõ: “Các câu lặp lại trong bài thơ này lấy từ bài hát Blowin’ in the wind của ca sỹ nhạc đồng quê và nhà thơ trẻ tuổi tài hoa nhất nước Mỹ Bob Dylan”.

Mối quan hệ giữa mô phỏng và sáng tác, đã có nhiều người bàn đến, mỗi người một cách lý giải. Thành tựu của nghệ thuật vốn nằm ở sự sáng

tạo, đó là điều không thể nghi ngờ, có người phản đối mô phỏng, chủ trương phải phát huy theo tài năng của mình, nhưng cũng có người chủ trương sáng tạo là thứ không phải thứ tự nhiên sinh ra mà có, bắt buộc hoặc không ngại bỏ thời gian để mô phỏng, rèn luyện từng bước để kỹ thuật sáng tác trở nên thành thục, sau đó mới tạo ra được cái mới, chuyển hóa thành phong cách độc đáo của riêng mình, điều kiêng kỵ nhất là sự rập khuôn, bị trói buộc bởi việc mô phỏng.

Tác giả của tác phẩm đạt giải Nhất về thơ mới của Giải thưởng Văn học nhi đồng Lan Dương đã nói rõ trong bài phát biểu cảm nhận khi đạt giải: “Việc đạt giải thưởng lần này là do thầy giáo có giao một bài tập yêu cầu chúng em mô phỏng lại kết cấu văn học của một bài khóa để hoàn thành một bài văn khác...”, rất rõ ràng là thầy cô giáo đã hướng dẫn học sinh viết thơ mới trên lớp, mô phỏng lại thể thơ của tôi, nhưng trong nội dung, chủ đề và việc sử dụng câu chữ, em có suy nghĩ của riêng mình.

Thành viên Hội đồng giám khảo đã khẳng định rằng: “Tác phẩm về luân lý như vậy, đến cả tác phẩm của người trưởng thành cũng còn rất hiếm gặp, mà những đứa trẻ của chúng ta đã biết ngẩng cao đầu, biết dũng cảm viết ra như thế”, tuổi còn nhỏ mà đã biết quan sát về môi trường tự nhiên xung quanh, về tinh thần nhân văn, trải nghiệm sâu sắc tính quan trọng của việc bảo vệ đất và nước và thể hiện được một cách rõ ràng, điều này rất hiếm có. Tuy nhiên, cần nhớ rằng mô phỏng là để sáng tạo, sau này cần tìm kiếm hiện thực và chủ đề mới, sáng tạo ra hình tượng và hình thức mới, để từ đó chắt lọc ra những câu thơ mới, giàu sức sống từ ngôn ngữ của đời sống.

Sự việc lần này, điều tâm đắc giản dị của tôi là, tôi nghĩ người mới làm thơ nếu chú tâm ngẫm nghĩ về kết cấu, câu thơ, âm vận, hiểu sâu sắc về nội hàm của những tác phẩm nổi tiếng của các nhà thơ, “mượn hình thức của người khác, để thể hiện nội tâm của mình”, thì cũng là một cách học làm thơ sơ khởi.

Tuy nhiên, nếu tham gia dự thi thì bắt buộc phải chú thích rõ ở cuối bài thơ đây là tác phẩm phỏng tác, để các thành viên giám khảo đối chiếu, phán đoán xem liệu tác phẩm có điểm gì mới, riêng biệt hay không, có xứng đáng được trao giải hay không.

(4)

Thần tình yêu sinh ra từ bọt sóng biển, thơ ca cũng bắt nguồn từ kinh nghiệm sống thực tế được tích lũy qua nhiều năm tháng. Việc sáng tác mỗi một bài thơ, từ ý tưởng, thai nghén đến bản thảo đầu tiên, sửa chữa hoàn thành đều chứa đựng trong đó tích lũy văn hóa và tình cảm phong phú, đa dạng của tác giả, thường là biểu hiện của vô thức, đặc biệt là những cảnh giới sâu thẳm yếu đuối, bản thân tác giả cũng chưa chắc có thể phân tích rõ ràng.

Tìm về nguyên khởi, bối cảnh sáng tác của bài Tôi không nói chuyện với anh, tức cái gọi là nguồn gốc của “linh cảm” đại thể có vài yếu tố sau đây.

Thứ nhất, tôi sinh ra ở nông thôn, lớn lên ở nông thôn, sinh sống ở thôn thôn, những cánh đồng bao la là nơi tôi an thân lập mệnh từ khi còn nhỏ, là khung cảnh đời sống gần gũi nhất với tôi. Ngoài việc đi học, dạy học, đích thân tôi tham gia vào việc làm ruộng, làm bạn với những nông dân, tôi có những trải nghiệm thiết thân về vẻ đẹp của thiên nhiên, về sự quý báu của tinh thần cần cù lao động.

Thứ hai, tôi chịu ảnh hưởng sâu sắc từ sự giáo dục của mẹ tôi. Mẹ tôi cả một đời là người phụ nữ nông thôn “ngày ngày từ khi mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn gặt bó cùng đất ruộng”. Còn tôi được học hành đôi chút, từ nhỏ đã thích thể hiện ý kiến, ngày nào cũng nói không dứt miệng, mẹ tôi thường dạy tôi: Nói cái cày, mà không làm cái gàu nào; nói cái gàu, mà không làm cái muống nào. Nói một cách “trực diện” hơn có nghĩa là: nói

chuyện cái cày không bằng làm một cái gàu; nói chuyện cái gàu không bằng làm một cái muông.

Thực tiễn trở thành lời răn trong cuộc sống của tôi.

Chẳng hạn tôi không nỡ để mẹ mình vất vả thì tôi sẽ san sẻ bớt việc đồng áng; tôi quan tâm đến chính trị thì tôi tham gia phong trào dân chủ, tuyên truyền cho lý tưởng; tôi quan tâm đến môi trường thì tôi sẽ tham gia vào các hoạt động phản đối việc xây dựng không phù hợp; tôi kêu gọi trồng cây thì tôi sẽ tích cực trồng các loại cây nguyên sinh của Đài Loan trên chính mảnh đất của gia đình mình. Đồng thời tôi cũng không nề hà, kiên nhẫn thuyết minh, không từ bỏ bất cứ cơ hội giới thiệu, tuyên truyền nào.

Tất nhiên tôi không phải là người “bài tri thức”, cự tuyệt bàn bạc về các vấn đề như “nào nghệ thuật thơ, nào nhân sinh, nào xã hội”. Tôi cũng không có ý phê bình xã hội Đài Loan rằng có những người nói kinh nói đạo, nói thánh nói hiền, nói những chuyện huyền bí mà không có hành động thực tế nào. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng, lý thuyết có thể làm sâu sắc thêm ý nghĩa của hành động, nhưng chỉ có lý thuyết, không có hành động thì cũng chỉ là rỗng tuếch. Tôi thường xuyên nhắc nhở mình, lý thuyết phải đi liền với thực tiễn.

Thứ ba, khổ thứ nhất trong bài thơ này thể hiện quan niệm thơ cơ bản của tôi. Những năm 60, 70, vừa đúng vào tuổi thanh niên của tôi, sự phát triển của thơ mới Đài Loan thịnh hành quá mức phong trào thơ sâu xa, bí ẩn, thoát ly hiện thực, tôi rất không đồng tình. Khổ thứ hai là viết về phong cách văn hóa của khu vực lấy Đài Bắc làm trung tâm lúc đó, nói những thứ hão huyền về triết học phương Tây nào là chủ nghĩa tồn tại, chủ nghĩa hư vô, chủ nghĩa siêu thực..., tôi cứ luôn cảm thấy nó quá xa lạ với đời sống chân thực của người dân. Khổ thứ ba đã thúc đẩy “điểm bùng nổ” của bài thơ, đó là vào năm 1980. Năm này tôi nhận lời tham gia workshop quốc tế dành cho các nhà văn của Đại học Iowa, Hoa Kỳ trong bốn tháng. Tôi ở cùng một khu nhà với nhà văn Ngải Thanh, Vương Mông của Trung Quốc

và nhà phê bình Lý Di của Hồng Kông, chúng tôi thường xuyên cùng nhau tham gia các hoạt động, cùng nhau bàn luận về văn học nghệ thuật, đồng thời làm quen với những nhà văn Trung Quốc trong những năm 30, 40 đến làm khách ở Đại học Iowa như Thẩm Tùng Văn, Biện Chi Lâm, Viên Khả Gia...

Năm đó, Trung Quốc vừa kết thúc việc phán xét về mười năm Cách mạng văn hóa và việc mở cửa cho phép đi giao lưu ở nước ngoài mới được hai, ba năm. Trợ lý của tôi là một nữ Hồng vệ binh, học tiến tu ở một viện nghiên cứu của Đại học Iowa. Tôi được nghe, được đọc quá nhiều những câu chuyện bi kịch mà nhân tính biến dạng, đẫm máu và nước mắt, điều ấy thường khiến tôi rùng mình không ngớt.

Còn Đài Loan thì vừa xảy ra thảm sát chính trị “Sự kiện Formosa”, sự kiện còn đang được xét xử ở giai đoạn đầu thì lại tiếp tục xảy ra vụ án thảm sát gia đình nhà họ Lâm giữa ban ngày khiến người khác lạnh tóc gáy.

Những tai họa đau đớn tâm can ở nhân thế này liên tục tác động tới niềm tin về nhân tính, ý thức làng quê, đồng cảm văn hóa, tưởng tượng quốc tộc... của tôi.

Ôi, tôi không nói chuyện với anh, không tranh biện với anh, tranh biện căng thẳng đầu óc làm sao, xin hãy để tôi đưa anh đi tản bộ trên những cánh đồng bao la, kỳ thực cũng là đang kêu gọi bản thân hãy lao động nhiều hơn, gần gũi với thiên nhiên hơn, đừng lao vào vòng xoáy của những tranh luận rối rắm không có điểm dừng.

Tôi chỉ có thể hồi tưởng lại sơ qua về bối cảnh sáng tác , còn về phần đánh giá, bình luận về tác phẩm đều có thể đọc từ “Lời người biên tập” cuốn Tuyển thơ 71 năm, các nội dung hướng dẫn đọc in trong các loại tuyển tập thơ, các bài phân tích, bình giảng đã được đưa vào sách giáo khoa, sách giáo viên... Tôi đặc biệt muốn giới thiệu hai bài viết, một là Lặng lẽ của Ngô Đại Dĩnh và Lặng Tính Kiệt in trong sách Cuộc sống tốt

đẹp hơn, hai là bài Sức nặng của im lặng của Lâm Quảng in trong sách Tìm kiếm cánh đồng thơ.

Khi biên tập viên Nhà xuất bản Hàn Lâm liên hệ với tôi, xin ý kiến tôi đưa bài thơ này vào tập 12 sách giáo khoa Quốc ngữ cho bậc Tiểu học, tôi thực sự băn khoăn do dự. Lớp 6 Tiểu học, tuổi các em còn nhỏ, liệu có thể trải nghiệm được bao nhiêu phần đây?

Biên tập viên nói với tôi, xin thầy hãy yên tâm, chúng em đã bàn cẩn thận với nhau, chúng em cũng đã mời một số học sinh đọc qua bài thơ này đều không có vấn đề gì cả. Trong điện thoại tôi nghe ra tiếng cười, ý là đừng đánh giá thấp khả năng học của bọn trẻ bây giờ....

Vậy tôi xin gửi tới tất cả những người biên soạn, các nhà phê bình, các giáo viên và độc giả, những người yêu thích bài thơ Tôi không nói chuyện với anh lời cảm ơn sâu sắc.

Tháng 9 năm 2017,

Văn học vành đai muối

Nguyễn Thu Hiền dịch.

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Khúc Song Tấu 13: Đất Đen

Từ thưở bé thơ theo mẹ ra đồng

Mót lúa, nhặt khoai, hái cành rau dại

Từ ngày niên thiếu theo mẹ ra đồng

Cắt cỏ, gánh mạ, trông chừng nước ruộng

Từ lúc thành niên theo mẹ ra đồng

Cày bừa, cấy hái, bón phân

Trên dải đất mênh mông bên bờ sông Trọc Thủy
Mỗi dấu chân giẫm lên đất
Mỗi bóng hình in vào đất

Mỗi giọt mồ hôi rơi xuống đất

Là mầm rễ sinh sôi, cây nẩy lộc đâm chồi

Ngưng kết tình yêu tin vào mặt đất

Từng mùa từng mùa an nhiên canh tác

Mỗi tấc đất màu đen bên bờ Trọc Thủy

Từ mầm thành mạ đến tươi tốt xanh rì

Nâng đỡ niềm tin suốt đời của mẹ

Chấp cánh hồn tôi ngày niên thiếu thanh xuân

Hoa gì đây, cây trồng gì đó

Chúng ngày đêm sinh trưởng thế nào?

Bởi nhiệm sâu văn hóa ăn liền

Mà con cháu quê hương sống giữa lòng đất mẹ Lại ngơ ngác lắc đầu
trước câu hỏi của tôi Điều đó khiến tôi xiết bao kinh ngạc

Còn ai nhớ nữa không

Từ cày trâu bừa trâu cho đến máy cày

Từ mạ bôn mạ sào rồi lên máy cấy

Từ liềm hái, máy tuốt mới sang máy gặt

Mỗi bước gian nan của nghề trồng lúa

Sẽ chẳng còn khi hết đất để trồng

Còn dấu chân tôi, bóng hình và mồ hôi của tôi

Gắn bó không rời dải đất bên suối mênh mông

Dù phong trào kinh tế mãi khuếch trương

Đâm vào tình yêu đất quê hương khiến tôi đau đớn Từng tấc đất màu
đen tôi vẫn luôn nguyện giữ.

Năm 1996,

in trong Tuyển tập thơ Ngô Thịnh 1963-1999

Nguyễn Thanh Diên dịch.

Quê hương của đất đen - Sông Trọc Thủy và tôi

Tôi sinh ra trong một gia đình nông dân vùng đồng bằng Chương Hóa vào giữa những năm 40 của thế kỷ trước, cũng như đại đa số làng quê những năm 40, 50, gần nhà dân hầu hết đều có những kênh rạch lớn nhỏ chảy qua. Trong ý thức của lũ trẻ chúng tôi, không hề hiểu thế nào là sông Trọc Thủy, thế nào là con sông dài nhất Đài Loan, nhưng, những dấu chân nhỏ bé khám phá cuộc sống, vẫn bắt đầu từ những kênh rạch nhỏ gần nhà.

Chỉ láng máng biết rằng, bên ngoài đê chắn sóng ở ngoài cánh đồng xa nhà mình là một con sông lớn, dòng chảy men theo kênh mương xuyên qua cánh đồng, vòng qua làng, bước vào cuộc sống của chúng tôi. Trong ký ức, con mương nhỏ mà những người đàn bà giặt áo, bác nông dân rửa chân, rửa nông cụ lúc nào nước cũng chảy róc rách, từng đàn cá bơi lội tung tăng. Trước khi tôi biết rằng nó là sông Trọc Thủy, là con sông lớn nhất Đài Loan, cho dù cuộc sống của chúng tôi chỉ quanh quẩn ở vùng mút cuối của hạ du con sông, cuối sông Trọc Thủy, vẫn tràn đầy sức sống.

Nguồn của mỗi một con mương nhỏ, đều trực tiếp hoặc gián tiếp nối với con kênh lớn, kênh lớn chảy từ đông sang tây qua mé bắc làng, xuyên qua toàn xã cũng như mấy hương trấn lân cận, rồi đổ ra biển, hoàn thành tuần hoàn của một con sông.

Kênh lớn này là bể bơi của đám con trai trong làng, sau bữa cơm trưa mùa hạ, những đứa trẻ ham chơi, để tránh bị người lớn rầy la vì về nhà áo quần ướt sũng, đã cởi hết quần áo, kể cả chiếc quần đùi che phần nhạy cảm, thả mình xuống dòng kênh Lớn, đứa nào đứa nấy thể hiện kiểu bơi chó tự sáng tạo, lúc chìm lúc nổi theo thế nước, cả con kênh Lớn tràn ngập tiếng reo hò đuổi nhau nghịch nước.

Kênh Lớn vừa là bể bơi của chúng tôi, nhưng nó còn là “phương tiện giao thông” để chúng tôi trốn học về nhà. Nước kênh Lớn chảy từ đông sang tây, tuy hơi xiết, nhưng tốc độ dòng chảy ổn định, tựa như một băng chuyền êm trôi. Trường tiểu học của tôi đối diện với nhà tôi, thuộc phía đầu nguồn của kênh Lớn, cách làng khoảng ba cây số. Trẻ em nông thôn thời đó không có giày dép để đi, tất cả đều đi chân đất đến trường. Những con đường rải đá dăm sau khi vào hạ nóng bỏng rát, khiến cho việc đi lại rất vất vả, sau khi tan học, chúng tôi đều bỏ “đường bộ” mà đi “đường thủy”. Đám trẻ trai cả làng thỏa thuận ngầm với nhau, hễ tan học ra khỏi cổng trường, là chạy ra bờ kênh, cởi bỏ quần áo, cùng với cặp sách, đưa cho các em lớp dưới “nhát gan” hơn, hoặc là bạn nào oản tù tì thua phải đi “đường bộ” để “vận chuyển” quần áo, cặp sách cho mọi người. Đám trẻ trai không hề “trang bị” gì cứ thế nhảy xuống nước, “nằm ngửa” trôi theo dòng, khi đến cổng làng mới lên bờ, rồi lại mặc quần áo khô vào, trở về nhà như chưa có chuyện gì xảy ra. “Con đường” kênh Lớn vừa thuận tiện vừa mát mẻ, đúng là lợi cả đôi đường.

Công trình thủy lợi tưới tiêu cho đồng ruộng này, người làng hầu như không ai biết tên gọi của nó, mà gọi thẳng bằng cái tên “kênh Lớn”, mãi đến khi tôi hoàn thành sự nghiệp học hành trở về quê dạy học, làm ruộng, bắt đầu quan tâm đến “tư liệu quê hương”, mới dần dần hiểu về lịch sử của nó. Đùng tưởng nó tầm thường, trong lịch sử thủy lợi tưới tiêu cho đồng ruộng, con kênh lớn với tên gọi “Kênh Thích Tử” này hết sức nổi tiếng. Con mương tưới tiêu bắt đầu khai mở khoảng từ những năm Càn Long đời Thanh, đến đầu thời kỳ Nhật trị quy vào kênh công cộng, tiến hành thi công công trình, là kênh đào nhân tạo đầu tiên của Đài Loan do triều đình khai mở, diện tích tưới tiêu bao gồm toàn xã và mấy hương trấn lân cận.

Nguồn nước kênh Thích Tử dẫn từ sông Trọc Thủy, nhưng từ bờ đê sông Trọc Thủy kéo vào kênh Thích Tử là một khoảng cách khá xa, mỗi một đoạn lại không giống nhau, đối với làng tôi mà nói, đi bộ hết khoảng nửa tiếng, ruộng nhà tôi ở ngay trong cánh đồng rộng lớn này.

Trẻ con nông thôn phần lớn đều phải theo người lớn ra đồng làm giúp một số công việc, nhưng trẻ con làm việc thường mất tập trung. Những sắc màu phong phú của cuộc sống: bầy chim bay lượn trên trời, chú ếch nhảy nhót dưới đất, chùm quả dại mọc giữa ruộng, đàn cá tung tăng dưới nước..., tất cả đều trở nên đầy mê hoặc đối với con trẻ, dù lời dặn dò của người lớn luôn ở bên tai, nhưng vẫn không ngăn được chúng bỏ cả công việc mà chạy nhảy khắp nơi. Chúng tôi thường kết bạn chạy ra bờ đê sông Trọc Thủy chơi, ngày trước, đê chưa được đổ bê tông, cả triền đê là một thảm cỏ xanh rì, từ trên đê nửa lăn nửa trượt xuống bờ dốc dài đến dưới chân đê, rồi lại nhanh chóng chạy lên, trượt xuống, cứ chơi đi chơi lại như thế, suốt buổi chiều cả đám chơi không biết mệt. Cho đến tận bây giờ, tôi vẫn tin chắc rằng đây là chiếc cầu trượt lớn nhất, đẹp nhất thế giới.

Sông Trọc Thủy (1) có hẳn là nước của nó đục không? Không hẳn. Trừ những ngày mưa lũ, phù sa cuồn cuộn đổ về tạo thành dòng nước đục ngầu, còn bình thường lòng sông rộng đa phần là khô cạn, từng tảng đá xếp chồng xếp lớp, bãi cát ở khắp nơi, chỉ còn một vài dòng suối chảy xiết, nước trong tới đáy, không những có thể trông thấy những viên đá nhỏ dưới lòng suối, mà còn thấy rõ mồn một từng đàn tôm cua cá bơi lội tung tăng. Những sinh vật phong phú đa dạng dưới nước chứng tỏ sông Trọc Thủy thực sự là dòng nước chảy. Ở những chỗ có dòng nước chảy suốt, cá bụ bơi lội từng đàn, cá diếc, tôm... nhảy loạn xạ; còn ở chỗ vũng tương đối nhiều bùn, thì có lươn, chạch... chui rúc trong đó. Chúng tôi thường mang gầu đi bắt, tối hôm đó, trên bàn ăn có thêm món “thủy sản”, bữa tối thịnh soạn hơn nhiều.

Cho dù không dễ gì bắt được chúng, nhưng chỉ nhìn chúng bơi lội tung tăng, là đã thấy thích lắm rồi, huống hồ còn được thỏa sức đùa giỡn, niềm vui đơn thuần tinh khiết ấy, đến bây giờ vẫn khó có thể quên được.

Đảo Đài Loan có hàng trăm ngọn núi cao ngất, những dãy núi chạy dài dang dặc, mưa gió quanh năm, lượng nước dồi dào, những dòng sông con

suối lớn nhỏ rải khắp miền đồi núi, vắt ngang vùng đồng bằng, nước mênh mông khắp chốn, thai nghén những mầm xanh đầy sức sống, sinh sôi đời đời những con dân bám theo cỏ nước mà sinh sống, canh tác lao động. Trong ký ức của mỗi con em Đài Loan, ít nhiều đều có một dòng sông, một con suối gắn bó máu thịt, liên quan mật thiết, bất cứ lúc nào cũng có thể cất lên tiếng gọi của cội nguồn sinh mệnh. Nếu bỏ dòng sông ra khỏi bản đồ ký ức tuổi thơ của tôi, thì nhất định sẽ xuất hiện một khoảng trống lớn, không có cách gì tô màu vào mà lấp đầy chỗ trống đó được.

(1) [ND] “Trọc Thủy” nghĩa là “nước đục”.

Nếu tìm về cội nguồn, thì đâu là nguồn của sông Trọc Thủy? Từ bé, khi nghịch nước ở lòng sông rộng lớn đó, phóng tầm mắt về phía thượng nguồn ở đằng xa, nơi có dãy núi dài cao vút ở phía đông, đã gọi cho ta niềm mơ ước được khám phá đến cùng, ước mơ đó ngày càng cháy bỏng. Mặc dù cùng với sự tăng dần của tuổi tác thì hiểu biết về sông Trọc Thủy cũng được tăng thêm, nhưng mơ ước thì cuối cùng vẫn chưa được thực hiện. Mãi đến năm 2001, tôi nhận làm nhà văn thường trú tại huyện Nam Đầu, phối hợp thực hiện kế hoạch sáng tác trong vòng 1 năm, lúc này mới thực sự triển khai chuyến du lịch tìm hiểu sông Trọc Thủy.

Có thể nhiều người đều biết, sông Trọc Thủy là con sông dài nhất Đài Loan, tổng chiều dài khoảng 186km, nhưng nơi bắt nguồn của sông Trọc Thủy ở đâu? Nó chảy qua những huyện thị nào và đến những địa phương nào? Con em Đài Loan, những người thực sự biết điều đó e là không nhiều, nói gì đến việc hiểu bối cảnh nhân văn tương đối sâu của nó.

Xin giới thiệu qua về cả lưu vực sông Trọc Thủy: dòng gốc của nó, thường gọi là nơi bắt nguồn, là đèo Tá Cửu Gian nằm giữa đỉnh phía bắc núi Kỳ Lai và đỉnh phía đông núi Hợp Hoan. Từ điểm có độ cao 3200 mét so với mực nước biển, chảy qua Vạn Đại (Vụ Xã), Khúc Băng, Vạn Phong,

Vũ Giới thuộc địa phận huyện Nam Đầu, khu vực này gọi là hệ thống sông Vạn Đại, thuộc dòng chính sông Trọc Thủy.

Ngoài dòng chính, sông Trọc Thủy còn có ba nhánh lớn. Nhánh lớn thứ nhất là hệ thống sông Đan Đại, Quận Đại, hợp lưu với dòng chính ở dưới cầu Tôn Hải thuộc khu vực đình Ngũ Lý. Trong trận bão lụt năm 2004, cầu Tôn Hải bị nước lũ cuốn trôi, tấm ảnh lưu niệm đứng trước cầu Tôn Hải của tôi đã trở thành bức hình lịch sử không bao giờ có lại được.

Sau khi dòng chính sông Trọc Thủy hợp lưu với nhánh lớn thứ nhất, chảy tiếp qua thôn Địa Lợi xã Tín Nghĩa, thôn Nhân Hòa xã Thủy Lý, nước đổ xuống thấp đột ngột, hình thành eo Địa Lợi, chảy đến dưới cầu Long Thần xã Thủy Lý hợp vào sông Trần Hữu Lan thuộc nhánh lớn thứ hai.

Đoạn sông từ nơi bắt nguồn của dòng chính đến cầu Long Thần xã Thủy Lý, dòng chảy theo thế núi quanh co uốn lượn giữa núi rừng khe vực, thuộc vùng thượng nguồn lắm núi nhiều khe, nước chảy rất xiết.

Sau khi sông Trọc Thủy hợp vào sông Trần Hữu Lan, chảy qua các hương trấn Lý Thủy, Tập Tập, Dân Gian..., chảy quanh co uốn lượn đến mé tây Danh Gian, thì gặp sông Thanh Thủy từ dãy Vân Lâm đến, tức là nhánh lớn thứ ba, ở dưới cầu lớn Nam Vân giáp giới giữa Danh Gian và Trúc Sơn. Đoạn sông này có thể gọi là trung lưu.

Sông Trọc Thủy chảy qua dãy Sùng Sơn hiểm trở, đến chỗ tiếp giáp địa phận ba huyện gồm Trúc Sơn của huyện Nam Đầu, Lâm Nội huyện Vân Lâm, Nhị Thủy huyện Chương Hóa, thì chuyển hướng mà đi qua đồng bằng Chương Vân rộng lớn, hình thành ranh giới hai huyện Chương Hóa và Vân Lâm, bờ nam là xã Mạch Liêu huyện Vân Lâm, bờ bắc là xã Đại Thành huyện Chương Hóa, rồi chảy ra cửa biển, đó là hạ lưu.

Ba nhánh lớn là hệ thống sông Đan Đại, Quận Đại, sông Trần Hữu Lan và sông Thanh Thủy, lại có rất nhiều phụ lưu nhỏ, chẳng hạn hệ thống

sông Trần Hữu Lan là do suối Sa Lý Tiên, suối Lạc Lạc, suối Cầu Vòng, suối Bất Động núi A Lý Sơn, suối La Na, suối Quận Khanh bắt nguồn từ dãy núi Ngọc Sơn hợp lưu mà thành.

Ngoài ra còn có rất nhiều những phụ lưu độc lập, bao gồm khe Thanh Thủy, suối Đông Bộ Nhuế, suối Thủy Lý và vô số những dòng suối từ trong rừng núi chảy ra, làm phong phú cho lưu lượng nước và tăng thêm sức sống cho dòng sông Trọc Thủy này.

Việc hình thành một con sông lớn, cần sự hợp lưu của vô số những dòng nước nhỏ, có thể nó mới có thể cuộn cuộn chảy. Đài Loan với địa hình của một hòn đảo, khoảng cách giữa núi và biển cực kỳ ngắn ngủi, một khi mùa mưa đến, dòng nước xiết cuộn cuộn từ trên núi cao đổ xuống vùng đồng bằng, tứ bề mờ mịt, hình thành những nhánh lớn nhỏ hình dẻ quạt, không có dòng chảy cố định. Dòng chảy vùng hạ du sông Trọc Thủy thường thay đổi theo địa hình, cả đồng bằng Chương Vân đều được coi là lòng của sông Trọc Thủy, bốn nhánh chính tương đối lớn trên đồng bằng, từ bắc sang nam lần lượt là sông Đông Loa, Tây La, Đuôi Hồ, Bắc Cảng. Cho đến nay bản đồ lưu vực sông Trọc Thủy mà chúng ta thường thấy trên bản đồ, vẫn vẽ thành những dòng chảy quanh co hình lưới được hội tụ từ vô số những dòng sông nhỏ. Tuy nhiên, trên thực tế, công trình đê phòng hộ sông Trọc Thủy hoàn thành thời Nhật trị trăm năm trước, đã đóng khung dòng chảy lại trong sông Tây Loa, trở thành dòng sông đơn nhất, các nhánh khác chỉ là kênh phụ mà thôi.

Lộ trình dòng chính chảy ra biển, đi qua các hương trấn ở bờ bắc gồm Nhị Thủy, Khê Châu, Trúc Đường, Đại Thành thuộc địa phận huyện Chương Hóa, bờ Nam gồm Lâm Nội, Thích Đồng, Tây Loa, Nhị Luân, Luân Bối, Mạch Liêu thuộc huyện Vân Lâm; con đê ven bờ nối liền với đê biển, sau đó quay về eo biển Đài Loan.

“Gạo Trọc Thủy” nổi tiếng thơm ngon, không những “nức tiếng cảng trên, lừng danh cảng dưới” ở đảo Đài Loan, mà còn được khách hàng nước

ngoài hết sức ưa chuộng. Chính thứ thổ nhượng màu đen độc đáo của đồng bằng châu thổ sông Trọc Thủy đã hun đúc ra giống gạo hảo hạng cực phẩm này, những cánh đồng mênh mông đời đời canh tác bên bờ sông Trọc Thủy, trở thành vựa thóc nuôi dưỡng cuộc sống người Đài Loan. Tuy nhiên, những mảnh ruộng phì nhiêu ngày nay, tất cả đều được khai khẩn từ những bãi đất um tùm cỏ dại, rải đầy đá cuội.

Rốt cuộc đã trải qua bao nhiêu ngày tháng? Bao nhiêu mồ hôi xương máu của người dân đã đổ xuống, để vùng đất cần cỗi ven sông nhạt nhòa nước ngập, đá cuội chất chồng có thể tốt dần lên, trở thành những thửa ruộng phì nhiêu chuyên trồng lúa nước, rau màu?

Bao nhiêu tiền nhân đã lao động trên lòng sông, nhặt từng viên đá cuội, dùng xe bò chở đi, để nó trở thành đất cát bồi. Đất bờ sông có thành phần chủ yếu là cát, đầu tiên phải trồng các loại hoa màu chịu hạn như khoai lang, lạc, mía..., theo lịch trình canh tác năm này qua năm khác, không ngừng cho thêm phân bón, rồi tiếp tục nhặt những hòn đá cuội còn sót lại, cải tạo chất đất, mới trở thành những bờ xôi ruộng mật ngày nay.

Ngày trước, khi chưa xây đê phòng hộ, mỗi lần mưa lũ, nước sông lên to, ngập hết ruộng đồng, hoa màu thường không kịp thu hoạch, bị nước lũ nhấn chìm hoặc cuốn trôi, bao nhiêu tâm huyết phó cho dòng nước, rồi một lớp đá cuội hoặc bùn đất mới được phủ lên, lại phải cải tạo lại đất đai, việc đó gian nan vất vả thế nào không nói mọi người cũng biết.

Lòng sông vùng hạ du sông Trọc Thủy ngày nay rộng khoảng 2km, vẫn có không ít bà con cần mẫn, hàng năm vào dịp đầu xuân, mang theo tia hy vọng rằng mùa mưa không đến nổi đến quá sớm, ra khai khẩn những cồn đất tương đối cao để trồng những cây trồng thích hợp với loại đất cát như dưa hấu, ngô..., giành giệt với nước sông từng tấc đất để canh tác, đó chính là bức chân dung về khai khẩn đất trên lòng sông hàng trăm năm qua.

Cho đến nay ven sông vẫn có rất nhiều làng mạc, dùng “bãi phía đông”, “bãi phía tây” để gọi tên; cũng có rất nhiều tên gọi của làng có liên quan đến phương hướng, địa hình dòng chảy, như Khê Châu, Tam Điều Quyển, Khê Thổ, Thủy Vĩ, Quyển Liêu; hoặc vẫn dùng các tên như Khê Để, Khê Bộ, Hạ Thủy Bộ...

Việc khai khẩn đất lòng sông chủ yếu là dựa vào việc xây dựng công trình thủy lợi, xây đập, đào kênh mương, dẫn nước sông Trọc Thủy tưới cho đồng ruộng, để có lợi cho canh tác. Còn bãi đất giữa sông hoang vu, có vô vàn đá nhặt không hết, cỏ dại trừ bỏ không xuể, phí thời gian sức lực, hơn nữa còn có những “ruộng sục” để khiến người, gia súc sa vào. Hồi còn trẻ, tôi vẫn thường thấy một số khoảnh ruộng địa thế tương đối thấp trũng, đã xảy ra tình trạng nguy hiểm này rồi.

Cải tạo đất, ngoài việc không ngừng bón phân, còn có phương pháp tự nhiên giản tiện nhất, đó là dẫn nước từ sông Trọc Thủy tưới cho đồng ruộng. Nước sông này chứa rất nhiều phù sa đen từ miền núi thượng nguồn đổ về, có thể lắng xuống ruộng, càng lắng càng dày, trở thành loại đất phì nhiêu.

Sông Trọc Thủy, mạch máu chính của vùng Trung Đài Loan, kéo dài ra vô số nhánh huyết quản nhỏ, tưới cho những cánh đồng rộng lớn. Đời sống nông nghiệp cố nhiên khó làm nên kỳ tích, khó làm ra vinh hoa phú quý, nhưng đã nuôi dưỡng chúng ta, sinh sôi con dân đời đời kiếp kiếp. Giẫm lên mảnh đất này, nghĩ về công khai khẩn cần mẫn vất vả của tiền nhân, ân trách của mặt đất này đáng dựa dẫm tin cậy như vậy, chẳng lẽ chúng ta không kính cẩn nghiêng mình?

Năm 2005

Tạp chí Nguồn nước mới số 1

Nguyễn Thanh Diên dịch.

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Khúc Song Tấu 14: Chúng Tôi Cũng Có Nỗi Nhớ Quê Hương Của Mình

Nỗi nhớ quê hương, đó có phải là cảm hứng thơ thịnh hành nhất

trên hòn đảo bé nhỏ không?

Là điệu nhạc lãng mạn

mà những đứa con ngao du khắp chốn

Vẫn truyền tụng dai dẳng

Nỗi nhớ quê hương, có dáng hình gì?

Là nỗi cô quạnh nơi thăm sâu tâm hồn

Là nỗi đắng cay của phận lưu lạc như bèo nổi

Hay là cái cố khước từ hòn đảo

Từ những tiếng gọi của vùng sông nước như mơ

Biến thành cảnh đẹp diễm lệ của vùng đất mới

Trên hòn đảo bé nhỏ này

Tô tem và ký ức hoang đường

Luôn đi kèm với nỗi nhớ quê hương, bán tháo với số lượng lớn

Chúng tôi lăn lộn lớn lên trong bùn đất

Tuổi thanh xuân cũng cố tình bắt chước như say như mê muội Lâm
nhảm mộng mơ về những suối những sông ở những đất nước xa xôi

Nỗi buồn thương trong tâm hồn lưu lạc phảng phất đâu đây Chính là
trang sức cho niềm hãnh diện về thân phận mình

Còn chúng ta cuối cùng dần dần tỉnh ngộ

Thử tìm lại những gương mặt đã phai mờ từ lâu

Thử đánh thức những âm thanh đã câm lạng từ lâu

Hóa ra hòn đảo nhỏ bé

Vẫn có nỗi nhớ quê hương của chính chúng tôi

Hóa ra nỗi nhớ quê hương duy nhất của chúng tôi

Chính là mảnh đất đang đứng này

Bởi vì thân thuộc nhưng không đủ lãng mạn

Nhưng là yêu thương và gánh vác mãi mãi.

Năm 1999,

in trong Tạm biệt làng tôi

Nguyễn Thu Hiền dịch.

Chúng tôi cũng có nỗi nhớ quê hương của mình

Bước vào Tòa án địa phương ở Gia Nghĩa, đi qua phòng họp, trên bức
tường dọc hành lang dẫn lên tầng hai, ở hai bên mỗi bên treo một bức thư

pháp cỡ lớn. Bức bên trái là một trích đoạn lời của biên đạo múa sinh ra ở Gia Nghĩa là Lâm Hoài Dân khi biên đạo điệu Hành thảo đã bàn về thư pháp. Bức bên phải có đề mấy câu thơ của tôi:

Hóa ra hòn đảo nhỏ bé

Vẫn có nỗi nhớ quê hương của chính chúng tôi

Hóa ra nỗi nhớ quê hương duy nhất của chúng tôi

Chính là mảnh đất đang đứng này

Bởi vì thân thuộc nhưng không đủ lãng mạn Nhưng là yêu thương và gánh vác mãi mãi (Chúng tôi cũng có nỗi nhớ quê hương của mình)

Hai bức thư pháp này mỗi bức chiều ngang khoảng 1m6, chiều dài khoảng 4m, đều do một tay cô Dư Bích Châu là thư pháp gia vùng Gia Nghĩa viết ra. Theo lời cô Dư, khi viết bức thư pháp có những câu thơ của tôi, cô ấy đã loay hoay mất một hai tháng, tổng cộng đã viết 67 lần, hoặc là viết nửa chừng bỏ dở, hoặc đã viết trọn vẹn cả đoạn nhưng không vừa ý nên lại bỏ đi. Mãi cho đến một hôm thức dậy vào sáng sớm, tinh thần sáng khoái, chợt có cảm hứng thì bà mới hoàn thành được một mạch.

Cô Dư nhỏ nhắn, xinh đẹp, nghĩ đến cảnh cô ấy trải giấy tuyền ra mặt đất hết lần này đến lần khác, phủ phục ra nắn nót từng chữ, đó hẳn là khung cảnh làm cảm động lòng người đến nhường nào.

Mối duyên nợ giữa tôi và Tòa án địa phương Gia Nghĩa không phải vì tôi phải ra tòa thẩm vấn, hay liên quan đến các kiện tụng hình sự, mà bởi vì vị quan tòa làm việc ở đây là Liêu Chính Thắng đã liên hệ với tôi thông qua các học trò trước đây tôi dạy để mời tôi đến nói chuyện về văn học. Lần đầu tiên bước vào Tòa án địa phương Gia Nghĩa, tôi rất ngạc nhiên, trên bản thông báo ở lối đi vào tham quan tòa án có dán rất nhiều thông tin về văn học nghệ thuật. Khi đi qua mỗi dọc hành lang, tôi đều dừng chân ngắm

từng bức thư pháp treo trên tường. Trong bầu không khí nhân văn đậm đặc, tôi rất dễ quên rằng đây là tòa án trang nghiêm, tĩnh lặng.

Lần thuyết trình văn học này là một trong chuỗi các tọa đàm khoa học nhân văn do Chánh án Tòa án địa phương Gia Nghĩa là ông Viên Tái Hưng lên kế hoạch và đẩy mạnh phát triển, cơ quan tòa án cổ vũ đồng nghiệp trong toàn tòa đến nghe, đồng thời mở cửa tự do cho người dân tới tham dự. Trong lời phát biểu mở đầu tọa đàm do đích thân Chánh án viên điều hành, tôi thấy được ông rất thuộc các sáng tác thơ của tôi, hơn nữa, không phải là những lời giới thiệu chung chung mà ông còn nhắc đến một vài bài thơ của tôi mà ông ấy rất thích, khiến tôi vô cùng xúc động. Một trong những bài thơ đó là Chúng tôi cũng có nỗi nhớ quê hương của mình. Bài thơ Chúng tôi cũng có nỗi nhớ quê hương của mình cùng một số bài như Hòn đảo bé nhỏ, Góc độ... được tập hợp lại thành một tuyển tập đăng trên tờ Phụ san Tự do của Thời báo tự do vào tháng 4, 5 năm 1999. Chánh án viên đã chọn một đoạn trong bài thơ rồi mời thư pháp gia viết nên bức hoành phi treo ở nơi nổi bật như thế này ắt là cũng có hàm ý sâu xa của nó.

Hàm ý của nỗi nhớ quê hương có rất nhiều tầng ý nghĩa, có nỗi nhớ quê hương về sinh mệnh, nhớ quê hương về tâm hồn nhớ quê hương, về thời gian còn bài thơ nhỏ này của tôi, tóm lược lại, chủ yếu là tổng kết lại lịch trình tâm hồn sau nhiều năm kiếm tìm sự đồng cảm với đất đai.

Từ đầu những năm 50, 60, vào thời niên thiếu của tôi, tôi đã tiếp xúc với văn học. Khi ấy trên văn đàn đang thịnh hành văn học nghệ thuật chiến đấu, văn học chống Cộng, từ đó ra đời hàng loạt các tác phẩm hoài niệm về quê hương, cố quốc. Kế tiếp sau đó nổi lên trào lưu nhạc khúc về của những kẻ du tử phiêu bạt, lang thang, ngao du khắp vũ trụ. Các nhạc khúc này thay đổi liên tục các loại giai điệu, truyền tụng khắp nơi trên hòn đảo nhỏ, trở thành trào lưu chủ đạo của văn học.

Dù là “sứ mệnh thần thánh” để “khôi phục Thần Châu” (lấy lại đất xưa) hay chỉ là những làn điệu trữ tình lãng mạn của kẻ du tử phiêu bạt, thì

chúng đều cự tuyệt thừa nhận hòn đảo là quê hương để an cư lập nghiệp lâu dài. Trong sự bao trùm của tô tem hoang đường cùng với nỗi nhớ quê hương, những thanh thiếu niên tham gia sáng tác văn học nghệ thuật trẻ tuổi sinh ra và lớn lên ở mảnh đất này như tôi đã chịu ảnh hưởng sâu sắc. Trong tâm hồn bé nhỏ của chúng tôi cũng lắng đọng lại “nỗi nhớ quê hương” sâu đậm.

Cùng với sự trưởng thành của năm tháng, những tư duy văn hóa được tưới tắm vào đầu đó không ngừng song hành với kinh nghiệm cuộc sống, tình cảm làng quê ở nơi đây. Trong sự phản tỉnh hết lần này đến lần khác, từ chỗ bối rối, hoài nghi dần dần tôi biết cách phải nhìn thẳng vào điều mà mình thực sự thuộc về, thực sự dựa vào nó để an thân lập mệnh. Mãi cho đến cuối thế kỷ 20, tôi đăng chùm thơ Chúng tôi cũng có nỗi nhớ quê hương của mình để tuyên bố rõ ràng: nỗi nhớ quê hương duy nhất của chúng tôi chính là mảnh đất đang đặt chân lên này. Đó quả là một sự kiếm tìm gian khổ mà dài đằng dặc.

Đối với những người từ Trung Quốc đại lục đến Đài Loan, sự cách biệt của hai bờ khiến họ không thể quay về đất cũ, tình cảm nhớ quê hương viết nên thành thơ chính là tình cảm thông thường của con người. Lựa chọn ra đi hoặc tự dày mình đến nơi khác, cả hai điều đó đều đáng được tôn trọng. Thế nhưng thừa nhận môi trường sống của mình, thừa nhận mảnh đất mà mình đặt chân lên càng là việc thiên kinh địa nghĩa, là bản năng có từ lúc sinh ra, là điều không nên bóp méo. Là con dân Đài Loan, “bản năng” ấy lại thường bị “giáo hóa” đến mức biến mất hoàn toàn, cần phải bỏ ra không ít nỗ lực tự giác cũng chưa chắc đã có thể hoàn toàn tìm thấy trở lại.

Năm 2005,

Tuần báo Người Đài Loan mới

Nguyễn Thu Hiền dịch.

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh

www.dtv-ebook.com

Khúc Song Tấu 15: Nghĩa Trang Rừng

Trồng một gốc cây, thay một năm mồ,

Trồng một rừng cây, thay cả nghĩa trang

Quanh thân cây tạo một vườn hoa nhỏ

Tro cốt người mất dựa vào cây

Mai táng hoặc rải vào lùm hoa

Người thân bạn bè đưa tiễn vây quanh Chắp tay hồi tưởng, mặc niệm,
nói lời ly biệt

Không nhất thiết ngày Tết Thanh minh

Mỗi khi nhớ đến

Gọi nhau cùng tưới nước

Ôm sát vào thân cây vỗ nhẹ

Có thể sẽ nghe thấy

Người thân vẫn bên ta, tha thiết dặn dò

Đừng quên ngắm nhìn phong cảnh đẹp Khi ngọn gió thoảng qua phất
phơ cành lá Trên ngọn cây, bầy chim hót líu lo Dường như chúng đang
chào nhau đấy

Ánh mặt trời trăng sao ân cần làm bạn

Cây và cây, cùng nhịp đập trái tim

Những linh hồn tựa dưới mỗi gốc cây

An nghỉ rồi vẫn còn sống tiếp

Dù đã đi đến bao xa

Vẫn men theo con đường cũ

Trở về trong hoài niệm người thân.

Năm 2005,

in trong Anh ấy vẫn còn trẻ

Nguyễn Thanh Diên dịch.

Nghĩa trang rừng

(1)

Ngôi làng mà gia tộc chúng tôi đời đời định cư là thôn Quyển Liêu làng Khê Châu, ở phía cực đông của làng có một cái nghĩa trang lớn, tên là nghĩa trang Quyển Liêu, do chính quyền xã quản lý. Xã tôi tổng cộng có 5 cái nghĩa trang, đây là nghĩa trang thứ ba của làng Khê Châu, chiếm 8,5 héc-ta, là nghĩa trang rộng nhất. Mặt phía tây nghĩa trang sát nhà ở của dân làng, còn ba mặt đông, nam, bắc, bao bọc bởi đồng ruộng của thôn dân.

Căn nhà cũ kiểu tam hợp viện của ông nội tôi chỉ cách nghĩa trang một con đường xe bò, gần như mặt đối mặt với nhau. Khoảng năm tôi lên 5-6 tuổi, còn chưa vào lớp 1, bố mẹ tôi mới chuyển ra, xây nhà mới trên mảnh

đất gần nhà cũ, chính là ngôi nhà của chúng tôi bây giờ, cách nhà cũ và nghĩa trang cũng chỉ mấy trăm mét.

Nghĩa trang, trước đây người làng gọi là “mộ tử bộ”. “Bộ” có nghĩa là “bãi cỏ”, là “đất hoang”. 50 - 60 năm về trước, khi tôi còn nhỏ, nghĩa địa không những hoang vu vắng vẻ, cỏ bò lan mặt đất, mà còn có không ít bụi tre, bụi gai, lùm cây um tùm, nảy sinh nhiều câu chuyện ma mị, thậm chí từng nhìn thấy rất nhiều đầu lâu, cũng từng hiếu kỳ đi xem bản tử tù, khám nghiệm tử thi, thường ngày khó tránh khỏi những lúc có cảm giác đáng sợ.

Từ làng tôi đến ngôi trường cấp 1 tôi theo học khoảng 3,5km, lũ trẻ đều đi bộ đến trường. Có hai con đường có thể đi, một là con đường xuyên qua bãi tha ma, thông thẳng đến trường; hai là đường bờ kênh, tức là men theo kênh tưới tiêu xuyên qua làng tôi mà đi, dọc đường có rất nhiều bụi cây rậm rạp, khi trời gió thường phát ra tiếng vù vù, cành tre đung đưa, tưởng như “ma ngọn tre” trong truyền thuyết xuất hiện vậy.

Nếu có bạn đi cùng, thì cả hai đường đều không đến nỗi đáng sợ, thậm chí còn giả vờ sợ để dọa bạn, đùa một trận cho vui; nhưng khi lên lớp cao hơn, bắt đầu phải học thêm, thường phải học đến chập choạng tối mới tan lớp, trong khi đó các bạn cùng lớp trong cả làng tôi, năm nào cũng có người bỏ học giữa chừng, đến năm lớp 6, chỉ còn lại tôi và một bạn nữa, nhưng cậu ấy không tham gia lớp học thêm, đồng nghĩa với việc con đường đi học về chỉ còn lại một mình tôi. Ở cái thời điểm chạng vạng hoàng hôn, dù là đi một mình qua bãi tha ma, hay là một mình đi đường bờ kênh, thì giữa đồng hoang bãi vắng trống trải, không sao tránh khỏi cái cảm giác sợ hãi mà rảo bước thật nhanh.

Nhưng, bình thường thì chỉ cần gọi bè kéo lũ là xong. Từ thuở bé đến giờ, cả cái nghĩa địa này với chúng tôi không cảm thấy có gì là âm u lắm, ngược lại đó là không gian sống vô cùng thân thuộc.

Chúng tôi dắt bò lừa dê đi ăn, bốn bề cỏ mọc xanh rì, đám dê bò mặc sức ăn, còn chúng tôi thì chạy nhảy nô đùa, rồi đi khắp nơi tìm hái các loài quả dại như long quỳ, dâu, na rừng...

Đất ở bãi tha ma vô cùng “màu mỡ”, rất nhiều loài côn trùng sinh sôi nảy nở ở đây, trong đó dế mèn là loài được chúng tôi yêu thích nhất. Dế mèn nấp trong những cái hang rất nhỏ, nhưng chúng tôi lại có con mắt tinh tường để tìm ra hang của chúng. Xách thùng gỗ xuống mương lấy nước, tìm đến hang dế từ từ đổ nước vào, cho đến khi dế “tự động” chạy ra, liền nhanh tay chụp lấy cho vào giỏ, chỉ cần vài ba tiếng đồng hồ là có thể bắt được hơn nửa giỏ, cho ít muối vào rang lên, rất thơm ngậy, vị tươi ngon.

(2)

Nghĩa trang này vừa là một không gian sinh hoạt vô cùng thân thiết với chúng tôi những năm tháng ấu thơ cho đến thời niên thiếu; vừa là nơi an nghỉ cuối cùng của người dân làng tôi.

Vì nhà ở quá gần nghĩa địa, thường xuyên gặp đám ma, nhìn thấy đoàn người đưa đám, nghi lễ chôn cất; càng thường xuyên nghe tiếng nhạc hiếu nã nê và tiếng gào khóc đau thương. Tâm hồn non nớt của tôi đã lờ mờ cảm nhận được cái định mệnh của sinh li tử biệt.

Khi tôi sinh ra, ông bà nội tôi đã mất từ lâu, cũng chẳng để lại bất kỳ tấm ảnh nào, nên tôi hoàn toàn không có ấn tượng gì về ông bà. Hàng năm vào dịp Tết Thanh minh tôi thường theo cha, chú và rất nhiều anh em bà con trong họ đi tảo mộ, ít nhiều cảm nhận được bầu không khí trang nghiêm kính cẩn, nhưng không hề có cảm giác bi thương.

Năm tôi vừa tròn 20 tuổi không lâu, vào kỳ nghỉ đông năm thứ nhất trường Trung cấp Nông nghiệp Bình Đông, trước tết Nguyên đán 2 ngày, ba tôi ra đi đột ngột trong một tai nạn giao thông trên đường đi làm về. Từ đó, cứ đến ngày Tết Thanh minh hàng năm, mẹ lại dẫn tôi và các em đi tảo mộ,

tâm trạng đã hoàn toàn thay đổi, đầy nỗi sầu đau, ý nghĩa của nghĩa trang đối với tôi, không còn gần như là kẻ ngoài cuộc, mà đã có mối liên kết tình cảm sâu nặng.

Hàng năm ngày tết Thanh minh đi tảo mộ, phải xuyên qua rất nhiều con đường nhỏ trong nghĩa trang, vòng qua từng ngôi mộ một. Cùng với sự gia tăng của tuổi tác, tôi bắt đầu chú ý đến những dòng chữ trên từng tấm bia mộ, có lúc còn cố tình đi vòng thêm mấy lối để quan sát thêm một số bia mộ, nhằm tính tuổi của người mất, suy đoán bối cảnh cuộc đời của họ, thực sự có rất nhiều cảm xúc.

Những thể nghiệm về sự sống và cái chết này cứ sâu dần theo năm tháng, và thi thoảng xuất hiện trong thơ của tôi.

“Mà con đường vẫn cứ là đường

Lầy lội hay không, hoang lạnh hay không

Một bước bước ra, sa vào bao nhiêu khắp khênh Đường vẫn cứ là đường, vẫn cứ ... Dẫn đến nghĩa địa làng tôi”.

(Con đường - Ấn tượng làng tôi – 1972)

“Người làng tôi, lễ bái tổ tiên

Vẫn thường trông thấy rõ

Trên mỗi tấm bia

Khắc rất rõ tên mình”.

(Thanh minh - Ấn tượng làng tôi – 1972)

“Đúng vậy, tôi từng thể nghiệm bài ca

Sự xao động của lời ca

Ở ngôi làng nhỏ nơi tôi sinh trưởng

Tôi từng loáng thoáng nghe bài ca ai điệu của mình Mỗi ngọn cỏ
nghĩa trang đều biết”.

(Bài ca ai điệu -1973)

Tôi sáng tác loạt bài về ấn tượng làng tôi ở lứa tuổi thanh xuân chưa
đầy 30 tuổi, nhưng trong rất nhiều bài thơ, nhiều lần xuất hiện hình ảnh
nghĩa trang, tìm đến nơi trở về cuối cùng của sinh mệnh, điều đó đương
nhiên cũng liên quan mật thiết với việc nhà tôi ở sát ngay nghĩa trang.
Những câu thơ này, không thể chỉ lý giải bằng “quan niệm số kiếp”, mà còn
cần có sự suy ngẫm tìm tòi sâu xa hơn.

(3)

Thời đại âm thầm phát triển, môi trường xã hội lặng lẽ đổi thay, diện
mạo nghĩa địa thứ ba của làng tôi cũng có sự thay đổi rõ rệt. Trước kia, việc
sử dụng nghĩa địa, tùy theo cách xem địa lý của mỗi nhà, tùy người
“khoanh đất”, không có bất kỳ sự ràng buộc, hạn chế nào. Từng có một
“nhà lâu nhỏ” xây bằng xi măng, chiếm khoảng dăm sáu chục mét vuông
đất, chúng tôi rất thích chạy lên “lầu” chơi.

Khoảng những năm 70-80 của thế kỷ trước, phát hiện cách làm này
bất công thấy rõ, hơn nữa lại quá lộn xộn, quá lãng phí, và điều quan trọng
hơn là, tang chủ ngày càng khó tìm một chỗ để an táng người thân, nhất là
ở những vị trí đẹp; để thích ứng với thời cuộc, đề phòng phát sinh tình
trạng thiếu đất nghĩa trang, chính quyền đã đưa ra chính sách “quy hoạch
lại nghĩa trang”, thống nhất quy cách, bất kể lúc sống thân phận địa vị cao
thấp giàu nghèo như thế nào, khi chết đều bình đẳng như nhau. Đồng thời
quy định niên hạn tối đa 10 năm, người nhà phải “bốc mộ”, cho di cốt vào
tiểu sành, đặt trong tháp chứa cốt.

Thời đại ngày càng phát triển, môi trường xã hội dần dần biến đổi, quan niệm của con người cũng dần thay đổi. Một khi quan niệm thay đổi, thì hành vi cũng thay đổi theo.

Khi chính quyền lo không đủ đất nghĩa trang mà quy hoạch lại, mỗi một phần mộ được quy cách hóa, không cho phép chiếm dụng nhiều đất, thì quan niệm hỏa táng từ thành thị lan đến nông thôn, dần dần được chấp nhận. Điều đó có nghĩa là, phương thức thổ táng xưa nay được coi là đương nhiên đã dần được thay thế bằng việc trực tiếp đưa đến đài hóa thân hỏa táng.

Tỉ lệ thổ táng mỗi năm một giảm. Theo thống kê mới nhất, tỉ lệ thổ táng toàn Đài Loan chỉ chiếm 10%. Ngay cả làng quê “bảo thủ” như làng tôi, phong trào hỏa táng cũng đã rất phổ biến, thổ táng cũng chỉ còn không đến 30%. Phần đất trống của nghĩa trang đã ngày càng nhiều.

Mùa thu năm 1999, mẹ qua đời, tôi và em trai kế thừa 2 héc ta điền sản của gia đình, anh trai ở tận nước Mỹ cùng hai chị và hai em gái không nhận thừa kế, phần của em trai sau đó cũng chuyển nhượng cho tôi, tôi bắt đầu quy hoạch trồng cây dần dần, hy vọng trồng được một vườn cây riêng cho mình.

Năm 2001 tôi đã trồng được một vườn cây con trên mấy phần đất, vừa may được biết Cục Lâm nghiệp đang có chính sách trồng rừng đồng bằng, tôi nắm bắt cơ hội này, tích cực thu thập tư liệu, tham dự buổi thuyết minh, nghiêm túc nghe ngóng hỏi han, tìm hiểu mọi quy định. Có lẽ nhờ duyên trời định, tôi vừa đáp ứng điều kiện rất cao là phải có đủ 2 héc ta đất, vốn vàng hưởng ứng, tranh thủ sự đồng ý của em trai, lập tức làm đơn xin dự án, nhưng lại gặp một số trở ngại, công văn đi đến nhiều lần, qua bao trắc trở, kiên trì bền bỉ, mới được thông qua, cuối cùng thực hiện được giấc mơ về vườn cây một cách đầy mãn nguyện.

Lúc đầu số cây giống tôi xin Cục Lâm nghiệp khá nhiều, người hướng dẫn kỹ thuật cảnh báo tôi trồng như thế là quá dày. Kỳ thực, tôi đã “ủ mưu” từ trước, vì cây giống khi mới nhận về trồng vẫn còn rất nhỏ, sẽ không có gì là quá dày, đợi mấy năm sau, cây con dần dần lớn lên, lúc đó có thể tĩa bớt tặng cho người “hữu duyên”, trong tâm nguyện của tôi, nơi mà tôi muốn tặng nhất là lán giềng của mình, nghĩa trang thứ 3 làng Khê Châu. Tôi thường nói đùa rằng, tôi đang tính toán cho mình, vì không lâu nữa tôi cũng sẽ về nơi đó sống, mà cả nghĩa trang này thực sự là quá nóng rồi.

Giấc mơ về vườn cây bao nhiêu năm nay của tôi đã vươn đến nghĩa trang, mong muốn gây dựng nghĩa trang này thành nghĩa trang rừng. Đặc biệt là trong bối cảnh hiện nay, khi mà tỷ lệ thổ táng ngày càng giảm, phần đất trống trong nghĩa trang không ngừng tăng lên, để đối phó với tình trạng cỏ dại mọc um tùm, nhân viên quản trang chỉ có một cách “quản lý” duy nhất là xin kinh phí định kỳ của chính quyền xã rồi thuê người phun thuốc diệt cỏ, điều đó càng khiến tôi quyết tâm thực hiện giấc mơ của mình một cách nhanh nhất có thể. Thay vì để cỏ hoang mọc lan tràn rồi hết lần này đến lượt khác phun thuốc diệt cỏ, thì chi bằng gấp rút quy hoạch trồng cây, chỉ sau mấy năm sẽ có thể thay đổi hoàn toàn bộ mặt, biến vùng đất hoang lạnh thậm chí có phần âm u thành một rừng cây rợp bóng mát, chim hót véo von, khung cảnh đẹp đẽ, có thể làm nơi để mọi người nghỉ ngơi, dạo mát.

Tháng 4 năm 2005, tôi công bố chùm thơ Suy tưởng tuổi già, suy ngẫm về cái chết, trong đó có bài Nghĩa trang rừng biểu đạt rõ nguyện vọng của tôi:

Trồng một gốc cây, thay một năm mồ,

Trồng một rừng cây, thay cả nghĩa trang

Quanh thân cây tạo một vườn hoa nhỏ

Tro cốt người mất dựa vào cây

Mai táng hoặc rải vào lùm hoa

Người thân bạn bè đưa tiễn vây quanh Chắp tay hồi tưởng, mặc niệm,
nói lời ly biệt

Không nhất thiết ngày Tết Thanh minh

Mỗi khi nhớ đến

Gọi nhau cùng tưới nước

Ôm sát vào thân cây vỗ nhẹ

Có thể sẽ nghe thấy

Người thân vẫn bên ta, tha thiết dặn dò

...

Những linh hồn tựa dưới mỗi gốc cây

An nghỉ rồi vẫn còn sống tiếp

Dù đã đi đến bao xa

Vẫn men theo con đường cũ

Trở về trong hoài niệm người thân.

(Nghĩa trang rừng – 4/2015)

(4)

Vườn cây 2 héc ta nhà tôi, kiên quyết không phun thuốc trừ sâu, không phun thuốc diệt cỏ, hoàn toàn dựa vào lao động thủ công, máy cắt cỏ, chi phí cho quản lý nhân lực không ít, mỗi tháng tiêu tốn hơn nửa tháng lương hưu của tôi, tôi không còn sức để tự gánh vác chi phí cho dự án di dời cây nữa.

Tôi vẫn luôn chờ cơ hội, mong sao tìm được Mạnh Thường Quân sẵn sàng tài trợ cho dự án, cùng chung tay góp sức để tôi có thể quyên tặng loài cây nguyên sinh Đài Loan trong vườn nhà mình cho chính quyền xã, như vậy, ước nguyện về nghĩa trang rừng xanh của tôi mới dần dần được thực hiện.

Mong ước lớn hơn là có thể gây được hiệu ứng xã hội, phát triển thành phong trào, mở rộng ra các xã, thị trấn, thành phố khác.

Năm 2009, người bà con của tôi là Hoàng Thịnh Lộc nhậm chức trưởng làng Khê Châu, tôi đề xuất với anh ý tưởng xây dựng nghĩa trang rừng, hai tư tưởng lớn gặp nhau, anh rất tán đồng ý tưởng của tôi, liền bắt tay quy hoạch, căn cứ vào nhu cầu thực tế, tập trung khu thổ táng vào một chỗ, còn lại hoạch định thành khu phi táng, những phần mộ cũ đến niên hạn quy định, sẽ khuyến khích cải táng di dời, giảm dần từng năm, không tăng thêm mộ mới.

Cuối cùng thì cơ hội cũng đến.

Có một doanh nhân thành đạt, tôi gọi là Sếp Chung đồng hương (anh nhất quyết không muốn mọi người biết, nên tôi đành gọi như vậy), là học trò của tôi năm xưa, và thật khéo, con trai anh cũng là học trò tôi từng dạy, đồng thời là một cộng sự trẻ tham gia hoạt động xã hội cùng tôi, hai cha con họ đặc biệt có duyên với tôi, mấy năm nay chúng tôi thường xuyên qua lại với nhau.

Vào trung thu năm 2012, Sếp Chung đồng hương đến nhà tôi chơi, trưởng làng cũng có mặt ở đây, anh đề cập đến tâm nguyện được về đóng góp cho quê hương, có rất nhiều ý tưởng khác nhau. Tôi thừa cơ hỏi anh có muốn tài trợ cho nghĩa trang rừng không, không ngờ anh đồng ý ngay tắp lự. Anh hứa chịu mọi kinh phí cho công trình như san lấp mặt bằng, di dời cây... Thái độ của anh hết sức tích cực, chỉ mấy ngày sau, đã dẫn một ông chủ của công ty cây xanh đến, hẹn trưởng làng và tôi cùng ra hiện trường nghĩa trang thị sát, bàn bạc, hoạch định phạm vi, thiết kế sơ đồ quy hoạch.

Rất nhanh chóng, công trình bắt đầu được thi công, sau khi hoàn thành việc san lấp mặt bằng, hơn 200 gốc ô tâm thạch (cây gỗ đen) từ trong vườn nhà tôi đã được di dời đến.

Ô tâm thạch là loài cây cấp 1 lá to nguyên sinh của Đài Loan, thân cây thẳng đứng, chiều cao có thể đạt tới 20 đến 30 mét, gỗ màu thẫm và cứng, vì vậy có tên là “ô tâm thạch”, là vật liệu xây dựng và làm nông cụ rất quý, từng là nguồn gỗ thượng đẳng vô cùng phổ biến ở Đài Loan, những cái cọc tiêu thường thấy trong căn bếp của rất nhiều gia đình trước đây, cũng làm bằng gỗ ô tâm thạch.

Ô tâm thạch có tán xòe rộng, lá xanh um, hình dáng đẹp, che nắng tốt; hơn nữa rễ chủ đâm thẳng xuống đất rất sâu, không sợ gió bão quật đổ, rất thích hợp với một Đài Loan nắng nóng và nhiều giông bão.

Không chỉ dáng cây đẹp, che nắng tốt, vào mùa ô tâm thạch nở hoa, cả tán lá xanh rì được tô điểm bằng muôn vàn cánh hoa màu trắng hoặc hơi có màu vàng nhạt, lại gần gũi thấy mùi thơm tựa hương ngọc lan, nhưng êm dịu hơn nhiều, vì thế còn có các tên gọi khác như: hàm tiếu Đài Loan, hoa lan trắng Đài Loan, ngọc lan dẹt.

Mười năm thành cây, trăm năm thành gỗ. Hơn hai trăm gốc ô tâm thạch lúc di dời đến nghĩa trang, cũng đã hơn 10 năm tuổi, quá trình di dời cũng có những sơ suất, có một số cây không sống được, thấy rất đau lòng,

nhưng đại bộ phận đã đâm chồi, thay lá, nhìn xa đã thấy có không ít màu xanh, có thể dự đoán vài ba năm nữa sẽ có một khu rừng rợp bóng cây, thường ngày có thể dành cho dân làng hóng mát, ngày tết Thanh minh để cho những người con đi xa về quê tảo mộ tránh được nỗi khổ của sự nóng bức.

Tôi vẫn thường tưởng tượng rằng, chỉ cần chăm nom chu đáo, thì mấy chục năm sau, đây sẽ là một khu vườn cổ thụ vô cùng quý giá.

Cây ô tâm thạch giống, mỗi cây chỉ có 20 Đài tệ, lại dễ gây giống, sức sống dồi dào, rất dễ trồng, thế nhưng nhìn khắp mảnh đất Đài Loan lại rất ít thấy, trong khi đó đâu đâu cũng thấy cây hoa sữa, thậm chí thành phố Đài Trung còn coi nó là loài cây của thành phố, dùng từ “trần lan” để hình dung thì cũng không có gì là quá. Tôi không có ý và cũng không nên chê bất kỳ một loài cây nào, nhưng thực sự hoa của cây hoa sữa rất hắc, dễ gây dị ứng, chim chóc không bao giờ đậu, cành giòn mà dễ gãy, thân không làm gỗ được, rễ mọc tứ tung rất dễ làm hỏng mặt đường, chân tường, nghe nói ưu điểm duy nhất là cây lớn rất nhanh, rất nhanh thấy “thành quả”, nó phù hợp với thói tục thời thượng của xã hội Đài Loan: việc gì cũng muốn nhanh, chỉ quan tâm đến hiện tại, không cần biết đến tương lai, chỉ nhìn thấy cái lợi trước mắt. Bởi thế mới gây ra nhiều di hại mà ngày nay phải mất rất nhiều thời gian và tiền bạc để xử lý.

Nói một cách tương đối, “khuyết điểm” duy nhất mà ô tâm thạch bị chê là chậm lớn. Đã vậy thì, khi trồng cây, phải có suy nghĩ là “đời trước trồng cây, đời sau hóng mát”. Ô tâm thạch, tiếng Đài gọi là “hắc tâm thạch”, cùng âm cùng nghĩa với chữ “hắc” trong “hắc bản thụ” (1). Nhưng “hắc” này và “hắc” kia lại khác xa nhau một trời một vực. Tôi thường cảm khái sâu sắc rằng, nếu năm xưa thay vì trồng “hắc bản thụ” mà trồng nhiều “hắc tâm thạch”, thì khung cảnh, môi trường ngày nay đã khác biệt bao nhiêu.

Kỳ thực, các loài cây nguyên sinh Đồi Loam có dáng đẹp, bóng mát, hoa thơm, gỗ tốt, tuổi đời càng cao càng giá trị giống như loài ô tâm thạch này rất nhiều, chẳng hạn như các loài trồng trong vườn nhà tôi: cây long não, sồi Đồi Loam, nam mộc Đồi Loam, hồng lông Đồi Loam, hay như cây quế thịt Đồi Loam...; thế nhưng xã hội Đồi Loam chúng ta lại đang đối xử bạc bẽo với chúng, để mặc chúng mất đi, trong khi đó lại nhập về hàng loạt giống cây nước ngoài chưa chắc đã thích hợp với Đồi Loam. Thực sự không biết nói làm sao!

(1) [ND] Tên tiếng Hán của cây hoa sữa.

Việc trồng các giống cây nhập khẩu nước ngoài với mức độ vừa phải có thể tô điểm, làm phong phú thêm sự đa dạng sinh vật, nhưng tuyệt đối không nên để “khách lấn át chủ”, hoàn toàn thay thế, gạt bỏ, hoặc gần như tiêu diệt các loài cây nguyên sinh Đồi Loam vốn rất ưu việt! Quan niệm dẫn dắt hành vi, suy cho cùng, điều này là do sinh thái quan lệch lạc, giá trị quan coi thường văn hóa bản địa gây nên.

(5)

Nhiều năm trước đã từng có người thúc đẩy việc công viên hóa nghĩa trang, nhưng dường như không mấy tiến triển. Khái niệm “nghĩa trang rừng” có sự khác biệt rất lớn với “công viên hóa nghĩa trang”. Nghĩa trang rừng đơn thuần lấy việc trồng cây, phủ xanh đất trống làm chính, biến thành một khu rừng, không cần đình đài lầu gác, non bộ vòi phun, công trình bê tông... Nói tóm lại, không cần “xây dựng” gì, đương nhiên sẽ không mất bao nhiêu phí công trình, chỉ cần các chi phí làm đất, di dời cây, trồng cây, cây giống, thêm vào đó là hệ thống tưới, quản lý về sau, theo kinh nghiệm hiện có của chúng tôi, ước tính một nghĩa trang, ít thì mấy triệu Đồi tệ, còn nhiều cũng không cần quá mười triệu Đồi tệ, là đã có thể để lại thêm một

rừng cây rợp bóng mát cho môi trường Đài Loan, cho con em Đài Loan, góp thêm một chút công sức làm giảm bớt sự nóng lên của trái đất.

Từ đó có thể dẫn dắt xu thế, thực hiện rộng rãi “thụ táng”, “Tro cốt người mất dựa vào cây/ Mai táng hoặc rải vào lùm hoa”. Càng không cần chiếm đất xây thêm những tòa tháp chứa cốt cao vút, gây sự phản đối tranh giành. Thực sự nhìn thoáng ra một chút, giữ lại một lọ cốt, một nhúm tro, liệu có ý nghĩa gì?

Liêu Vĩnh Lai - người bạn thơ thân thiết của tôi, từng tham gia vô số phong trào bảo vệ môi trường; sau khi rời khỏi chính trường, quay về quan tâm văn hóa, ông cùng người bạn đến thăm vườn cây nhà tôi, nhân tiện tôi dẫn họ ra nghĩa trang thăm khu vườn đã trồng hai trăm gốc ô tâm thạch, trình bày với họ viễn cảnh ước mơ về nghĩa trang rừng.

Liêu Vĩnh Lai từng giữ chức Chủ tịch huyện Đài Trung, hiểu rõ quy định hành chính, ông nói trong nhiệm kỳ ông làm chủ tịch huyện, để thực hiện mỗi hương trấn một khu rừng, kể cả thu hồi đất, tiêu hết bảy tám trăm triệu Đài tệ. Còn đất nghĩa trang là thuộc sở hữu của chính quyền, chỉ cần Chủ tịch hương trấn đồng ý, quy hoạch, các nhà hảo tâm, doanh nghiệp tài trợ, thì việc biến nghĩa trang thành rừng có thể thực hiện. Thật đáng làm.

Liêu Vĩnh Lai hết sức tích cực, nhiều lần liên hệ với tôi, cho ý kiến, gợi ý có thể tìm thêm mấy người cùng chí hướng, thành lập “Ban vận động phát triển nghĩa trang rừng”, phổ biến ý tưởng và dự án cụ thể này đến các huyện thị, các hương trấn khác, ông tin chắc chắn sẽ được hưởng ứng nhiệt liệt.

Phẩm chất cuộc sống của bất kỳ người nào đều liên quan mật thiết với cả môi trường xã hội, tuyệt nhiên không thể đặt mình ra ngoài nó. Đài Loan có rất nhiều doanh nhân tỉ phú, trong đó những người không quên trách nhiệm xã hội, muốn làm điều gì đó có ý nghĩa cho quê hương có lẽ cũng không ít. Nếu các doanh nhân xuất thân từ các hương trấn trở về quê “nhận

nuôi” một nghĩa trang, thì cũng là điều đương nhiên và không có gì khó khăn cả.

Trịnh Văn Đường - một đạo diễn luôn quan tâm đến vấn đề xã hội, gần đây đến quê tôi quay phim, tôi cũng dẫn anh đi xem hình mẫu nghĩa trang rừng này, anh cho rằng nếu cứ phải đi thuyết phục, huy động nhiều tài lực trong dân gian như vậy để đầu tư, thì sẽ mất rất nhiều thời gian, nếu để các ban ngành hành chính hoạch định thành chính sách, thì sẽ dễ thúc đẩy một cách toàn diện hơn. Sau khi về Nghi Lan, anh lập tức bố trí cho tôi gặp Chủ tịch huyện Lâm Thông Hiền.

Ngày 10 tháng 8, Trịnh Văn Đường dẫn tôi đến phòng làm việc của Chủ tịch huyện Nghi Lan, anh mở đầu câu chuyện, sau đó tôi nói qua về ý nghĩa, kỳ vọng và phương án cụ thể của mô hình nghĩa trang rừng. Chủ tịch Lâm Thông Hiền tỏ vẻ hết sức đồng thuận, chỉ có một vài khó khăn nhỏ cần khắc phục, chỉ thị rõ cho lãnh đạo các phòng Nông nghiệp, Công vụ, Dân chính đang có mặt ở đó, khẩn trương nghiên cứu, soạn thảo kế hoạch tỉ mỉ, phối hợp với chính quyền các hương trấn để thực hiện.

Tôi thực sự rất cảm động, đây là sự cố vũ thực chất nhất. Đồi trước trồng cây, đồi sau hóng mát; đồi trước chặt cây, đồi sau gặp họa. Xã hội Đài Loan đang trong quá trình theo đuổi phát triển kinh tế, đồng nghĩa với quá trình chặt cây xanh, không chỉ chặt gần như hết sạch cây trên rừng, cây phòng hộ ven biển, gây nên đại họa khôn lường, mà ngay cả cây ở đồng bằng cũng không hề biết giữ. Nhất là từ khi có máy lạnh, điều hòa, mọi người quen thói ỷ lại, quan niệm yêu cây, tiếc cây cũng chẳng còn mấy may tồn tại.

Hiện tượng trái đất nóng lên ngày càng nghiêm trọng, đảo Đài Loan nằm trong đới khí hậu cận nhiệt đới, vào mùa hè, hơi nóng bốc lên, nhiệt độ tăng đột biến, cần lắm những bóng cây che chở!

Tôi hiểu rõ rằng, dù có trách móc hay oán thán thêm nữa thì cũng chẳng ích gì, tôi không có ý truy cứu nguyên nhân, quy tội cho ai, xét theo nghĩa rộng, thì những con người trong cuộc đời chúng ta đều là đồng phạm. Tôi chỉ trông đợi ở mình, cảnh giác với mình, tuổi già có hạn, phải tranh thủ thời gian bù đắp, cứu vãn, đồng thời ra sức hô hào mọi người, tích đức nhiều hơn, nghĩ nhiều hơn cho con cháu đời sau.

Năm 2013,

Phụ san Liên hợp, Báo Liên hợp

Nguyễn Thanh Diên dịch.

Biển hoang vu thành bóng mát - Giấc mơ “Vườn cây bao la vạn khoảnh”

(1)

Trên thế giới có rất nhiều nước nghĩa trang không chỉ phô diễn truyền thống văn hóa lịch sử địa phương, mà còn mang bầu không khí nghệ thuật độc đáo: Nghĩa trang Forest Lawn của Hollywood Mỹ được xây dựng như một khu nghỉ dưỡng yên tĩnh; nghĩa trang Highgate ở Luân Đôn, Anh, được bao bọc bởi một rừng cây rộng lớn, là nơi có phần mộ của triết gia Karl Marx, ông cũng như nhiều danh nhân khác yên nghỉ giữa những lùm hoa đẹp rực rỡ; nghĩa trang Woodland ở Stockholm Thụy Điển đẹp như một tiên cảnh, được xếp vào danh sách di sản quan trọng của nhân loại, hàng năm thu hút rất nhiều du khách đến tham quan, xung quanh nghĩa trang còn có rất nhiều khách sạn, nhà hàng, quán cà phê sang trọng, lịch sự, khách ra vào nườm nượp. Những nghĩa trang nổi tiếng thế giới này có điểm chung là chúng đều có môi trường rất tốt với những thảm cỏ xanh rì và những hàng cây rợp bóng, bầu không khí trong lành nghiêm trang, khiến người ta có thể ngồi xuống bất cứ đâu, thả hồn trầm tư, suy tưởng, lĩnh hội ý nghĩa cuộc sống trong thời khắc con người giao hòa với thiên nhiên.

Tổng diện tích nghĩa trang của toàn Đài Loan ước khoảng 1 vạn héc-ta, phân tán trong các hương trấn, nhỏ thì một vài héc ta, lớn thì hơn chục héc ta, nhưng, đa phần các nghĩa trang đều mang đến cho người ta cảm giác hoang lạnh, âm u.

Nghĩa trang, dân gian gọi là “mộ tử bộ”, chữ “bộ” có nghĩa là hoang vu. Có một bài hát tiếng Đài là “Mộ tử bộ cũng dám đi”, ý chỉ “hết sức can đảm”, vì “mộ tử bộ” đa phần đều bị cỏ dại bao trùm, những mô đất ngổn ngang nhô lên, thêm vào đó là những câu chuyện kinh dị, những ma quỷ cô hồn trong truyền thuyết, khiến nó càng trở thành nơi đáng sợ mà ai nấy đều né tránh. Mặc dù nghĩa trang Khê Châu quê tôi bao năm về trước đã được quy hoạch, có quy cách tương đối chỉnh tề thống nhất, nhưng vẫn kiểu hàng lối đơn điệu y hệt khu xã ngày xưa, vẫn hoang lạnh như xưa.

Ngôi làng tôi định cư năm sát ngay nghĩa trang lớn nhất xã tôi, gọi là Nghĩa trang thứ 3. Khoảng mười mấy, hai mươi năm về trước, khi nhìn thấy phong cảnh tươi đẹp của các nghĩa trang nước ngoài qua các kênh thông tin, tôi đã “một lòng hướng tới nó”, mong mỗi nghĩa trang quê nhà cũng được tu sửa thành nghĩa trang rừng để dân làng có thể nghỉ ngơi, dạo mát và thích đến gần.

Năm 2001, khi hưởng ứng chính sách trồng rừng đồng bằng của Cục Lâm nghiệp, 2 héc ta đất nhà tôi được trồng toàn cây giống nguyên sinh Đài Loan, tôi đã sớm có “dự mưu”, cố tình trồng tương đối dày, đợi đến khi thành cây sẽ cho bớt đi để nhân rộng giống cây nguyên sinh, lan tỏa ý thức trồng cây, nơi tôi muốn tặng nhất, đó là nghĩa trang làng tôi.

Những năm gần đây, quan niệm an táng của người dân đã có sự thay đổi, hình thức hỏa táng đã dần dần được chấp nhận, tỉ lệ thổ táng giảm dần, phần đất trống của nghĩa trang ngày càng lớn, cỏ dại mọc um tùm không có người nhổ, hoặc nhổ không xuể, lại càng trở nên hoang vu hơn; điều tệ nhất là, từng xe rác, đồ phế thải, lén lút, thực ra là bán công khai chở vào đây đổ, rác thải chất như núi, trở thành góc chết bẩn thỉu nhất làng.

Mơ ước của tôi về một công viên rừng lại càng cháy bỏng và mong sớm trở thành hiện thực.

(2)

Quyền quản lý đất nghĩa trang phần lớn thuộc về chính quyền hương trấn, người đứng đầu cơ quan hành chính địa phương có quyền quy hoạch, nhưng có lẽ do vướng mắc bởi rất nhiều điều cấm kị trong quan niệm mai táng truyền thống của người dân, nên những lãnh đạo trước đây quen giữ lễ thói cũ, không chịu thay đổi.

Năm 2009, trưởng làng mới nhậm chức, họ Hoàng, may sao, cùng chung tư tưởng với tôi, vừa nhậm chức xong anh đã tích cực thiết kế sơ đồ nghĩa trang rừng, căn cứ vào nhu cầu thực tế, tập trung khu thổ táng, phần còn lại hoạch định thành khu cấm mai táng. Khu cấm mai táng “chỉ có ra không có vào”, chờ để sau này tu sửa thành vườn cây.

Nội quy thổ táng quy định, sau khi chôn cất 8 đến 10 năm thì phải cải táng, đưa vào tháp chứa hài cốt, đến thời hạn, nếu vẫn chưa cải táng, thì chính quyền xã sẽ đả thông, khuyên nhủ gia chủ thực hiện. Chỉ sau mấy năm, khu cấm mai táng rộng chừng 3, 4 héc-ta đã dần trống hết.

Cuối cùng thời cơ đã đến.

Tết trung thu năm 2012, anh Chung - một doanh nhân người trong làng, đến nhà tôi chơi, vừa may trưởng làng cũng có mặt.

Anh Chung là học trò của tôi thời cấp 2, thời trẻ cũng trải qua bao khó khăn vất vả, long đong lận đận, mới làm nên sự nghiệp, nay luôn muốn làm thật nhiều điều đóng góp cho quê hương, thường xuyên giúp đỡ những gia đình khó khăn; anh cũng rất yêu cây, thường mua cây tặng cho một số đơn vị trồng. Tôi và trưởng làng nói với anh về ý tưởng “nghĩa trang rừng”, thực sự không ngờ, anh không chút đắn đo do dự, nhận lời ngay lập tức, tất

cả chi phí cho công trình như san lấp mặt bằng, di dời cây... đều do anh chịu.

Tính cách của người thành công, phần lớn là làm việc gì cũng nhanh chóng quyết đoán chứ không trù trừ trì hoãn. Chỉ vài ba ngày sau cuộc trò chuyện, Chung dẫn một ông chủ công ty cảnh quan cây xanh từng hợp tác với anh đến, hẹn tôi và trưởng làng cùng cùng ra nghĩa trang khảo sát thực địa, xác định phạm vi khoảng 1 héc ta ở mé tây tháp chứa cốt, quy hoạch sơ đồ thiết kế, đồng thời chỉ thị sếp công ty cảnh quan tiến hành công trình như thế nào.

Theo quy trình thủ tục hành chính, công ty cây xanh phải trình bản thiết kế để chính quyền địa phương phê duyệt, phòng Xã hội chịu trách nhiệm giám sát, phối hợp, toàn bộ chi phí do anh Chung trực tiếp chi trả; cây thì di dời từ vườn nhà tôi đến, như vậy là đã đầy đủ điều kiện để thay đổi một cảnh quan.

Trong thời gian thi công công trình, anh Chung quan tâm rất sâu sát, cứ vài ba ngày lại đến kiểm tra, đôn đốc tiến độ, phát hiện có vấn đề gì là lập tức giải quyết ngay.

Rắc rối lớn nhất khi tu sửa nghĩa trang làng tôi là vấn đề chất đất. Hồi đó, đất nguyên bản của khu nghĩa trang, không biết vì mục đích gì mà ông trưởng làng và các vị dân biểu trước sau năm 1990 đã cho múc đi hết, rồi đắp lại một lớp dày mấy thước toàn là cát sỏi lấy từ lòng sông và đá dăm không rõ nguồn gốc, năm đó cơ quan thanh kiểm tra cũng có về điều tra những người liên quan xem có tham nhũng tệ nạn gì không, tuy nhiên cuối cùng rồi sự việc cũng chìm xuống, có điều là việc thay đổi chất đất nghĩa trang cho đến nay vẫn bị bà con phàn nàn.

Nay muốn trồng thảm cỏ và cây xanh, thì phải đào sỏi đá lên, đắp đất vào, rồi còn phải đặt hệ thống tưới, vậy là lại tăng thêm khoản kinh phí lớn. Vì đất đắp thêm chỉ được một lớp mỏng, cấp phối bên dưới toàn là sỏi đá,

khi ánh mặt trời chiếu vào sẽ hút nhiệt mà bốc hơi nóng lên, cây mới trồng
rễ còn yếu, không những rất khó bén rễ, mà thậm chí còn bị cát sỏi nóng ở
dưới làm bỏng, tỉ lệ sống không cao, phải trồng lại nhiều. Nhìn những gốc
cây bị chết khô, tôi hết sức đau lòng.

Tệ nạn của người trước để lại gánh nặng cho người đi sau, cái sai này
thật khó mà sửa!

(3)

Làm đất, trồng cây, trồng thâm cỏ, phủ xanh xong khu vườn này,
phóng tầm mắt ra xa, bộ mặt hoàn toàn mới mẻ, một vùng đất bằng phẳng
xanh tươi, không còn chút hoang vu u ám, lại thêm một cái đình hóng mát
làm bằng thủ công trang nhã, lúc nghỉ ngơi càng thêm không khí mát mẻ
trong lành. Mọi người lục tục kéo đến “tham quan”, ai cũng khen “công
trình” biến nơi hoang lạnh thành bóng mát này đúng là nhất cử lưỡng tiện,
là mô hình nghĩa trang tốt nhất đáng để các hương trấn khác học tập.

Đây chỉ là bước đi đầu tiên. Nguồn tài trợ mới tiếp tục đến. Mùa xuân
năm 2013, Chủ tịch Tập đoàn BenQ Lý Côn Diệu đến thăm vườn cây nhà
tôi, tiện thể tôi dẫn ông ra nghĩa trang, ngắm khu vườn đã hoàn thành việc
phủ xanh ở mé tây tháp chứa cốt, rồi ngắm nhìn cảnh tượng hoang vu, lộn
xộn ở khu vực lớn hơn bên mé đông tháp, nói thẳng là tôi cũng có ngầm ý
cả, ông chủ tịch nở nụ cười thân mật, rồi hứa luôn: kinh phí sửa sang khu
này để tôi lo.

Tôi và chủ tịch Lý quen nhau vào năm 2009 bởi một cơ duyên nào đó,
chúng tôi rất hợp ý nhau. Nhưng điểm chung lớn nhất của chúng tôi là cả
hai đều yêu cây. Anh Lý từng mấy lần đến vườn cây của tôi, góp cho tôi
không ít ý kiến quý báu về việc trồng cây.

Tôi mời người đến thiết kế đồ án xây dựng. Chủ tịch Lý mang mấy đệ
tử thân tín đến xem xét tận nơi, đích thân tham gia thảo luận, anh giới thiệu

tôi biết nghĩa trang rừng Đền thờ Meiji Jingu của Nhật Bản để tham khảo quy hoạch. Cuối cùng quyết định, mời sư phụ làm vườn, “tay sai” của anh, là Tạ Tòng Địa của Công ty cảnh quan Phong Điền, toàn quyền phụ trách thi công. Tôi gọi đùa sư phụ “tay sai”, là vì Tạ Tòng Địa và chủ tịch Lý đã có hơn 20 năm kinh nghiệm hợp tác với nhau, phần lớn công trình cảnh quan thuộc các khu vườn của Tập đoàn BenQ đều do một tay anh ta bao thầu, rất được chủ tịch Lý tin cậy; việc chỉ định anh ta phụ trách, cho thấy sự coi trọng của chủ tịch Lý đối với công trình phủ xanh này.

Có kinh nghiệm của “vết xe đổ” lần trước, nếu chỉ đổ thêm một lớp đất, thì không thể là môi trường lý tưởng để cây sinh trưởng. Sư phụ Tạ Tòng Địa có cách làm sáng tạo độc đáo. Anh bắt đầu từ việc cải tiến máy móc: gắn một cái xẻng xúc mới, thiết kế gầu xúc thành những cái sàng có quy cách kích cỡ khác nhau, dùng từng cái từng cái một, trước hết là sàng lọc các loại rác lớn, tảng đá lớn hoặc những khối xi măng lớn; sau đó dùng sàng có lỗ nhỏ hơn để sàng đá nhỏ, cuối cùng còn lại lớp đất cát thích hợp cho cây trồng, chuẩn bị cho việc trồng cây.

Những tảng đá to, đồng rác to được lọc ra thì xử lý thế nào? Tạ sư phụ lại phát huy sáng kiến, tập trung phế thải lại, chất thành núi giả hình vòng cung, rồi phủ đất cát lên, mở một lối đi quanh ngoằn ngoèo theo tầng bậc mà lên. Đồng thời lấy chính thứ nguyên liệu tại chỗ là những viên đá nhỏ này rải thành lối đi trong vườn, tiện cho việc dạo bộ, trở thành một khu vườn tự nhiên hoàn toàn không có bê tông.

Sáng kiến mới lạ nhất của Tạ sư phụ là chọn những viên đá kích thước gần bằng nhau, tạo hình hoàn chỉnh, xây thủ công thành những bồn nước kiểu nghiêng dốc chảy róc rách, hình dáng bồn giống như một giọt nước lớn đang từ từ nhỏ xuống, chảy thành hình cung rất đẹp. Tôi tưởng tượng mấy năm sau bước trên con đường rải đá quanh co, xuyên qua rừng cây, trèo lên đỉnh dốc nhìn ra xa, tưởng tượng có một “ngọn đồi suy tưởng” giống nghĩa trang Highgate.

Việc chỉnh sửa đất hoàn thành, giờ đến lượt trồng cây. Ngay từ khoảng tháng 9, Tà sư phụ đã dẫn tốp thợ đến vườn nhà tôi, tiến hành trước khâu đào gốc đóng bầu, nuôi rễ cho hai ba trăm gốc ô tâm thạch định di dời, khoảng ba bốn tháng, rễ con sẽ mọc tua tủa, vừa đúng dịp cuối năm đầu xuân, đón những cơn mưa phùn lất phất, rất thích hợp cho việc di dời.

Việc dời cây phải cắt cành tỉa lá, Tà sư phụ chở đến một chiếc “máy nghiền gỗ”, theo miêu tả của nhà báo địa phương Nhan Hoảng Tuấn: làng Khê Châu huyện Chương Hóa gần đây xuất hiện con “quái thú ăn củ”, hóa ra đây là chiếc máy nghiền gỗ tự động, thân cây cành cây sau khi cưa chặt sẽ được nghiền thành bột ngay tại chỗ. Chiếc máy nghiền gỗ này kích cỡ chừng một chiếc xe khách nhỏ, nặng tới 2 tấn, bề ngoài trông như một con cá sấu khổng lồ đang há to miệng, công nhân ném cành cây vào cái miệng rộng hoác của nó, trong bụng phát ra những tiếng ầm ầm, từng mảng vụn gỗ phun ra từ chiếc đuôi đang vểnh ngược lên rơi xuống đất, chất dần thành đống. Đống mùn gỗ này ủ khoảng 4 tháng, sẽ trở thành loại phân bón hảo hạng, có thể cải tạo chất đất, là món hàng đắt khách mà người trồng chậu cảnh, nông trường hữu cơ, các vườn ươm rau quả ưa chuộng.

Theo lời Tà sư phụ, chiếc máy này giá khoảng 2 triệu Đài tệ, trong bụng máy có cả một bộ động cơ ô tô, dao cắt siêu tốc, loại máy nghiền gỗ như thế này khá phổ biến ở Nhật Bản.

Nhìn lại Đài Loan chúng ta, phần lớn thân cây, cành cây chặt xuống sau khi phơi khô đều đem đốt. Mỗi lần giông bão qua đi hoặc những đợt chặt tỉa cây ven đường, nhìn thấy từng đoàn xe chở cành cây thân cây đi, đa phần là đem đốt, tài nguyên không thể thu hồi, lãng phí vô ích, lại gây ô nhiễm không khí nặng nề, thật là đáng tiếc.

Kỳ thực, đội vệ sinh môi trường chính quyền các hương trấn nên lên kế hoạch, “tranh thủ” mấy triệu Đài tệ kinh phí, mua máy nghiền gỗ di động, đồng thời bố trí nhân viên chuyên trách phụ trách vận hành máy, chỉ xem thái độ coi trọng hay không coi trọng mà thôi.

Trong thời gian thi công khoảng hai ba tháng, Lý Đôn Diệu mấy lần đích thân đến đôn đốc, cho ý kiến. Sự cẩn trọng đối với từng chi tiết công trình, rồi những yêu cầu tinh tế về thiết kế mỹ thuật của chủ tịch Lý, đã giúp tôi hiểu thêm phong cách kinh doanh của anh, có câu nói rằng: “Trị nước lớn cũng như nấu món ăn nhỏ”, chủ tịch Lý dù chỉ là tài trợ cho một hoạt động công ích xã hội của một địa phương nhỏ, cũng không hề lơ là với bất kỳ một khâu nào, đúng như nhân viên của anh từng nói khi hình dung về sếp họ: “Quản rất rộng, quản rất tinh”. Những người như giám đốc Từ, trưởng phòng Hoàng ... của Quỹ BenQ càng đến đây nhiều hơn. Tôi cũng nhân tiện ở gần nên ngày nào cũng tranh thủ sang xem tiến độ và bàn bạc với Tạ sư phụ.

Tạ Tòng Địa, quả là con người ứng với cái tên, quan niệm về nghề làm vườn của anh đến từ quan niệm tự nhiên truyền thống của người dân, hoàn toàn tuân theo luân lý đất đai. Anh yêu cầu bản thân rất cao, luôn nói rằng: “Không thể nào mà chỉ biết kiếm tiền mang đi, còn sau lưng để người ta chửi”. Tôi học được từ anh rất nhiều.

(4)

Những người bạn từ xa tới thăm khu vườn và cả bà con trong làng chúng tôi, ai nấy đều khen: làm như vậy là đúng. Mô hình này thực sự đáng được nhân rộng, đáng để chính quyền các huyện thị, các hương trấn học hỏi.

Việc rừng hóa nghĩa trang thật nhiều ý nghĩa!

Không những biến đất hoang thành vườn, biến bãi tha ma hoang vu, lạnh lẽo, thậm chí bắn thiu thành một địa chỉ hấp dẫn rợp bóng cây xanh, có thể dạo mát, nghỉ ngơi. Mong sao mỗi một hương trấn, chưa cần đến cấp nhỏ hơn, có thể xây dựng những công viên xanh trồng thật nhiều cây, yên tĩnh mát mẻ, để nâng cao chất lượng môi trường sống, đồng thời góp sức giảm bớt hiện tượng nóng lên của trái đất.

Có mấy người bạn thân nửa đùa nửa thật rằng: Tôi cũng muốn đến đây nhận một cây đũa sau này gửi tro cốt, làm nơi an nghỉ cuối cùng.

Đúng vậy, thụ táng, chính là một viễn cảnh mơ ước khác của nghĩa trang rừng.

Với tập tục mai táng phổ biến hiện nay - thổ táng, thì cuối cùng vẫn phải cải táng, cho xương cốt vào tiểu, rồi để vào tháp; tro cốt sau khi hỏa táng, cũng phải cho vào tháp như vậy.

Tháp lưu giữ cốt chẳng khác gì một chung cư tắc nghẽn, từ phòng dưới đất cho đến tầng nóc trên cao giống như cái “tủ đựng đồ” tầng tầng lớp lớp, chi chít chằng chịt. Mà cho dù tháp có nhiều chỗ hơn, nhưng vì “chỉ có vào không có ra”, nên vẫn rất dễ “nhét đầy thành nạn”, một chỗ cũng khó tìm. Thế là, đâu đâu cũng quy hoạch xây thêm tháp, tư nhân có, nhà nước có, trở thành một nghề mới nổi, thậm chí có vị lãnh đạo chính quyền địa phương thừa cơ xây “khu quàn cữu và mai táng” rất lớn.

Thú thực, mỗi lần tôi vào bên trong tháp chứa cốt, tìm đến ô để lọ cốt tổ tiên, cha mẹ, mở cửa hòm ra, thường dấy lên một ý nghĩ: sau này, mình không cần chen chúc ở đây, chẳng thà đem tro cốt rải vào đại tự nhiên bao la rộng lớn còn hơn.

Khi sinh mệnh thể xác kết thúc, nếu không có linh hồn, thì việc lưu lại một cái tiểu hài cốt hay một lọ tro cốt, chẳng cần đến hai ba đời, đã không còn ai nhớ đến nữa, vậy thì có ý nghĩa gì? Năm tháng dài lâu, cuối cùng rồi cũng mất; còn nếu có linh hồn, thì nốt trong các hòm nhỏ như vậy lại càng khó chịu.

Quan niệm tro cốt trở về với tự nhiên đã ngày càng được nhiều người chấp nhận. Tôi đoán chẳng bao lâu nữa sẽ trở thành xu thế phổ biến. “Công viên rừng” vừa có thể dẫn dắt phong trào, vừa là sự chuẩn bị để đón chào trào lưu mới.

Với kinh nghiệm khu nghĩa trang rừng mà nghĩa trang thứ 3 làng Khê Châu đã hoàn thành, chính quyền các huyện thị, các hương trấn nếu hướng theo mục tiêu này mà quy hoạch, thì không có gì là khó khăn. Vì chỉ có các chi phí làm đất, lắp đường nước, trồng cây, không cần công trình xây dựng nào, nên không mất nhiều kinh phí, mỗi nghĩa trang chỉ cần mấy triệu Đài tệ là đủ.

Một đợt bắn pháo hoa, động tí là tiêu tốn hàng triệu, hàng chục triệu Đài tệ, phút chốc tan tành mây khói; còn một nghĩa trang rừng, lại là mãi mãi, ý nghĩa vô cùng.

Việc quản lý nghĩa trang, vốn là trách nhiệm của chính quyền, thế nhưng cơ quan hành chính lại để mặc cho khu vực mình quản lý rơi vào tình trạng bẩn thỉu, lộn xộn, bao năm không cải thiện, còn phải nhờ vào lòng hảo tâm của doanh nghiệp, sự ủng hộ mang tính tự phát, thử hỏi vai trò, chức năng của chính quyền ở đâu?

Thực ra, chính quyền làng Khê Châu đã từng nộp bản “Kế hoạch rừng hóa nghĩa trang” lên Sở Xây dựng xin kinh phí 4 triệu Đài tệ, người của Sở Xây dựng cũng đã về khảo sát thực địa, bày tỏ sự đồng thuận, nhưng bảo phải đợi đến khi nào nghĩa trang “trống hoàn toàn”, đảm bảo không có tranh chấp, thì mới phê duyệt. Vậy thì phải đợi đến năm nào tháng nào đây?

Mỗi nghĩa trang cần tiến hành cải tạo, có thể sẽ vấp phải những vấn đề khác nhau cần giải quyết, nhưng với kinh nghiệm của chúng tôi, một số ít phần mộ cũ tạm thời giữ lại, vừa không cản trở việc san lấp mặt bằng, vừa không xảy ra tranh chấp, và cũng khiến họ dễ phối hợp hơn, nhanh chóng dời đi hơn.

Mong rằng toàn bộ đất nghĩa trang của cả miền đất Đài Loan sẽ biến hoang lạnh thành bóng mát, được trồng toàn giống cây nguyên sinh của Đài Loan, trở thành vườn cây xanh bao la vạn khoảnh.

Năm 2014,

Phụ san Liên hợp, Báo Liên hợp

Nguyễn Thanh Diên dịch.

GÁNH VÁC NGỌT NGÀO

Ngô Thịnh
www.dtv-ebook.com

Mục Lục

Lời tác giả: TÔI MONG ĐỢI SỰ ĐỒNG CẢM CỦA ĐỘC GIẢ

VIỆT NAM.....	5
------------------	---

TIẾN XA HƠN TRONG GIAO LƯU VĂN HỌC ĐÀI LOAN VÀ

VIỆT NAM.....	9
------------------	---

CON DÂN CỦA LÀNG QUÊ, ÔNG LÃO CỦA LÀNG QUÊ 11

Khúc	song	tấu
1.....	35	

HÀNG QUÁN.....	35
-------------------	----

HÀNG QUÁN.....	37
-------------------	----

Khúc	song	tấu
2.....	41	

BÀN TAY.....	41
-----------------	----

MỘT CUỐN SÁCH
DÀY..... 43

Khúc song tấu
3..... 46

HOA BÌM BÌM..... 46

THƠ VÀ
CA..... 48

Khúc song tấu
4..... 50

NU CƯỜI
BUỒN..... 50

THUỐC TRỪ
SÂU..... 52

GẠO THƯỢNG THỦY VÙNG KHÊ CHÂU- KẾ HOẠCH

PHỤC HỒI RUỘNG ĐẤT NGẬP NƯỚC..... 55

Khúc song tấu
5..... 76

GÁNH
VÁC..... 76

KHÔNG THỂ LỘ THÂN PHẬN.....
78

ĐỀ		
THI.....		
. 81		
GÁNH	VÁC	TRIỂN
MIÊN.....	83	
Khúc	song	tấu
6.....	92	
CHẲNG		
HẠN.....		92
KHÔNG LÂU NỮA TÔI PHẢI VỀ.....		
94		
Khúc	song	tấu
7.....	97	
ĐÊM		
LẠNH.....		97
CĂN NGUYÊN CỦA TẬP THƠ (3) - NÓI VỚI CON.....		99
Khúc	song	tấu
8.....	103	
KHÁCH		QUA
ĐƯỜNG.....	103	
KHÁCH		QUA
ĐƯỜNG.....	106	
Khúc	song	tấu
9.....	110	

BIA		HỒN
THỨ.....		110
NHẬT	MỘT	MẪU
RÁC.....		112
Khúc	song	tấu
10.....		115
ĐỪNG		
QUÊN.....		115
BÀI	THƠ	YẾU
ĐUỐI.....		117
Khúc	song	tấu
11.....		120
HÃY	NGĂN	CẢN
HỌ.....		120
GIÀU		
CÓ.....		126
SUY NGHĨ VÀ HÀNH ĐỘNG.....		
134		
Khúc	song	tấu
12.....		138
TÔI KHÔNG NÓI CHUYỆN VỚI ANH.....		138
PHÒNG TÁC-“TÔI KHÔNG NÓI CHUYỆN VỚI ANH”..		140

Khúc song tấu
13..... 152

ĐẤT
ĐEN..... 152

QUÊ HƯƠNG CỦA ĐẤT ĐEN - SÔNG TRỌC THỦY VÀ TÔI.

154

Khúc song tấu
14..... 163

CHÚNG TÔI CŨNG CÓ NỖI NHỚ QUÊ HƯƠNG CỦA MÌNH.

163

CHÚNG TÔI CŨNG CÓ NỖI NHỚ QUÊ HƯƠNG CỦA MÌNH.

165

Khúc song tấu
15..... 169

NGHĨA TRANG
RỪNG..... 169

NGHĨA TRANG
RỪNG..... 171

BIỂN HOANG VU THÀNH BÓNG MÁT- GIẤC MƠ “VƯỜN

CÂY BAO LA VẠN KHOẢNH”
186

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

Điện thoại: 024.37161518 - 024.37163409, Fax: 024.38294781

Website: www.nxbvanhoc.com; www.nxbvanhoc.vn

Email: info@nxbvanhoc.com.vn

* Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh 290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận

3

Điện thoại: 028.38469858, Fax: 028.38483481

* Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng

344 đường Trưng Nữ Vương - thành phố Đà Nẵng

Điện thoại - Fax: 0236.3888333

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN ANH VŨ

Biên tập : Nguyễn Thị Dinh

Bìa sách: Tú Linh

Sửa bản in: Nguyễn Thị Dinh

Trình bày : Thanh Tú

Gánh vác ngọt ngào

SONG TẤU THƠ - TẢN VĂN

In 2000 cuốn, khổ 14.5 x 20.5cm, tại Công ty TNHH In Thanh Bình
Địa chỉ: Số 432, đường K2, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội Số
ĐKXB: 2894-2018/CXBIPH/17-180/VH cấp ngày 17/8/2018

Số QĐXB: 1538/QĐ-VH ngày 28/8/2018

Mã ISBN: 978-604-969-792-0

In xong và nộp lưu chiểu năm 2018.

Table of Contents

Mục lục

Lời Tác Giả: Tôi Mong Đợi Sự Đồng Cảm Của Độc Giả Việt Nam

Tiến Xa Hơn Trong Giao Lưu Văn Học Đài Loan Và Việt Nam

Con Dân Của Làng Quê, Ông Lão Của Làng Quê

Khúc Song Tấu 1: Hàng Quán

Khúc Song Tấu 2: Bàn Tay

Khúc Song Tấu 3: Hoa Bìm Bìm

Khúc Song Tấu 4: Nụ Cười Buồn

Khúc Song Tấu 5: Gánh Vác

Khúc Song Tấu 6: Chặng Hạng

Khúc Song Tấu 7: Đêm Lạnh

Khúc Song Tấu 8: Khách Qua Đường

Khúc Song Tấu 9: Bia Hồn Thú

Khúc Song Tấu 10: Đờng Quên

Khúc Song Tấu 11: Hãy Ngăn Cản Họ

Khúc Song Tấu 12: Tôi Không Nói Chuyện Với Anh

Khúc Song Tấu 13: Đất Đen

Khúc Song Tấu 14: Chúng Tôi Cũng Có Nỗi Nhớ Quê Hương Của Mình

Khúc Song Tấu 15: Nghĩa Trang Rừng

Mục Lục